

NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG

HÁN VIỆT TỬ TỰ

漢越四字

THÀNH NGỮ

成語



XUÂN THU

NGUYỄN - XUÂN - TRƯỜNG

漢越四字
HÁN - VIỆT TỬ - TỰ
成語
THÀNH - NGỮ

Nhà xuất bản XUÂN THU
P.O. Box 97
Los Alamitos CA 90720

NHÀ XUẤT BẢN XUÂN THU
P.O. Box 97 Los Alamitos CA 90720
July 1989

Lời tựa

Không ai chối cãi được cái ảnh hưởng sâu đậm của hán nho trong văn-học nước nhà. Có nhiều người tâm huyết ý-thức về dân-tộc-tinh đã phải ít nhiều khó chịu về cái ảnh-hưởng ấy. Họ cố-tình và quyết-liệt chống giữ tiếng mẹ đẻ cho được tinh-thuần và đầy đủ. Gần đây những chữ như « vùng trời, vùng biển, vùng nửa núi đồi, mây bay lên thẳng, cả nước, v.v... » đã mạnh dạn thay thế cho các tên : « không-phận, hải-phận, trung-nguyên, phi-co-trực-thăng, toàn-quốc... ». Thật ra ảnh hưởng của hán nho có chỗ hay mà cũng có cái quá lạm. Nhiều trường-hợp chỉ vì tánh thích huê-mỹ rườm-rà mà người ta dùng hán-việt, làm chệch khuất lu mờ cái Việt-tinh sáng đẹp của ngôn-ngữ mình và gây nên thói quen chung. Thói quen đó hiển-hiện nhất là mỗi khi phải đáp ứng nhu cầu ngôn ngữ cho các tiến bộ mới trong xã hội, mình thường chọn cái dễ dàng nhất là nhập cảng luôn các từ ngữ phát minh của người mà dùng. Điền hình như các tiếng : « nguyên tử lực, không tặc, vô tuyến truyền ảnh (fac-simile), vô thức tập thể (inconscient collectif), mãi lực (pouvoir d'achat), thái dương (crédit) khám huyền (révélation), trụ sinh (antibiotique) lập thể, (cubisme), tĩnh vật (nature), thông số (paramètre), mẫu hạm, tiềm thủy đình, thiết hải (patin), du ca, công xã, v.v... »

Mặc dù ra sức chống chối với áp lực nặng nề của hán học, các người yêu nước nồng nàn cũng phải công nhận rằng cái phần « tốt » của hán việt đã đến để bổ túc và phong phú hóa ngôn ngữ nước nhà, đó là chưa nói đến cái tinh thần cao đẹp của Khổng Mạnh đã làm duy trì được bản

chất đồng phương đặc thù của ta. Bởi đó cho nên tận lúc này chưa thấy ai phê bình những mẫu kết hợp kháng khí tuyệt mỹ của việt hán trong « **Lính thủy đánh bộ** (fusilier marin), **màn độc thoại** (scène de monologue), **ống bán dẫn** (transistor), **phạt góc** (corner), **phạt đền** (penalty), **săn sóc viên sĩ quan dây** (officier fil), **súng phóng lựu** (lance-grenade) **mưa nhân tạo**, **biểu tình ngồi**, **đường bay quốc nội** (lignes domestiques), v. v... Đây là điểm can gián chúng tôi không đi quá xa trong các ý nghĩ cấp tiến sai lệch về sự Nôm-hóa toàn thể tiếng mẹ đẻ và cũng là nguồn khích lệ cho việc biên khảo quyền thành ngữ hán việt bốn chữ này. Dầu vậy chúng tôi lúc nào cũng e ngại quyền sách có thể gây tác dụng lệch lạc làm cho người đọc có thói quen dùng hán việt để thay thế cho ngôn ngữ thuần túy của ta, vì bởi mục đích hèn mọn của nó chỉ là để giúp quý vị có bên tay một phương tiện tra tìm ý nghĩa chính xác của những thành ngữ gặp phải trên báo chương hoặc trong sách vở.

Sau cùng, vì đây là một việc làm đơn độc trong số thời giờ hạn hẹp nên chắc hẳn chúng tôi không tránh khỏi sơ suất về mọi mặt, kính xin chư vị lượng tình tha thứ và chỉ giáo.

NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG

CẦU KINH ngày mồng bảy tháng sáu Quý Sửu 1973.

A

0001— ÁC KHÀU THỌ CHI.

Miệng nói ác thì thân phải thọ lãnh, gánh chịu cái ác, cái họa.

0002— ÁI NHI BẤT KIẾN.

Thương mà không được gặp, lòng phải tưởng nhớ.
Trích thơ Tình Nữ trong Kinh Thi :

*Tình nữ kỳ thú
Sĩ ngã vu thành ngu
Ái nhi bất kiến
Tao thủ trì trừ*

(Cô gái dịu dàng xinh đẹp đợi ta ở góc thành, yêu mà không được gặp, ta gãi đầu bần khổ.)

0003— ÁI NGUY TỬ HIỀM.

Ưa thích cái nguy thì phải chết hiềm nghèo.

0004— AN CỬU DI CHẤT.

Ở yên lâu thì thay đổi cái tính chất mình đi. TẬP TỤC DI CHÍ, AN CỬU DI CHẤT. Thói quen chung làm thay đổi cái chí, yên-ôn lâu thì làm thay đổi cái chất.

0005— ÁN BINH BẤT ĐỘNG.

Đóng quân ngừng yên lại một chỗ, không hoạt động tiến binh nữa. Một nguy-kế của nhà quân sự.

0006— ÂM BINH THIÊN TƯỚNG.

Bình ma trời giúp. Nói chuyện không có thật. Nói âm binh thiên tướng tức là nói chuyện lang bang trời đất, vu khoát không đâu, không nhằm được vào chỗ nào cả.

0007— ÂM CỤC DƯƠNG HỒI.

Hết suy rồi tới thịnh trở lại. Hết cực khổ rồi đến sung sướng trở lại. Đó là theo dịch tự nhiên của tạo hóa.

0008— ÂM THỦY TRUY NGUYÊN.

Uống nước tìm nguồn mạch. Thọ ơn, tìm ơn báo đền. Xem chữ THƯỜNG THỦY TỰ NGUỒN.



0009— BẠC THẦN KHINH NGÔN.

Môi mỏng nói càn. Không cần-thận dẫn-đo lời nói.

0010— BÁCH BỘ XUYỀN DƯƠNG.

Cách một trăm bước bắn thủng lá cây dương liễu. Tài ba lỗi lạc. Dưõng-Đo-Cơ xưa có tài bắn được lá dương ở cách xa một trăm bước.

0011— BÁCH CHIẾT BÁT HỒI.

☹ Một trăm lần gầy đồ cũng không lui nhượng, thất bại bao phen cũng không lùi bước. Quyết-chi.

0012— **BÁCH CHIẾT THIÊN MA.**

Trăm gậy ngàn mài. Một trăm lần gậy đao, một ngàn lần mài lại. Trì chí kiên gan, không khuất phục trước gian khổ, thất bại không nản chí, sờn lòng.

0013— **BÁCH GIA CHI SÂN.**

Của chung trăm nhà. Giang-sơn đất nước là của chung trăm họ, mọi người phải được hưởng đồng đều và cùng trách nhiệm yêu mến bảo vệ lấy.

0014— **BÁCH NIÊN GIAI LÃO.**

Cùng nhau sống già trăm tuổi. Lời chúc cho vợ chồng được chung sống hưởng thọ miên-trường.

0015— **BÁCH VÔ CẨM KÝ.**

Trăm điều không nề trọng, kiêng kỉnh điều nào. Chẳng sợ xúc phạm đến việc gì.

0016— **BẠCH CẦU QUÁ KHÍCH.**

Ngựa cầu trắng qua kẻ hỏ. Thời gian qua rất mau như bóng con ngựa cầu trắng phóng vút ngang cửa sổ. Cầu là con ngựa mới hai tuổi, rất sung sức. Tống Thái Tổ xưa nói: NHƠN SINH NHỰT THỂ NHƯ BẠCH CẦU QUÁ KHÍCH. Người ta sống một đời như con ngựa trắng qua cửa sổ. Đời người qua mau. Người ta cũng dùng chữ: CẦU QUANG QUÁ KHÍCH. Bóng ngựa qua kẻ hỏ.

0017— **BẠCH NHỰT KIỀU NHƠN.**

Bạn ngày giữa chốn đông người lên mặt hanh hách

kiêu mạn, coi người chẳng ra gì. Bối câu : HÔN DẠ KHẮT AI NHI, KIÊU NHƠN BẠCH NHỰT. Nghĩa là chiều đem trong bóng tối thì lờn cúi ăn mày, lay lục van xin thăm thiết như trẻ con, ban ngày ngoài sáng thì lại hiêu hiêu ngạo mạn, phách lối.

0018— BẠCH THỦ THÀNH GIA.

Tay trắng làm nên nhà. Tự lập. Với hai bàn tay không và chí nhẫn nại chịu khó làm việc dựng nên được sự-nghiep.

0019— BÁN ĐỒ NHI PHÉ.

Nửa đường thì bỏ cuộc. Làm việc mà thất chí, không kiên-trì, mất nghị-lực được đến giữa đường thì chán ngán bỏ lửng. QUÂN TỬ TUÂN ĐẠO NHI HÀNH, BÁN ĐỒ NHI PHÉ, NGÔ PHẤT NĂNG DĨ HỸ. Quân-tử nường theo Đạo mà đi. Nửa đường mà bỏ, ta không làm vậy được (Trung-dung 11).

0020— BÁN SINH BÁN THỰC.

Nửa sống nửa chín. Công việc lơ dờ, không ra được hình thức nào cả.

0021— BÁN TÍN BÁN NGHI.

Nửa tin nửa hồ nghi. Chưa quyết-ý, dứt khoát được.

0022— BẠNG DUẬT TƯƠNG TRÌ.

Con cò và con sò nín kéo nhau. BẠNG DUẬT TƯƠNG TRÌ NGƯ ÔNG ĐẮC LỢI, Cò và sò kì-kéo nín

kéo nhau ởng dân chài được lợi bắt được cả hai. Hai kẻ tranh giành xâu xé nhau thì suy yếu đi tất đệ-tam-nhơn thủ lợi đến thu-đoạt cả hai không khó. Trong Chiến-Quốc-Sách Tô-Đại xưa ví cho Tần-Huệ-Vương biết nước Yên nước Triệu đặng co nhau, rốt cuộc Tần sẽ là ngư-ông thâu tóm cả hai.

0023— BẠO PHÁT BẠO TÀN.

Ở đời hề cái gì phát-khởi dữ, thì kết-thúc thảm, tàn lụi mau lẹ. Việc không căn-bồn chính-minh tuy có thấy bộc-phát thịnh-hành, nhưng không bền vững trường-tồn

0024— BẢO TÂN CỨU HÓA.

Ôm củi chữa lửa. Làm tăng thêm sự trầm trọng của sự việc xảy ra mà tưởng rằng đang cứu chữa, cũng như thay vì gánh nước tưới vào lửa cháy lại ôm củi quăng thêm vào. Làm nghiêm-trọng một tình-thế vì ác-ý hoặc vô-tình.

0025— BÁT VẠN TỨ THIÊN.

Tám muôn bốn ngàn. Tiếng nhà Phật theo cách nói bên Ấn-Độ chỉ sự vô-vạn vô-số, thật nhiều không tính được.

0026— BẠT SƠN CỬ ĐÀNH.

Nhắc cái núi, nâng cái vạc. Người có sức mạnh vô-song, dõ nổi được trái núi, cái vạc lên cao như Hạng-Vô ngày xưa : LỰC NĂNG CỬ ĐÀNH, THẾ KHẢ BẠT SƠN.

0027— BẠT THIÊN PHÚ QUÝ.

Giàu sang ngắt trời.

0028— **BẮC NHẠM NAM HỒNG.**

Con chim nhậm đi bắc, con chim hồng về nam. Kể ở nơi này người ở chỗ kia, xuôi ngược xa cách. **CÔ NHẠM NAM PHI HỒNG BẮC KHỨ** : Con nhậm lẻ bay về phương nam, con chim hồng xuôi mạn bắc.

0029— **BÀN PHÚ BẤT QUÂN.**

Nghèo giàu chênh-lệch, không cân bằng. Kể quá dư giả, người nghèo xác-xơ.

0030— **BÀN TIỆN KIỆU NHƠN.**

Người bàn tiện đệ hèn mà tự-cao tự-đại không muốn phục ai.

0031— **BÀN TIỆN MẠC VONG.**

Bạn lúc nghèo hèn chớ nên quên bỏ. **Hơn-Quang-Võ** có chị gái góa chồng là **Hồ-Dương** muốn gả cho **Tống-Hoảng**. **Hoảng** đã có vợ nên khi được hỏi ý liền thưa : **TÀO KHƯƠNG CHI THÊ BẤT KHẢ HẠ ĐƯỜNG, BÀN TIỆN CHI GIAO BẤT KHẢ VONG.** Người vợ từ lúc ăn tấm, ăn cám không thể đem xuống nhà dưới, bạn bè kết thân từ lúc nghèo hèn không thể quên bỏ.

0032— **BẤT CỘNG ĐỐI THIÊN.**

Không đối trời chung. Có mối hận cừu lớn.

0033— **BẤT DI BẤT DỊCH.**

Không dời không đổi. Nhứt định. Không lay chuyển dời đổi.

0034— **BẤT DỤC NHI PHI.**

Không cánh mà bay. Bỗng nhiên mà thấy biến mất.
Bị mất cắp.

0035— **BẤT GIÁO NÃI THIÊN.**

Không dạy dỗ, rèn luyện thì tánh tình tất phải thay đổi đi. NHƠN CHI SƠ TÁNH BỒN THIÊN, CẦU BẤT GIÁO TÁNH NÃI THIÊN. Con người sơ khởi bầm tánh tốt lành, nếu không giáo dục thì tánh tốt ấy biến đổi đi.

0036— **BẤT KHẢ TẮC CHỈ.**

Cái gì làm không được thì ngưng, thì thôi, không nên cố mà mang hại. Khéo lấy điều ngay thẳng mà khuyến cáo, không được nghe thì ngưng thôi, chứ đừng để chuốc lấy nhục vào cho mình. TRUNG CÁO NHI THIÊN ĐẠO CHI, BẤT KHẢ, TẮC CHỈ, VÔ TỰ NHỤC YÊN. (Luận ngữ : Nhan-Uyên 22.)

0037— **BẤT KHẢ TƯ NGHỊ.**

Không thể nghĩ bàn cho thấu. Chỉ cái huyền diệu thâm-uuyền trí-tuệ và tâm thức khó đạt đến nổi.

0038— **BẤT KHẢ THĂNG NGÔN.**

Không thể nói nổi, không thể nói cho cùng, cho xiết.

0039 — **BẤT KHẢ THĂNG SỞ.**

Không thể tính nổi. Đếm không xiết.

0040 — **BẮT LAO NHI HOẠCH.**

Không mệt mà được. Khỏi khó nhọc mà vẫn thu-hoạch được kết-quả.

0041 — **BẮT LY TRI THÙ.**

Không thể rời mắt ra một vật tí ti nào. Tánh keo kiệt giữ của. Tri thù là vật rất nhỏ.

0042 — **BẮT MƯU NHI HỢP.**

Không có dự tính trước mà tự nhiên được hợp gặp nhau, tự nhiên ý-kiến trùng nhau, tự nhiên việc làm ăn khớp với nhau. Không mưu định mà bỗng hợp thành.

0043 — **BẮT SĨ VÔ NGHĨA.**

Không ra làm quan là vô nghĩa. Ý. Thầy Tử-Lộ nói người có đức có tài mà không ra tham-chánh giúp đời là người không có nghĩa trái đạo vậy (Luận-ngữ : Vi tử 7).

0044 — **BẮT TỊNH THUYẾT PHÁP.**

Tâm ý không thanh-tịnh mà thuyết pháp sai với chân lý, chỉ nói bợ đỡ theo thị hiếu của người, tâng bốc kẻ giàu, người quyền thế để mưu lợi. Theo nhà Phật, Bất tịnh thuyết pháp có năm điểm : Tự xưng mình biết hết Phật-Pháp ; khi thuyết-pháp thì nói điều sai lạc phản pháp ; tâm còn ngờ vực chánh pháp và sau cùng là cầu lợi, tham của cúng dường mà thuyết-pháp.

0045 — **BẮT TRI SỞ DĨ.**

Không biết lý do tại đâu mà ra, bởi đâu mà có.

0046— **BẤT TƯỜNG CHI TRIỆU.**

Điềm không lành, không tốt.

0947 **BẤT ƯỚC NHI ĐỒNG.**

Không có ước hẹn mà tự nhiên được giống nhau.
Không có âm-mưu trước mà đương-nhiên tâm đồng ý-hiệp.

0048— **BẤT XẢ TRÚ DẠ.**

Không bỏ qua ngày đêm. Liên-miên không kể ngày đêm. Không-Tử đứng trên bờ ngắm dòng nước chảy mà nói. **THỆ GIẢ NHƯ TỬ PHÙ, BẤT XẢ TRÚ DẠ.** Ý nói Đạo Trời Đất cứ liên tục tiến-hành, thông lưu mãi mãi như dòng nước chảy. (Luận-ngữ : Tử-Hân 16).

0049— **BẾ NGUYỆT TU HOA.**

Làm cho trắng khuất, làm cho hoa hồng thẹn. Ý chỉ sắc đẹp lộng lẫy của người con gái làm cho trăng phải mờ, hoa phải thẹn.

0050— **BẾ QUAN TỎA CẢNG.**

Đóng cửa ải, khóa cửa biển. Không cho người, hàng hóa, tư tưởng, văn hóa v.v... của ngoại-quốc xâm-nhập vào nội-địa.

0051— **BỆNH TÒNG KHÀU NHẬP.**

Bệnh theo cửa miệng mà vô trong người. Nghĩa đen : Bệnh sanh ra phần lớn do sự không chăm sóc việc ăn uống vệ sinh cửa miệng. Nghĩa bóng : Tâm-bệnh, tri bệnh, tai-

họa thường do bất-cần cái lỗ miệng ; ăn nói nhiều gây ra cái sơ-suất mà mắc vạ.

0052— BÌ OA CHỦ NHỤC.

Nồi da sáo thịt. Anh em cùng da thịt một nhà mà tranh-đấu xấu-xé nhau.

0053— BIỆT ĐA HỘI THIỀU.

Xa cách nhau nhiều, gặp gỡ nhau ít. Ý chỉ tình nhưn yêu thương nhau mà ít được gần gũi nhau lòng nặng xót-xa nhưng nhớ như NGƯỜI-LANG, CHÚC-NỮ trong câu thơ : BIỆT ĐA HỘI THIỀU NẠI NHƯỢC HÀ, KHƯỚC ỨC TÙNG TIỀN HOAN ÁI ĐA. Xa nhau nhiều, gặp nhau ít, biết làm sao, bèn nhớ lại ngày trước đã cùng nhau yêu thương hoan lạc nhiều.

0054— BÌNH ĐỊA PHONG BA.

Đất bằng nổi sóng gió. Tự nhiên đang yên vui lại xảy ra biến-cổ. Ta thường nói : Đất bằng sóng dậy.

0055— BÌNH TÂM NHI LUẬN.

Đề cho lòng bằng phẳng lắng dịu rồi lấy lẽ ngay, lẽ công ra mà bàn luận sự việc. Trong lúc tâm-trí bất-ôn, rối loạn thì không luận-định sự việc cho đúng lẽ được.

0056— BÌNH THỦY TƯƠNG PHÙNG.

Bèo nước gặp nhau. Tha hương hội ngộ, đất khách gặp cố-tri, BÌNH THỦY TƯƠNG PHÙNG TẬN THỊ THA

HƯƠNG CHI KHÁCH. Bèo nước gặp nhau cùng là khách của quê người cả.

0057— BÒ THIÊN CỨU TỆ

Sửa lại điều lệch lạc và cứu chữa việc xấu.

0058 — BỘ BỘ LIÊN HOA.

Bởi câu : **BỘ BỘ SANH LIÊN HOA.** Bước bước đến ra bông sen. Chỉ người con gái đẹp tương đi yêu-điện, tha-thuốt dịu dàng như tiên vũ, mỗi lần dời gót ngọc là như nảy ra một đóa sen trên thềm. Đông-Hôn-Hần nhà Tề đúc bông sen bằng vàng lót lên nền nhà để ngắm bước đi mỹ-miệu của người vợ đẹp là nàng Phan-Phi.

0059 — BÔN TẬP CHIẾN THUẬT.

Một lối đánh giặc chủ-chương bất-thần vận binh từ xa đến tấn kích đối-phương, xong rồi vận-động binh rút chạy thật nhanh về hậu-tuyến ở xa, không để dấu vết cho địch truy-kích kịp. Thường gọi nôm là lối đánh chạy (hit and run). Lối đánh này có ưu điểm là yếu tố bất ngờ làm địch-thủ không rõ quân xuất từ đâu và lui về đâu, không truy kích được người đánh lên, tinh-thần lại bị lung-lạc mạnh vì bởi không rõ được địch-tình.

0060— BÔNG ĐẦU CẦU ĐIỆN.

Đầu rối như bông bong, mặt lấm bụi bặm. Lao-động khổ nhọc đầu tắt mặt tối. Làm việc quá ồm-đồm phải đầu bù tóc rối chạy theo việc dễ mà làm.



0061 — CÁC TRI NHỨT THUYẾT.

Ai ai cũng giữ lấy một thuyết riêng của mình. mọi người đều theo cái lý lẽ riêng của mình.

0062— CÁC TẬN SỞ NĂNG.

Mọi người đều làm hết năng lực của mình. Ai ai cũng dốc sức làm.

0063— CÁCH CỔ ĐÌNH TÂN.

Rời bỏ cái cũ để dựng lên cái mới. (Kinh-Dịch).

0064— CÁCH CHỨC HỒI DÂN.

Tước lột hết chức quyền cho về làm dân thường. Quan chức bị thất-sủng mất chức quyền.

0065— CÁCH DIỆN TÀY TÂM.

Bên ngoài mặt thì cải-cách, đổi bỏ hình thức cũ, bên trong lòng nội-dung thì gột rửa cho thanh sạch. Quyết-tinh cải quá, dứt bỏ thói xấu tật hự, sửa đổi toàn-diện.

0066— CÁCH NGOA TAO DƯỠNG.

Cách giày gãi ngựa. Ngựa trong bàn chân mà gãi phía bên ngoài chiếc giày. Việc làm không hiệu-quả, không thấm-thiết vào đâu.

0067— CÁCH VẬT TRI TRI.

Chia tách sự vật ra rồi dùng trí suy luận để biết. Phân tích đối-tượng sự-vật rồi dùng trí-thức để tìm biết ra nguyên-lý của nó. Nghiên-cứu. Chủ-trương của sách Đại-Học là muốn trị-quốc thì phải tề gia, tề gia thì phải tu thân, tu thân thì phải chính tâm, chính tâm thì phải thành ý, và sau cùng muốn thành ý thì phải trí tri mà muốn trí tri tất phải cách vật.

0068— [CÁI QUAN LUẬN ĐỊNH.

Khi đây nắp hòm rồi thì lời bàn hay dở, phải trái mới định được. Người chết khuất rồi đời sau mới luận xét đúng sai, hay dở chính xác được.

0069— CẢI ÁC VI THIỆN.

Bỏ điều ác, làm điều lành.

0070— CẢI LÃO HƯỒN ĐỒNG.

Biến đổi già làm cho trở lại trẻ. Ý chỉ phép màu, phép tiên hay linh-dược có thể làm cho người trẻ trung lại.

0071— CẢI TÀ QUI CHÁNH.

Sửa bỏ điều sai lầm, tà gian mà trở về đường ngay, lẽ phải.

0072— CẢI TỬ HƯỒN SANH.

Biến-cải cái chết thành trở lại sống. Làm cho kẻ

chết sống lại. Cái chết hay đáng chết rồi mà nhờ một ân-pháp, tài năng nào làm cho sống lại, cho có sinh-lực tái hoạt động trở lại.

0073— CAN THÀNH CHI TƯỚNG.

Vị tướng lãnh có tài-lược vững vàng đáng tin phục vì như cái can đề đỡ, cái thành đề chống giữ khỏi sự xâm-phạm của địch binh.

0074— CAN TRƯỜNG TƯƠNG THỨC.

Hiều biết nhau tận ở trong gan, trong ruột. Bận chỉ thân.

0075— CAO ĐÀM KHOÁT LUẬN.

Nói cao bàn rộng. Bàn luận sự việc một cách sâu rộng tỉ-mỉ.

0076— CAO LƯƠNG MỸ VỊ.

Thịt béo, gạo trắng mùi ngon. Đồ ăn ngon. Các thức ăn ngon lành của hạng giàu sang.

0077— CAO PHI VIỄN TÀU.

Cao bay xa chạy. Đã thoát đi biệt tích mất dạng, có theo rồi truy kích cũng muộn.

0078— CÀO MỘC TỬ KHÔI.

Cây khô tro nguội. Không còn sinh khí. Thất-chí, hết nghị-lực.

0079— CÁT NHƠN THIÊN TƯỚNG.

Người lành trời giúp. Kẻ tốt phước được trời giúp.

0080— CĂN THÂM ĐẾ CỐ.

Gốc sâu, cuống chắc. Thật vững chắc.

0081— CÀM Y NGỌC THỰC.

Ăn ngọc mặc gấm. Giàu sang sung sướng.

0082— CÀM TÂM TÚ KHÀU.

Lòng gấm miệng thêu. Ý đẹp lời hay. Người có văn từ huê mỹ, có tài văn chương.

0083— CÀM THƯỢNG THIÊM HOA

Thêm bông trên gấm. Đã hay đẹp còn tăng thêm cái đẹp hay. Người hay, vật đẹp lại còn được cái hay đẹp đến tột điểm thêm như gấm đã đẹp lại điểm thêm hoa tăng thêm phần trang lệ.

0084— CÂN NÃO CHIẾN TRANH.

Chiến tranh gân óc. Chiến tranh chủ dùng đòn mưu lược, đấu trí mà thắng hoặc để giảm bớt phần thất lợi. Một lối đánh giặc phối hợp đủ mọi phương diện quân sự, chánh-trị kinh-tế...liên hoàn yểm trợ nhau trong một sách lược rộng lớn nhằm lung lay bộ óc chiến tranh của địch để địch khinh suất tạo lợi thế cho mình (Guerre des nerfs).

0085— **CÂN QUẮC ANH THU.**

Đàn bà con gái có khi phách đồng lược. Đàn bà tài năng.

0086— **CẬN DUYỆT VIỆN LAI.**

Người ở gần thì làm đẹp lòng, kẻ ở xa thì đến thăm viếng. Người lịch lãm, ân cần.

0087— **CẬN CHÂU CẬN MẶC.**

Gần son, gần mực. Gần son thì đỏ, gần mực thì đen. Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng. Sống gần kẻ tốt thì nhiễm lấy đức tốt, gần chỗ xấu xa thì dễ trở nên tàn ác.

0088— **CẦN TÁC VÔ ƯU.**

Kỷ lưỡng cần-thận thì khỏi lo phiền về sau.

0089— **CÁP THÂM NGẠNH ĐOÀN.**

Mức nước sâu mà phải cây sào ngắn, không mức tới nước được. Tài ít mà làm việc quá khả năng miếu, không thành đạt được.

0090— **CÁP CÔNG HẢO NGÃI.**

Sốt sắng làm việc công, hảo hức ái mộ làm điều nghĩa.

0091 — **CẠT VĨ VI TRỰC.**

Nói chường, làm nghịch mà cho mình là cương trực

ngay thẳng. Móc vắn, cật-vắn, nói đâm xóc người mà lấy làm cương trực. Ngụy giả cương-trực.

0092— **CÂU THÂM SÁCH ÂN.**

Mọi móc chỗ chôn sâu lên, tìm tội lục lạc nơi kín khuất ra. Truy nguyên tận cùng, quyết tìm tận lý.

0093— **CÂU THIỆT KIỂM THẦN.**

Lưỡi như câu móc, môi như gương giáo. Ngôn từ sắc-xảo khéo léo dễ hãm hại người.

0094— **CÂU VĂN THẤT NGHĨA.**

Cổ chấp, câu nệ ở văn từ mà làm mất đi cái ý-nghĩa trung-thực. Câu nệ lời văn mà thất ý.

0095— **CẦU CÔNG PHẢN CHUYẾT.**

Quá mưu tìm cái khéo léo mà trở thành vụng về.

0096— **CẦU LỘC ĐẮC LANG.**

Mưu tìm con nai mà lại được loài sói dữ. Mưu tìm phúc lợi mà gặp phải họa-ác.

0097— **CẦU VINH PHẢN NHỤC.**

Mưu tìm vinh hiển mà hóa ra gặp điều nhục nhã.

0098— **CẦU MÃ CHI TRUNG.**

Chữ trung của loài chó ngựa. Trung thành vì được

nuôi ăn như loài chó ngựa, muông thú. Lòng trung của kẻ tiều-nhơn.

0099 — **CÔ CHƯỜNG NAN MINH.**

Một tay võ khó kêu. Việc làm lấy một mình, không người cộng tác hỗ-trợ khó mang lại kết-quả, thành công gây tiếng vang lớn ví như chỉ có độc một bàn tay võ thì khó gây động cho người nghe biết được.

0100 — **CÔ DANH ĐIẾU DỰ.**

Mua chuộc tiếng tăm. Người mưu tìm danh thơm tiếng tốt.

0101 — **CÔ HẠC XUẤT QUẦN.**

Con chim hạc một mình vượt lên khỏi bầy. Người tài giỏi trời bậc.

0102 — **CÔ LẬU QUẢ VẦN.**

Quê mùa hạn hẹp, ít kiến văn.

0103 — **CÔ NHẬN THẤT QUẦN.**

Con nhận lẻ loi lạc đàn. Người mất anh em bạn bè.

0104 — **CÓ THỦ THẤT BÍ.**

Ngó bên này mất bên nọ. Không tuyệt toàn được.

0105— CỒ THIẾT ĐÀN THẦN.

Khua trống bằng lưỡi, gậy đòn bằng môi. Người môi mép khâu tái, cũng dụng ý chỉ kẻ bép xép nhiều lời, khua môi múa lưỡi. Có người nói là : ĐAO THIẾT ĐÀN THẦN thấy không xác đối. Nói : ĐAO THẦN CỒ THIẾT (khua môi đánh lưỡi) thì thấy ổn và thông-dụng hơn.

0106— CÔNG TOẠI THÂN THOẢI.

Việc thành thân lui. Phạm khi thành công hiền đạt thì bên ngoài người đồ kỵ, bên trong mình sinh kiêu, sản ra nhiều nhu cầu xa xỉ un đúc các hành động sơ suất dễ làm cho thân thể suy thoát. Vậy công việc toại mãn thì nên lui thân là thượng sách, bởi cố bám ở lại thì ắt có ngày cũng bị phế bỏ. Đạo Đức Kinh có câu : CÔNG TOẠI THÂN THOẢI. THIÊN CHI ĐẠO. Việc xong lui thân, đó là đạo trời. (Chương IX). Lão Tử nói : CÔNG THÀNH NHI PHẤT CƯ, PHỦ DUY PHẤT CƯ, THỊ DĨ BẤT KHỨ cũng là vậy đó.

0107— CÔNG THÀNH ĐẢ VIỆN.

Người nay quen gọi là CÔNG ĐỒN ĐẢ VIỆN. Tấn công thành lũy để đón đánh viện binh. Theo binh pháp thì binh púp khó đánh hơn binh đi, vì khó trông thấy chúng. Binh ẩn thủ trông thành lũy kiên cố khó đánh hơn binh đang di chuyển ngoài nội vì binh đó không sẵn công-sự phòng ngự. Đây là chiến thuật chia quân tiến-công hãm thành để dụ viện binh đến ứng cứu mà mai phục tiêu diệt.

0108— CÔNG THÀNH LƯỢC ĐỊA.

Đánh thành chiếm đất.

0109— CỐT MỘT TUY BA.

Chìm mất do theo ngọn sóng. Phủ cho thân phận
chìm nổi theo thời đời. Phò thác nhẹ cho thời thế đầy đưa
cho đến chỗ vong-thất.

0110 — CỐT TÍCH THÀNH SƠN.

Xương chất thành núi, Thảm cảnh phủ-phàng của
cuộc giết chóc chiến-tranh.

0111 — CƠ ĐẬU TƯƠNG TIỀN.

Cảnh đậu sáo nhau. Cúi đậu nấu đậu. Anh em chung
một nhà, cùng huyết-thống mà xấu xé hại nhau.

0112 — CƠ GIỚI CHI TÂM.

Lòng như máy móc. Lòng gian xảo đầy cơ-mưu.

0113 — CÙ LAO CỤC DỤC.

Siêng năng cực-khò để nuôi nấng con cái. Chỉ công
ơn cha mẹ. Kinh Thi có câu : PHỤ HỀ SINH NGÃ. MẪU
HỀ CỤC NGÃ, AI AI PHỤ MẪU SINH NGÃ CÙ LAO, DỤC
CHI ĐỨC, HẠO THIÊN VŨNG CỰC. Cha thì sanh ra ta, mẹ
thì bồng bế nuôi ta, thương thay cha mẹ sanh ta, khó nhọc
muốn trả ơn trời rộng vô cùng. Xưa Ngụy-Vương-Thời
đời Tấn dạy học trò nghe trẻ đọc đến câu này thì ràng
rụa châu sa đến nỗi học trò sợ phải bỏ đi không dám đọc
nữa.

0114— CỤ TÁN THU LY.

Kết hợp kẻ phân tán, thu hồi người ly biệt. Người

có tài bình-loạn, an-bang tế-thế, ổn định nếp sống của
nhơn-quần.

0115— CÚC CUNG TẬN TỤY.

Cúi mình chịu đựng hết mọi gian-khò vất vả, hết
lòng, hết sức chăm lo.

0116— CÚC NGẠO HÀN SƯƠNG.

Cúc cười sương lạnh. Kẻ sĩ ở thời loạn ví như hoa
cúc mùa đông vẫn nở, không sợ bão tuyết dập dùi.

0117— CỤC HỮU CHUYỀN CƠ.

Cuộc cờ, hoặc cuộc chơi có thể biến thế được. Có
thề lật ngược thế cờ được. Tình thế nhơn sinh khi bĩ cực,
khi thất bại chưa hẳn là tuyệt vọng, vẫn còn cơ quật-khởi
nếu biết giữ được tâm-thần bình-tĩnh sáng suốt.

0118— CỤC NGOẠI BÀNG QUAN.

Người ngoài cuộc đứng bên lề dóm. Không can-hệ,
dừng-dung hờ hững đối với việc người.

0119— CÙNG BẤT THẤT NGHĨA.

Khi khốn cùng không bỏ mất nghĩa. CÙNG BẤT
THẤT NGHĨA, ĐẠT BẤT LY ĐẠO. Lúc cùng khốn vẫn
giữ được nghĩa, lúc hiền-đạt không xa lìa đạo.

0120— CÙNG KHÁU MẠC TRUY.

Chớ có đuổi theo kẻ cướp cùng đường, rất nguy
hiểm, bởi túng thế nó sẽ đánh liều mà gây họa cho mình.

0121— CUNG VÔ SỞ XUẤT.

Cùng đường không lối thoát ra. Trạng huống quá túng rối, khốn đốn không phương xoay sở được.

0122— CUỐNG THẾ VU NHƠN.

Lừa đời dối người. Gian xảo, lừa bịp thiên hạ.

0123— CƯ AN TỬ NGUY.

Được ở yên thì phải nhớ lo đến cái nguy để mà phòng bị. Kinh dịch có câu: NGUY GIẢ AN KỲ VỊ GIẢ DÃ, VONG GIẢ BẢO KỲ TỒN GIẢ DÃ, LOAN GIẢ HỮU KỲ TRỊ GIẢ DÃ, THỊ CỐ QUÂN TỬ AN NHI BẤT VONG NGUY, TỒN NHI BẤT VONG VONG, TRỊ NHI BẤT VONG LOAN, THỊ DĨ NHÂN AN NHI QUỐC GIA KHẢ BẢO DÃ. Người bị nguy là bởi cứ ở yên vui nơi ngôi phận mình, bị mất là bởi bảo thủ lấy cái hiện tồn, bị loạn bởi cậy có cái trị sẵn. Bởi thế người quân tử ở yên vui mà không quên cái nguy, còn thì không quên đến lúc mất khi thành trị thì không quên cảnh loạn suy, như vậy mới yên thân mà giữ được nước, được nhà vậy. (Hệ-tử hạ).

0124— CỬ ĐẦU KIẾN NHỰT.

Ngóc đầu lên là thấy mặt trời ngay. Do câu: CỬ ĐẦU KIẾN NHỰT BẤT KIẾN TRƯỜNG AN. Ngẩng đầu lên là thấy mặt trời chứ không thấy kinh triều Trường-An. Mặt trời đâu cũng có, giang sơn khắp cùng, ngẩng đầu lên là thấy lòng yêu nước nhớ quê hương trời đây, nào có cần phải thấy dấu triều đình ở kinh đô Trường An.

0125— CỬ NHỨT PHẢN TAM.

Nêu lên một mà xét hiểu được ba. Biết một suy ba Tài trí. Luận ngữ có câu : BẤT PHẢN, BẤT KHẢI, BẤT PHỈ, BẤT PHÁT. CỬ NHỨT NGUNG BẤT DỄ TAM NGUNG PHẢN, TẮC BẤT PHỤC DÃ. Không nóng nảy vì muốn biết thì không truyền mở cho, không ầm ứ vì chưa tường thì không bày vẽ khai sáng cho. Nêu lên một gốc mà không suy hiểu ra được ba gốc khác thì không dạy nữa. (Thuật-nhi 8).

0126— CỬ NHỨT PHẾ BÁCH.

Phát làm một việc mà bỏ hết trăm việc. Ý chê người chấp nhứt làm hỏng công cuộc. Mạnh Tử nói : SỞ Ỗ CHẤP NHỨT GIẢ. VỊ KỶ TẮC ĐẠO DÃ. CỬ NHỨT NHI PHẾ BÁCH DÃ. Cái đáng ghét trong sự chấp nhứt là bởi nó làm hại đạo, làm được một việc mà phải bỏ trăm việc.

0127— CỬ TÚC KHINH TRỌNG.

Nhắc chân đặt xuống phía bên nào là bên ấy nặng, bên kia nhẹ đi. Người nắm trong tay yếu-tố quyết-định, cho phía này hơn phía kia kém. Người có thể-lực.

0128— CỨC VĂNG CỨC PHẢN.

Đi mau về gấp, đi mau về mau.

0129— CƯỚC CÀN BÁT ÒN.

Gốc chân không vững. Người hoạt-động mà không cơ-sở hạ-tầng vững chắc, không cơ-bồn chân đứng.

0130— CƯƠNG CỬ MỤC TRƯNG.

Giở giềng lưới lên thì các mắt lưới lòi ra. Nếu ra được cái đại-cương thì tất nhiên các tiểu-tiết sẽ dễ thấy. Cương là giềng dây cái bốn bề của cái lưới, các dây nhỏ bên mắc vào đó mà thành cả chiếc lưới.

0131— CỪU BÁT CỘNG THIÊN.

Thù không đội trời chung. Mối thù to lớn.

0132— CỰU LẠC TÂN SINH.

Cái cũ rụng cái mới sinh nở ra.

0133— CỬU TỰ CÙ LAO.

Chín chữ cù lao. Công ơn khó nhọc của cha mẹ. Chín chữ cù lao là : SINH, CÚC, PHỦ, DỤC, CỐ, PHỤC, PHỦ, PHÚC, SÚC. Sanh, đẻ, nuôi, sống, vỗ về, dạy, trông nom, gần gũi, nâng đỡ, ôm ấp, nuôi chứa trong nhà cho đến lớn, (Kinh Thi : Lục nga)

0134— CỬU VÔ SỜ QUI.

Tội lỗi không đo cho ai được, rành rành.

0135— CHÂM CHƯỚC THỜI NGHI.

San sát cho hợp thời. Biết liệu việc mà tấn thối, gia giảm cho hợp với thời cuộc.

0136— CHÂM PHÙNG VÔ KHÍCH.

Kim may không hề thấy lỗ xỏ. Người khéo léo kín

đảo, làm việc liễn lạc chu tất, không để cho ai biết được
manh mối hành động của mình.

0137— CHÂM TRẦM THỦY ĐỀ.

Kim chìm đáy nước. Việc khó khăn, vô hy vọng.

0138— CHÁP MỀ BÁT NGỘ.

Quyết giữ lấy sự liễn lạc, không chịu thức tỉnh nhìn
nhận lẽ phải. Ngoan cố.

0139— CHÂU HUYỀN HỢP PHỐ.

Ngọc trai trở về Hợp-Phố. Của mất trở về tay chủ
cũ. Đất Hợp-Phố có nhiều ngọc trai. Các quan địa phương
tham-ô thường bắt sưu-dân đi mò lấy, gây khổ-nghiệt cho
quần chúng, nên dân thợ trai bỏ đi nơi khác làm ăn. Do
đó nguồn thô-sản hạt trai của Hợp-Phố không còn. Đời
Thái-Thủ Mạnh-Thường dẹp các tệ-đoan cũ, dân thợ
trai trở về quê hành nghề. Hợp-Phố lại sản-xuất ngọc
châu như xưa. Dụng ý nói châu ngọc bỏ kẻ không ngay
lành, đến khi đức thịnh châu ngọc lại trở về.

0140— CHI LÂM LAN CỐC.

Cỏ chi ở rừng, cỏ lan ở hang động. Vì người hiền
ẩn-cư lúc chưa đến thời như các loài hoa thơm cỏ lạ. Ẩn
nọc trong hang rừng.

0141— CHỈ NHÂN VÔ KỶ.

Bậc chỉ nhân không thấy có mình, không kể đến
mình. Trang-Tử nói : CHỈ NHÂN VÔ KỶ, THẦN NHÂN

VÔ CÔNG, THÁNH NHÂN VÔ DANH. Chỉ nhân không sá mình, thần nhân không kể đến công mình, thánh nhân không màng đến tiếng tăm tên tuổi mình. (Tiêu-đạo-du, Nam-Hoa kinh).

0142 — CHÍ TÁI CHÍ TAM.

Đến hai lần ba lượt. Phải đến nhiều lần.

0143 — CHÍ TỬ BẤT BIẾN.

Đến chết cũng không thay đổi. Tiết-trung.

0144 — CHÍ THÀNH THÔNG THẦN.

Lòng thành chí tận thì cảm thông được đến thần linh.

0145 — CHỈ KÊ MẠ KHUYỀN.

Chỉ gà mắng chó. Nói xiên xéo. Chưởi hóng gió người khác.

0146 — CHỈ PHÚC ĐÍNH HÔN.

Chỉ vào bụng mà đính hôn cho con. Ngày xưa hai họ kết thân muốn gầy thông gia mà chưa sanh được con thì chỉ vào bụng người mẹ khi còn mang thai mà đính hôn cho hai trẻ. Việc dựng vợ gả chồng cha mẹ định-đoạt từ thuở còn tằm bé, ngày cả khi còn ở trong bào thai.

0147 — CHỈ THIÊN HOẠCH ĐỊA.

Chỉ trời vạch đất. Múa tay bươu chân, chỉ chỗ vì nợ khí xung thiên. Cử chỉ lúc quá nóng giận.

0148— CHỈ XÍCH SƠN HÀ.

Gần nhau gang tấc mà như cách núi ngăn sông. Chỉ là tám tấc. Xích là mười tấc.

0149— CHỈ XÍCH THIÊN NHAN.

Chỉ cách cái mặt của ông trời có gang tấc. Được gần kề nhà vua ; Thân cận người trên trước quyền thế. Do câu :
THIÊN UY BẮT VI NHAN CHỈ XÍCH.

0150— CHÍCH THỦ KINH THIÊN.

Một tay đơn độc chỗi trời. Một mình gánh việc lớn, khó khăn, nặng nề.

0151 — CHIẾM CÔNG VI TỰ.

Giữ lấy của chung mà làm của riêng mình. Tham những.

0152 — CHIẾT QUẢNG TRI Y.

Nhờ gây cánh tay mới biết được thuốc. Thất bại dạy khôn. Ý chê kẻ bất tri đề đến thất bại rồi mới biết sai lầm, không tiên liệu phòng bị trước được.

0153— CHIÊU HIỀN ĐÃI SĨ.

Mời gọi người hiền tài, tiếp đãi danh sĩ. Cầu nơn tài.

0154— CHIẾU CẬP PHÚC BỒN.

Soi chiếu đến tận nơi chậu úp. Soi xét tận kẻ, cao minh, thấu tận chân tình.

0155— CHÍNH BỒN THANH NGUỒN.

Sửa gốc lọc nguồn. Muốn cho cây ngay phải sửa tại gốc muốn cho nước trong phải lọc sạch tại nguồn mạch. Sửa chữa tận căn-bản.

0156— CHÍNH GIÀ CHÍNH DÃ.

Chính-trị, cai trị là giữ đúng ngay chính để dạy dân trở nên ngay chính. Đại-phu cầm đầu dân mà tự chính-đỉnh thì không ai dám ăn ở bất-chính. Đó là lời Khổng-Tử nói với Quí-Khương quan nước Lỗ: CHÍNH GIÀ CHÍNH DÃ. TỬ SUẤT DĨ CHÍNH THỰC CẢM BẤT CHÍNH ? (Luận-ngữ, Nhan-Uyên 16).

0157— CHÍNH KỶ CHÍNH NHƠN.

Sửa mình cho ngay chính trước, mới chính đốn sửa trị, người được.

0158— CHÍNH PHẢN NHỊ DIỆN.

Phải trái hai bề.

0159— CHU NHI PHỤC THỈ.

Giáp một vòng tròn là trở lại mỗi đầu. Đúng chu-kỳ là mỗi cũ sẽ trở lại. Sự đời tái-diễn.

0160— CHÙY XỬ NANG TRUNG.

Cái dùi ở trong cái bao. Vật nhọn ở trong cái bao, cái bì thế nào cũng lộ mũi nhọn của nó ra. Kể có tài dù có bị bao bọc, bưng bít chèn ép thế nào, cũng trời dậy, hiển hiện vượt ra.

0161— **CHUYỀN HỌA VI PHÚC.**

Xoay biến được cái họa làm trở thành cái phúc. Tài thảo-vác xoay sở:

0162— **CHUNG MINH ĐỈNH THỰC.**

Chỉ nhà quờn quới giàu sang đông người, ăn phải đánh chuông mời gọi, cơm phải nấu trong vạc to. **CHUNG MINH ĐỈNH THỰC CHI GIA !** Đó là lời trăn trở nhà giàu có, lấy ý trong câu : » **LIỆT ĐỈNH NHI THỰC, THỰC THỜI KÍCH CHUNG ! !**. Bày vạc ra mà ăn, ăn thì đánh chuông gọi!

0163— **CHÚNG CHÍ THÀNH THÀNH.**

Nhiều chí xây nên thành. Quốc - ngữ viết : **CHÚNG CHÍ THÀNH THÀNH, CHÚNG KIỂU THUỐC KIM**. Nhiều chí xây nên thành, nhiều miệng nói nung chảy vàng. Đoàn kết đông người thì làm nên việc lớn.

0164— **CHÚNG KHẨU ĐỒNG TỪ.**

Miệng nhiều người đều cùng nói một lời. Nhiều người ăn rập nhau.

0165— **CHÚNG NỘ NAN PHẠM.**

Cái giận của nhiều người khó động tới. Chờ đựng đến cái phần uất của đám đông. Quần chúng bị chọc giận ắt đầy loạn.

0166— **CHÚNG VẮNG TRI LẠI.**

Bằng cứ vào cái đã qua mà biết được cái sắp đến sau này.



0167— **DÃ CÔNG TU TẾ.**

Mượn phép công đề làm lợi ích cho việc riêng tây. Lạm-quyền.

0168— **DÃ SÙNG HỐI DÂM.**

Mượn cái dung mạo trau chuốt bề ngoài mà làm chức cảm dỗ cho người mê say. Trang sức làm dáng để khiêu dâm. Trang trí giả-tạo lớp bề ngoài món hàng để giục lòng người thấy ham mà muốn mua. Thêm dệt cái lớp vỏ ngoài để đánh động lòng ham muốn của người.

0169— **DÃ MÃ VÔ CƯƠNG.**

Ngựa hoang không có dây buộc. Người phóng-khi không kiềm hãm điều khiển được.

0170— **DANH CƯƠNG LỢI TỎA.**

Lưới danh khóa lợi. Người bị danh lợi ràng buộc.

0171— **DANH CHÁNH NGÔN THUẬN.**

Danh có chính thì lời nói mới được nghe theo dễ dàng
Tử Lộ hỏi Khổng-Tử : Nếu vua Vệ mời thầy tu - chính việc trị nước thì làm gì trước ?

— Sửa danh cho chính vì nếu DANH BẤT CHÍNH TẮC NGÔN BẤT THUẬN, NGÔN BẤT THUẬN TẮC SỰ BẤT THÀNH. Danh không chính thì lời nói không xuôi, nói không xuôi thì việc không thành. (Luận - Ngữ : Tử - Lộ 3) .

0172— DANH PHÓ KỲ THỰC.

Tiếng tăm xứng với thực tài.

0173— DAO THẦN CỒ THIẾT.

Khua môi đánh lưỡi. Xem phần thích ở chữ CỒ THIẾT ĐÀN THẦN.

0174— DAO VĨ KHẮT LÂN.

Ngọc nguầy cái đuôi để ăn xin lòng lân tuất. Kẻ nịnh hay múa máy để van xin chủ đoái thương.

0175— DI HOA TIẾP MỘC.

Thuật ghép đôi hoa này thành hoa khác, tháp cảnh này vào cây nọ cho ra xinh tươi kết quả nhiều hơn bình thường. Chỉ thủ-đoạn trao-chác giáo-quyet.

0176— DI THIÊN ĐẠI TỘI.

Tội lớn ngập trời. Tội tày trời.

0177— DI XÚ VẠN NIÊN.

Đề xấu muôn năm. Làm điều ác đức thì đề lại tiếng xấu muôn đời.

0178— **DỊ KHẦU ĐỒNG ÂM.**

Khác miệng mà nói cùng một giọng. Chủ-trương giống nhau.

0179—**DỊ LỘ ĐỒNG QUI.**

Đi khác ngã mà về cùng một điểm. Đồng cứu-cánh, khác phương-pháp thực-hiện.

0180— **DĨ ÂN BÁO OÁN .**

Lấy Ân - đức mà đáp lại oán thù .

0181 — **DĨ BẠO DỊCH BẠO .**

Lấy bạo đòi bạo. Sách Sử - ký Bá Di liệt truyện có thơ rằng : DĨ BẠO DỊCH BẠO HỀ, BẮT TRI KỶ PHI HỖ
Lấy bạo đòi bạo hề, chẳng hay là trái. DI, TỀ can vua Vũ đánh Trụ, nhưng rút cuộc Vũ diệt được nhà Ân, hai anh em hồ thẹn bỏ đi ẩn trên Thù-Dương-Sơn ăn rau vi rồi chết, chứ không thọ lương nhà Châu.

00182— **DĨ CHÂU ĐẠN TƯƠC.**

Lấy hòn ngọc trai làm bì để bắt con chim sẻ. Không biết được của quý, người tài mà trọng dụng cũng như không đánh giá hòn ngọc so với giá-trị của con chim sẻ nhỏ nhit.

0183— **DĨ DẬT ĐÃI LAO.**

Lấy nhiều, lấy khỏe mà tiếp đối với một nhọc. Một binh pháp chiến-thuật do Tuân-Dinh, nguyên soái nước

Tấn nghĩ ra đề đánh Trịnh là chư-hầu của Sở. Sợ thế mạnh của Sở nên Đinh quan-niệm lối đánh không nhứt thiết chiến thắng ở trận chỉ cốt mưu thắng cho được cuộc chiến đoạt mục-tiêu. Đinh chia quân làm ba đạo thay phiên nhau đánh Trịnh. Hễ thấy viện-binh Sở đến tiếp thì lui. Khi Sở lui thì lại tiến đánh. Ba quân cứ thay phiên nhau đánh, đạo này mệt thì nghỉ, đạo kia khỏe xong ra đánh. Cứ tiếp diễn liên-tục làm mòn mỏi địch binh mà thắng cuộc.

0184— **DĨ ĐỨC HÀNH NHƠN.**

Lấy đức độ làm điều nhân. Mạnh-Tử nói : DĨ LỰC GIẢ NHÂN GIẢ, BÁ. BÁ TẤT HỮU ĐẠI QUỐC. DĨ ĐỨC HÀNH NHƠN GIẢ, VƯƠNG. VƯƠNG BẮT ĐÃI ĐẠI. Lấy sức mà làm điều nhân-chính là Bá. Làm Bá thì cần có một nước lớn. Lấy đức hành nhân là Vương. Làm Vương chẳng cần đợi có nước lớn. (Công-Tôn-Sửu chương cú thượng).

0185— **DĨ ĐỘC TRỊ ĐỘC.**

Lấy độc trừ độc.

0186— **DĨ HUYẾT TÀ Y HUYẾT.**

Lấy máu rửa máu. Oán cừu đáp lại oán cừu Quyết phục hận. Máu rửa máu thì không sạch máu, oau gia bần đáp thì nó sẽ tiếp diễn bất-tận.

0187— **DĨ LẠI VI SỰ.**

Lấy quan làm thầy. Tận diệt xong các loại sách vở không thích hợp với chế-độ mới của một nước Trung-

Hoa vừa thống-nhất, Tần-Thỉ-Hoàng không có một chính sách giáo-dục cách-mạng nào mới mà lại trở về với chủ-trương CHÍNH GIÁO HỢP NHẤT thuở xưa, lấy quan lại làm thầy ! Ông quan vừa cai trị vừa dạy dân.

0188— DĨ LỄ CHẾ CHI.

Lấy lễ để mà trị. Lấy khuôn phép kính trọng người mà chế-phục người.

0189— DĨ MÃ DỊCH NGƯU.

Lấy ngựa đổi trâu.

0190— DĨ MẠO THỦ NHƠN.

Xét lấy cái tướng mạo bề ngoài mà thu nhận người, giữ lấy người. Tin người ở bề ngoài, bề mặt.

0191— DĨ NGÔN THỦ NHƠN.

Xét theo lời lẽ mà tin người. Tin nơi lời nói khéo. Tin bằng lời.

0192— DĨ MỤC TÓNG TÌNH.

Lấy mắt đưa tình. Tư thông với nhau.

1093— DĨ NOÂN ĐÀU THẠCH.

Lấy trứng chọi đá. Lấy sức mỏng mà đương cự với thể lực mạnh như lấy trứng mà ném vào đá, trứng tất bể mà đá chẳng hề hấn gì. Không thực tế định-lượng sở-lực để hành-động tổn hại vô-ích.

1094— **DĨ NHẤT TRI VẠN.**

Lấy có một việc mà suy biết được muôn việc. Tài tri.

0195— **DĨ THÂN TÁC TẮC.**

Lấy thân mình làm quy-tắc cho người noi theo. Làm gương.

0196— **DIỄN BA THẢO NGƯỜN.**

Nương dọc theo ngọn sóng mà xét tìm ra mạch nước. Truy nguyên. Lăn dọc theo một yếu-tố, một dữ kiện mà phẳng tìm ra nguồn gốc, lý do của sự việc.

0197— **DIỄN TÀI THỤ CHỨC.**

Tùy theo tài năng mà trao cho chức việc.

0198— **DIỆP LẠC TRI THU.**

Thấy lá rụng biết mùa thu. Thấy triệu chứng biết được việc xảy ra. Triệu-trúng nhỏ khiến đoán được biến cố lớn. NGÔ ĐỒNG NHẤT DIỆP LẠC, THIÊN HẠ CỘNG TRI THU. Chỉ một lá vông rụng, thiên hạ đều biết mùa thu đến.

0199— **DIỆP MẬU CĂN THÂM.**

Lá xanh tươi đẹp dễ là nhờ ở cái rễ ăn sâu. Phát-triển tốt đẹp là do ở cái căn bản vững vàng. Việc tiến hành thuận tốt là do cái gốc hiểu biết và kinh nghiệm sâu rộng, vững chắc.

0200— DIỆN THỊ BỐI PHI.

Trước mặt nói phải, sau lưng nói trái. Người gian dối, phản trắc.

0201 - DO THIÊN NHẬP THÂM.

Từ cạn vô sâu. Đi từ chỗ nông cạn, sơ đẳng bề ngoài mà tiến dần đến chỗ thâm sâu của đạo lý, của sự việc. Đi từ chỗ không biết mà dần dà thâm-nhuần đến chỗ thông suốt xâu xa. Không có gì mà trong phút chốc tự nhiên lĩnh-hội hoàn toàn được.

0202— DU THỦ DU THỰC.

Rảnh tay ăm rồi đi chơi. Người ăn không ngồi rồi, không làm việc, lêu lổng.

0203 - DỤC HOẢN CẦU MƯU.

Kế tri hườn binh để tìm lập mưu-kế mới.

0204— DỤC TỐC BẤT ĐẠT.

Muốn mau thì không được thành. Việc gì cũng có đoạn-chương diễn-tiến theo từng giai bậc lớp lang cho đến chỗ kết-quả. Muốn mau thành đạt mà đốn bứt các giai đoạn diễn tiến của sự việc tất hỏng. Ý khuyên người phải làm việc từ-tốn cần-thận làm cho đúng việc, chớ hấp tấp cầu-thả, không chu đáo gây sơ-suất mà hỏng việc. Đức Không-phu-tử có nói : «VÔ DỤC TỐC, VÔ KIẾN TIÊU LỢI : DỤC TỐC TẮC BẤT ĐẠT, KIẾN TIÊU LỢI TẮC ĐẠI SỰ BẤT THÀNH». Chớ muốn mau, chớ thấy cái lợi nhỏ : Muốn mau ắt không đạt, tham lợi nhỏ ắt việc lớn không thành. (Luận-ngữ : Tử-lộ 17).

0205— DUY MỆNH THỊ THÍNH.

Chỉ mệnh-lệnh xuất truyền là rằm rắp tuân thủ.
Bảo đầu nghe đó, sai gì làm nấy.

0206— DUYÊN MỘC CẦU NGƯ.

Leo cây tìm cá. Làm việc phi lý phi công vô ích.
Do câu : «DUYÊN MỘC NHI CẦU NGƯ» (Leo cây mà tìm cá) trong sách Mạnh-Tử.

0207— DƯ SINH VÔ BỒ.

Sống thừa không giúp ích gì cho đời.

0208— DƯỢC KHỎ LỢI BỆNH.

Thuốc đắng có ích cho bệnh. Thuốc đắng dã tật. Lời ngay thẳng khó nghe nhưng rất bổ ích.

2209— DƯƠNG CHẤT HỒ BÌ.

Ngoài da là cộp là hùm, nhưng thực-chất bên trong là con dê. Bên ngoài tướng hùm, oai hổ, bắt nạt thiên hạ nhưng bên chất bên trong thì khiếp nhược, hèn nhát như con dê.

0210— DƯƠNG ĐÔNG KÍCH TÂY.

Lối đánh giặc dấy binh, giặc binh đang đông, mà đánh đang tây. Gạt cho địch dồn lực-lượng về một mặt đối phó, để hồ mặt khác lâu dùng đại binh xung kích mà thắng. Lừa địch mà đánh theo kế nghi-binh.

0211— DƯƠNG VI CUNG THUẬN.

Mặt ngoài làm ra vẻ cung kính, thuận phục.

0212— DƯỞNG HỒ DI HOẠN.

Nuôi cạp để hoạn nạn về sau. Tự nuôi họa cho mình.

0213— DƯỞNG TINH SÚC NHUỆ.

Nuôi dưỡng tinh-thần, sức trừ nhuệ-khi dành cho việc mai sau.



0214— ĐA GIÁO THÀNH OÁN.

Dạy nhiều thì trở nên oán. Chỉ bảo nhiều sanh ra oán ghét.

0215— ĐA NAM ĐA ƯU.

Có con trai nhiều thì càng nhiều ầu lo.

0216— ĐA NGÔN ĐA QUÁ.

Càng nói nhiều thì càng sơ suất lỗi lầm nhiều.

0217— ĐA PHÚ ĐA OÁN.

Càng giàu sang thì càng có nhiều người không ưa.

0218— ĐA THỌ ĐA NHỤC.

Sống nhiều nhục nhiều. Càng sống lâu thì càng rõ nhiều nỗi ê-chề của trường đời, càng thấy cái nhục thêm chồng-chất.

0219— ĐA VĂN VI PHÚ.

Lấy cái kiến văn nhiều làm giàu. Học hiểu nhiều mới cho là giàu, chứ không phải lấy cái tiền rừng bạc bể, của cải vật-chất làm phong-phú.

0220— ĐẢ ĐÀ ĐÀM ĐÀM.

Đánh đánh nói nói. Chiến thuật một mặt vừa đánh, vừa thương-thuyết. Đả đàm liên ứng nhau. Đánh để làm áp-lực cho giá thương-lượng. Thương-lượng để dò dẫm địch tình, để đỡ đòn cho khi bị đánh mạnh, kếm thế trên chiến-trường, hoặc giả để dùng xảo-ngôn mà đánh lừa địch.

0221— ĐẢ THẢO KINH XÀ.

Đập cỏ làm cho rắn kinh sợ. Ra oai làm nỡ để hiếp dọa. Ý nói chưa đủ lực để đánh địch, thì hãy tạm để nó ở yên, chớ nên làm kinh động nó mà chuốc lấy họa.

0222— ĐẠC ĐỨC LƯỢNG LỰC.

Đo đức lượng sức. Định lượng uy đức và tài lực của mình đối với người.

0223— ĐÁI BỒN VỌNG THIÊN.

Đội chầu trông trời làm sao thấy được mặt trời ! Ý nói bị chèn ép lấp liếm không kêu thấu ăn trời được, oan gia nan giải.

0224— ĐÁI TỘI LẬP CÔNG.

Tạo dựng công-nghiệp để chuộc lấy tội đã làm.

0225— ĐÃI NGUYỆT ĐỐI HOA

Ngắm hoa chờ trăng lên. Chỉ sự chờ đợi người yêu đến nơi hẹn hò. Lấy ý trong bài thơ tả cảnh Trương-sinh đợi nàng Thôi Oanh Oanh ở truyện Tây-sương-ký :

ĐÃI NGUYỆT TÂY SƯƠNG HẠ,
LÂM PHONG HỘ BẢN KHAI,
CÁCH TƯỜNG HOA ẢNH ĐỘNG,
NGHI THỊ NGỌC NHÂN LAI.»

(Đợi trăng dưới chái tây, gió lùa cửa nửa cánh khép, bóng hoa bên kia tường xào xạc, ngỡ rằng người ngọc tới.)

0226— ĐẠI ĐAO KHOÁT PHỦ

Dao to búa lớn. Thái-độ vũ-phu ; thô-mãng.

0227— ĐẠI ĐỒNG TIÊU DI.

Phần đại-cương thì cùng giống nhau, mà chỉ khác biệt ở các tiểu tiết.

0228— **ĐẠI GIAN TỰ TRUNG.**

Kẻ gian lớn bề ngoài chẳng khác người trung, khó lường biết được. Thường nói : « **ĐẠI GIAN TỰ TÍN, ĐẠI NINH TỰ TRUNG** ». Kẻ gian lớn trông chẳng khác người thành tín. Người nịnh lớn tự như bậc trung-nghĩa.

0229— **ĐẠI KHÍ VĂN THÀNH.**

Người tài-khí lớn thường thành công muộn.

0230— **ĐÀM HỒ BIẾN SẮC.**

Nghe nói tới cộp lùm thì sắc mặt thay đổi. Chỉ nghe nói tới uy lực là đã khiếp sợ, chỉ nghe oai danh là đủ tái mặt. Đã nơm nớp lo sợ điều gì, bỗng nghe bàn đến việc ấy thì mặt biến sắc ngay.

0231— **ĐẠM NHI BẤT YẾM.**

Nhặt nhẻo nhưng không chán ngán. Ý nói đạo lý thoát xem thì đăm bạc, khô khan, khó hấp dẫn, nhưng càng suy lâu càng thấy cái thâm thúy của nó nên không chán. Sách Trung Dung có câu : « **QUÂN TỬ CHI ĐẠO, ĐẠM NHI BẤT YẾM, GIẢN NHI VĂN, ÔN NHI LÝ** ». Đạo quân tử lạt mà không chán, đơn giản mà văn vẻ, ôn nhu mà hợp lý.

0232— **ĐẠN HOÀN CHI ĐỊA.**

Khuỷnh đất nhỏ chỉ bằng hòn đạn. Mảnh đất rất nhỏ hẹp,

0233— ĐÀNG ĐỒNG CÔNG DỊ.

Hùa theo kẻ giống mình và công kích kẻ khác mình.

0234— ĐÀO LÝ XUẤT NGHINH.

Mang giày ngược chạy ra tiếp đón. Quý trọng bạn bè. Thái-Ung xưa đang tiếp khách nghe có bạn là Vương-Sán đến quỳnh mừng xô ngược giày vội vả ra tiếp đón.

0235— ĐẠO BẤT VIỄN NHÂN.

Đạo không xa bản tính của con người. Người theo Đạo mà xa nhân tính không phải là Đạo. ĐẠO BẤT VIỄN NHÂN, NHÂN CHI VI ĐẠO NHI VIỄN NHÂN, BẤT KHẢ DĨ VI ĐẠO (Trung Dung 13).

0236— ĐẠO DIỆC HỮU ĐẠO.

Kẻ ăn trộm cũng có đạo, có đường hướng, tôn chỉ của nó.

0237— ĐÁP BẤT ĐỐI ĐỀ.

Trả lời lạc đề, không nhằm đúng vào câu hỏi. Người chưa thấu đáo vấn đề nên nói sàm. Hoặc người né tránh đề-tài mà đáp lạc hướng đi.

0238— ĐẮC BẤT THƯỜNG THẤT.

Cái được không đền đáp nên cái mất đi.

0239— ĐẮC BỘ TIẾN BỘ.

Bước được, bước thêm lên. Người hảnh tiến, lần được một bước, lại tiến thêm lên nữa, chứ chưa cho là thỏa-mãn.

0240— ĐẮC Ý VONG HÌNH.

Lúc được thích chí rồi quên mất cả hình-thức bề ngoài. Người lúc đắc-ý thỏa thích thì say sưa tự mãn không còn cần-thận giữ khuôn phép lễ-nghi bên ngoài nữa.

0241— ĐẮC XÍCH THỦ XÍCH.

Đặng thước nào giữ lấy thước nấy. Do câu : «ĐẮC THỐN THỦ THỐN, ĐẮC XÍCH THỦ XÍCH». Đặng tactic nào giữ lấy tactic nấy ; dặng thước nào giữ lấy thước nấy.

0242— ĐẰNG GIAO KHỜ PHỤNG.

Con rồng giao phóng bay, con chim phượng vụt cánh tung lên. Ý chỉ tài nghệ xuất-quần trời vượt.

0243— ĐẰNG BẮT KHẢ LIỆP.

Không thể nhảy lướt mà bỏ bậc trật được. Phải theo thứ-tự tiến-trình sự việc mà làm. Tuân tự trước sau tuân giữ từng giai đoạn của sự việc chứ không thể nhảy bỏ thứ bậc được.

0244— ĐÀU ĐÀO BÁO LÝ.

Ném cho trái đào, trả lại trái lý. Tặng quà đáp lễ. Tra nghĩa nhau.

0245— ĐÀU MỀ CHIẾT YÊU.

Vi đấu gạo mà gãy lưng. Vi bông lọc, miếng ăn mà lưng phải cùi lòn.

0246— ĐÀU TỬU BÁCH THIÊN.

Uống một đấu rượu làm được một trăm thiên văn thơ. Người văn chương tài giỏi.

0247— ĐÀU THỦ KỶ KHÍ.

Chơi con chuột sự bề đồ vật trong nhà. Muốn trừ cái họa hại chỉ ngại đụng chạm đến người mình kiêng nề.

0248— ĐỀ CƯƠNG KHIẾT LÃNH.

Nắm dây kéo cò. Nắm lấy chỗ trọng yếu.

0249— ĐỊA LINH NHƠN KIỆT.

Đất linh thiêng sanh người hào kiệt. Đất xuất xứ nhiều trang anh-tài.

0250— ĐIỀM KIM THÀNH THIẾT.

Chấm vào vàng, vàng liền trở nên sắt. Tác phẩm hay đẹp mà phải bàn tay vụng dở mó vào là trở nên hư hại, mất giá-trị. Kẻ ngu, vô tài nhúng tay vào việc gì là hỏng việc ấy. Vô tài.

0251— ĐIỀM THẠCH THÀNH KIM.

Chấm vào đá là đá hóa nên vàng. Vật vô giá trị gặp tay người tài biến-dụng là trở nên của quý. Kẻ có tài mà nhúng tay vào việc là đem lại kết-quả. Có tài.

0252— ĐIÊN PHÁC BÁT PHÁ.

Ném đập không vỡ. Rất vững chắc.

0253— ĐIÊN BÁT NHI PHÙ.

Thấy người vấp ngã không cứu giúp. Vô lương tâm.

0254— ĐIỆN THIỀM LÔI OANH.

Điện sét sấm nổ. Phò-trương uy-thể lớn.

0255— ĐIỀU CÒ HOÀI KIM.

Cảm cảnh xa xưa mà thương đóai đến việc ngày nay.

0256— ĐIỀU NGŨ VIÊN ĐỀ.

Chim kêu vượn hú. Cảnh sơn lâm u-tịch, vắng vẻ.

0257— ĐIỀU TẬN CUNG TÀNG.

Hết chim đề bắn thì cất dấu cây cung. Phạm-Lãi sau khi giúp Việt-vương Câu-Tiểu dẹp được Hạp-Lư Phù-Sai nước Ngô bèn bỏ đi nói với thiên hạ rằng : « GIẢO THỎ TỬ, TÀU CẦU PHANH ; CAO ĐIỀU TẬN LƯƠNG CUNG TÀNG, ĐỊCH QUỐC PHÁ, MƯU THẦN VONG ». Con thỏ quý-quyệt chết thì làm thịt chó săn ; không còn chim trên cao thì dẹp cất cây cung báu, nước giặc đã tan, thì phế bỏ mưu-thần. Rõ là họ Phạm hết sức khôn ngoan và thức thời.

0258— ĐIỀU HỒ LY SƠN.

Dụ đem hùm ra khỏi rừng: Thủ-đoạn trong chiến thuật dẫn dụ địch ra khỏi chỗ ẩn phục hoạt sào huyệt của chúng để mà đánh.

0259— ĐÌNH KHẢ TRƯƠNG LA.

Trước sân có thể giăng lưới. Bậc quan thanh liêm không tiếp khách tại nhà riêng, nên tiền-đình lúc nào cũng vắng vẻ có thể giăng lưới bầy chim được.

0260— ĐOÀN SA THÀNH KHỐI.

Vo cát thành cục. Rất khó khăn, khó thể thực hiện được. Ý chỉ sự giáo-hóa uốn nắn kẻ có trình độ trí óc quá dị-cách thì khó như vo cát thành cục vậy.

0261— ĐOÀN NÊ VI PHẠM.

Nắn bùn thành khuôn. Biến chế cái không giá trị thành vật hữu-dụng.

0262— ĐOẠN TRƯỜNG BỎ ĐOÁN.

Cắt bớt cái dài đem vá đắp vào cái ngắn. Biết du-di gia-giảm, điều hợp, đem nơi thừa đắp vào chỗ khuyết.

0263— ĐOÀN BẤT YỀM TRƯỜNG.

Cái ngắn không thể đem lấp phủ được cái dài. Lỗ nhỏ không che khuất hoặc xóa nhòa được công to.

0264— ĐỒ MẶT VỌNG BỒN.

Mưu liệu ở cái ngọn mà quên bỏ mất cái gốc. Chú

lo ở cái phụ-thuộc tiêu tiết mà bỏ quên mất phần chính yếu cốt-cán.

o265— ĐỒ HIỀN TẬT NĂNG.

Ghét người khôn, ganh người tài. Ghen ghét kẻ hơn mình.

o266— ĐỒ QUỐC TẶC DÂN.

Một nước giặc dân. Sâu dân một nước. Kẻ làm quan có chức quyền mà tham ô những hại dân nước chẳng khác nào con một đục khoét quốc gia, làm thù tặc của dân tộc.

o267— ĐỒ VẬT TƯ NHƠN.

Thấy của vật mà thương tưởng đến người.

o268— ĐỘC TRỤ KINH THIÊN.

Một cột chống giữ trời. Kẻ anh tài hào kiệt một mình đơn độc đối phó với đại-cuộc.

o269— ĐỘC NHỨT VÔ NHỊ.

Có một không hai. Độc đáo, vô song, không có người thứ hai trên đời bằng được như vậy. Không ai sánh kịp.

o270— ĐỒI BA MẠC VÂN.

Sông vô đồ nát, chớ cứu vãn vô ích. Tình thế đã suy-bại không còn cứu chữa kịp nổi.

0271— ĐÒI THẦN TỆ THIỆT.

Mòn mỏi mỗi lười. Nói nhiều mà không được việc, không hiệu-quả.

0272— ĐỐI ẢNH TỰ TÂM

Trông bóng mình mà tự hồ thẹn. Cũng nói : «CỔ ẢNH TỰ TÂM» (Cổ : là ngó nhìn lại).

0273— ĐỐI CHỨNG PHÁT DƯỢC.

Xét theo bệnh trạng mà phát thuốc. Soi xét đúng cái nhu-cầu mà giúp người mới hiệu quả và không hại.

0274— ĐỐI NGƯU ĐÀN CẦM.

Đứng trước con trâu gầy đòn cho nó nghe. Đem cái học-thuật hoặc đạo-lý cao siêu mà nói cho người ngu đần ngoan-cổ nghe có khác gì đem đòn gầy vào tai con trâu, nó đứng dưng nào biết thưởng-thức.

0275— ĐỒN LŨY TINH LA.

Đồn rào trùng điệp như sao rắc. Cảnh tượng can-quá thời chiến.

0276— ĐỒN. SĨ NHƯ LÂM.

Binh trú đông đông như rừng. Quân binh đông đảo.

0277— ĐÔNG BÍCH GIA LÂN.

Cái nhà, gần ở tường phía đông. Ý chỉ láng giềng

lối xóm. Mạnh-Tử có câu : « DU ĐÔNG LÂN NHI LÂU KỶ XỬ TỬ » Trèo qua nhà láng giềng phía đông mà du dỗ con gái người.

0278— ĐÔNG LÂN TÂY TRẢO.

Vải đông mỏng tây. Quơ vét bên này, câu móc bên kia.

0279— ĐÔNG PHIẾN HẠ LỒ.

Mùa đông mà cho cây quặt, mùa hè lại đưa cái lò sưởi. Trái mùa vô bổ.

0280— ĐÔNG PHONG DỮ TIỆN.

Gió đông giúp cho phương tiện. Gặp cơ may đến giúp đúng lúc. Lấy tích xưa Châu-Do và Khổng-Minh cầu được gió đông tới lập thế hỏa-công phá quân của Tào-A-Mang.

0281— ĐÔNG PHÙ TÂY ĐÀO.

Chống đỡ được đằng đông, ngã đổ đằng tây.

0282— ĐÔNG SÀNG THÂN PHÚC.

Phoi bung giường đông, Nước Tấn có nhà Vương-Đạo nuôi nhiều học-trò giỏi. Khước-Giám sai người đến kén rề cho con gái là Ta-Đạo-Uần. Khi nghe có người đến chọn rề cho nhà quan Thái-Ủy các học sanh trong nhà cậu nào cũng làm dáng ganh đua. Chỉ có Vương-Chi-Hi đứng dưng ~~đằm~~ ưỡn bụng ở ngoài chái phía đông ăn bánh đọc sách.

Khước-Giám chọn Hi. Quả Hi là người thực tài về san hiễn đặt làm đến chức Hữu-quân. Ngày nay thành ngữ này dùng ý chỉ người rề quý.

0283— ĐỒNG BỆNH TƯƠNG LIÊN.

Cùng đau khổ như nhau biết thương giúp nhau.

0284— ĐỒNG CĂN TỊNH ĐỀ.

Giống gốc, cùng cuống. Người cùng một môn-phái, một lò giáo-dục. Đồng môn.

0285— ĐỒNG CHÂU CỘNG TẾ.

Cùng thuyền cùng chung ^{cầu} giúp lẫn nhau, nhưt là khi lâm nguy.

0286— ĐỒNG PHÁT NHI XÍ.

Tóc trụi răng trở. Người già trẻ lại.

0287— ĐỒNG SÀNG DỊ MỘNG.

Ngủ chung cùng một giường mà chiêm bao mơ thấy khác nhau. Sống chung nhưng tư tưởng khác nhau, cộng tồn, nhưng chí-hướng dị-biệt.

0288— ĐỒNG TỊCH ĐỒNG SÀNG.

Cùng chiếu cùng giường. Từng sống chung với nhau.

0289 ĐỒNG TƯỜNG THIẾT BÍCH.

Tường đồng vách sắt. Kiên cố. (Thành-ngữ này

được chọn làm tên một tác phẩm của tiểu-thuyết gia Trung Hoa Liễu Thanh).

0290— ĐỒNG THẤT THAO QUA.

Ở chung một nhà vát dao chém nhau. Anh em đồng môn nghịch-hại nhau.

0291— ĐỒNG ƯU CỘNG LẠC.

Cùng lo, cùng chung vui. Khổ có nhau, thành quả chung nhau vui hưởng.

0292— ĐỘNG TRIẾP KINH NHÂN.

Cử động một phát tức thì làm cho người ta đều kinh sợ. Người uy-dũng, hễ phát động mọi việc gì là thầy đều làm nể phục.

0293— ĐỘNG TRUNG QUI CỬ.

Làm việc gì cũng trong khuôn phép luật lệ. Nề nếp dàng hoàng, đứng đắn.

0294— ĐỒNG CHI DỤNG UY.

Muốn quản đốc người phải dùng uy-vũ.

0295— ĐÔI THẠCH BỎ THIÊN.

Đội đá vã trời. Làm việc tày trời, làm đại-sự. Lấy tích truyện Nữ-Oa trong sách Hoài-Nam-Tử : «NỮ-OA THỊ LUYỆN NGŨ SẮC THẠCH ĐĨ BỎ THƯƠNG THIÊN». Nữ-Oa thị nung đá năm màu để vã trời xanh.

0296— ĐỐI THIÊN LÝ ĐỊA.

Đội trời đạp đất. Người ở trong khoảng trời đất, dân gian.

0297— ĐỜM ĐẠI TÂM TẾ.

Mặt lớn, tim nhỏ, lòng nhỏ. Lớn gan, dũng cảm dám làm nhưng lòng hay tính tần mẩn, suy đi nghĩ lại không nhứt quyết. Can đảm nhưng không quyết tâm.

0298— ĐƠN ĐAO TRỰC NHẬP.

Một mình một dao xông thẳng vào. Dũng tiến

0299— ĐƠN KHÂM CÔ CHÀM.

Chấn đơn gối chiếc. Độc thân, phòng không chiếc bóng chưa ai gấm-ghé.

0300— ĐƠN KỶ BÌNH MAN.

Một mình cưỡi ngựa bình trị được giặc Nam-Mau. Người đờm-lược can-trường. Lấy tích tướng Trần-Nhật-Duyệt một mình cỡi ngựa xông vào tướng phủ của Trịnh-giác-Mật trị được giặc Mán.

0301— ĐƯƠNG ĐẠO SÀI LANG.

Chó sói giữa đường. Thời loạn chó sói ra, đứng giữa đường, người quyền-gian lộng hành.

0302 **ĐƯƠNG NHÂN BẤT NHỌNG.**

Gánh vát đảm đương việc nhân thiện thì không dễ bị chi phối, không thua nhường ai.

0303— **ĐƯƠNG QUAN NHI HÀNH.**

Cứ đúng việc công mà làm, không sợ áp-lực uy thế.

0304— **ĐƯỜNG TÝ ĐƯỜNG XA.**

Cánh tay con bộ ngựa đương chọi với chiến-xa. Người tâm-huyết, chí khí mà sức mọn không đương cự nổi với đại lực của kẻ thù. Do câu : «ĐƯỜNG TÝ ĐƯỜNG XA BẮT THẮNG KỶ NHIỆM». Cánh tay bộ ngựa chống xe, không kham nổi trách nhiệm.



0305— **GIAI TIỀN VẠN LÝ.**

Trước thềm muôn dặm. Ở gần bên mà như cách xa muôn dặm. Kề bên mà tình lòng cách trở.

0306— **GIẢI Y THÔI THỰC.**

Cởi áo cho mặc, đem thực phẩm nuôi ăn. Cứu giúp đỡ dân.

0307— **GIANG TÂM BỒ LẬU.**

Ở giữa lòng sông đắp vá cái lỗ nước lọt vô thuyền. Nguy-cơ đến mới lo chạy chữa. Không phòng bị, nước tới tràn rồi mới lo cấp cứu. Không biết lo xa.

0308— **GIAO LONG ĐẮC THỦY.**

Con rồng giao gặp được nước. Gặp thời, được cơ hội để làm nên.

0309— **GIÁO ĐA THÀNH OÁN.**

Chỉ dạy nhiều làm cho người trở nên ghét mình. Xem thành ngữ số 214.

0310— **GIÀO VĂN TƯỚC TỰ.**

Nghiên văn cẩn chữ. Học sách mà nhai nghiền từng lời văn nét chữ. Câu nệ vào văn-từ.



0311— **HÀ BÌNH GIẢI TƯỚNG.**

Bình tôm tướng cua. Đoàn quân ô-hợp, vô kỷ-luật kẻ đi dọc người đi ngang như tôm cua dưới nước.

0312— **HÀ THANH HẢI AN.**

Sông trong xanh, hiền lặng như tờ. Buổi thanh bình.

0312— HẠC KHÚ LÂU KHÔNG.

Chim hạc bay đi rồi chỉ còn lại lâu trống. Người chết, vết còn hoài tưởng. Đây là câu đề lưu niệm của một người bạn đến thăm Thôi-Đạo mới hay Thôi đã chết mất lâu rồi.

0314— HẠC LẬP KÊ QUẦN.

Con chim hạc đứng giữa bầy gà. Người quân tử ở giữa đám tục phàm.

0315— HẢI GIÁC THIÊN NHAI.

Góc biên chân trời, xa xôi, ngàn dặm cách trở. Viễn phương làm khách biết đâu mà tìm.

0316— HẢI KHOÁT THIÊN KHÔNG.

Biển rộng trời trống. Mênh mông, không bờ bến.

0317— HẢI KHÔ THẠCH LẠN.

Biển khô đá mục. Biển cạn đá mòn. Ý chỉ việc khó hy vọng kết thúc hay thành tựu. Điều bền bỉ khó dứt. Khó mong thành, cho đến biển cạn đá mòn cũng chưa chắc gì được.

0318— HÀM HUYẾT PHÚN NHƠN

Ngậm máu phun người. Do câu : HÀM HUYẾT PHÚN NHƠN TIÊN Ô NGÃ KHẨU. » Ngậm máu phun người do miệng mình trước. Gieo vạ ác cho người là chính mình đã vương vạ ác rồi. Sách xưa dạy chờ gây sự ác cho tha nhân, oan gia nghi giải, bất nghi kết.

0319— HÀM SA XẠ ANH.

Ngậm cát bắn bóng. Ngậm hai người.

0320— HÀN HOA VẬN TIẾT.

Cái tiết cuối cùng của loài hoa đã giải dầm sương tuyết. Cái tiết tháo cuối cùng của người anh hùng tuổi nặng về chiều.

0321— HẠNH TAI LẠC HỌA.

Thấy người tại-nạn thì lấy làm sung-sướng, thấy người mắc họa lấy làm vui. Lòng đố-ky của kẻ tiểu nhân.

0322— HÀO LY THIÊN LÝ.

Sai nhau một hào, một ly mà khác biệt đi đến ngàn dặm. Sai một ly đi một dặm.

0323— HẮC BẠCH THỊ PHI.

Trắng đen phải trái. Khác biệt rõ ràng, phải trái rõ ràng. Cũng dùng câu : «HẮC BẠCH PHÂN MINH.» (Trắng đen phân-định rõ ràng) hoặc câu : «ĐƠN TỔ THỊ PHI» (Đỏ trắng phải trái)

0324— HANG HÀ SA SỔ.

Nhiều vô kể như số cát sông Hằng tức là sông Gange bên Ấn-Độ. Sông Gange là một trong hai con sông lớn ở Ấn-Độ, có rất nhiều cát Đức Phật xưa sinh trưởng và thường đi thuyết-pháp trong vùng lưu-vực con sông này

nên Ngài thường dùng số cát của nó mà chỉ ý-niệm vô lượng.

0325— HẬU HẬU VÔ CHUNG.

Mãi mãi về sau vô tận. Không cùng, không dứt. TIỀN TIỀN VÔ THỈ, HẬU HẬU VÔ CHUNG. Ngược về phía trước trước nữa cũng không có đầu, không thấy có khai nguyên, khởi sự ; xuôi mãi về sau này thì không có cùng.

0326— HẬU LAI CƯ THƯỢNG.

Đến sau mà ở trên. Tài năng không đợi tuổi, kẻ có tài thì được tôn vinh trọng vọng, không thiết phải là người làm lâu, sống lâu mới được tôn thượng. Hậu sinh hơn bậc tiền bối, bậc con cháu trẻ tuổi mà quyền cao chức trọng.

0327— HẬU SINH KHẢ ÚY.

Kẻ sinh sau thật đáng sợ. Ít tuổi mà tài cao làm cho các bậc trưởng thượng tiền bối phải kính nể.

0328— HIỀN THÂN DƯƠNG DANH.

Làm cho cha mẹ được nở mặt nở mày, nêu cao danh giá. Hiếu kinh có dạy : «THÂN THÈ PHẬT PHU, THỌ CHI PHỤ MẪU, BẤT CẢM ỦY THƯƠNG, HIẾU CHI THỦY GIẢ, HIỀN THÂN DƯƠNG DANH HIẾU CHI CHUNG GIẢ». Minh vóc tóc da do cha mẹ ban cho không dám hủy hoại, đó là dần hiếu. Làm rạng rỡ cha mẹ nêu cao danh giá, đó là cùng hiếu, hoặc «LẬP THÂN HÀNH ĐẠO, DƯƠNG DANH Ử HẬU THẾ, DĨ HIỀN PHỤ MẪU» (HK).

0329— HIỆP LỘ TƯƠNG PHÙNG.

Gặp nhau lối hẹp. Dịch thù tao ngộ.

0330— HOA LẠC NGUYỆT MINH.

Hoa rụng trăng mờ.

0331— HÒA QUANG ĐỒNG TRẦN.

Lấn vào với ánh sáng, cùng chen vào trong bụi bậm. Đạo-đức kinh nói : «HÒA KỶ QUANG, ĐỒNG KỶ TRẦN (chương 56). Nhơn-tài đại-khi đem ánh sáng của mình hòa cùng cái sáng của người, chứ không che lấp thiên-hạ, đem cái bụi bậm của người chan đồng với cái bụi bậm của mình. Đó là cái đức bất-phân của đạo HUYỀN.

0332— HOA ĐỊA VI LAO.

Vẽ đất làm ngục. Ngày xưa thời đạo-lý thịnh-trị, người ta chỉ cần vẽ trên mặt đất một cái khung, kẻ phạm tội buộc phải vào trong khuôn ấy mà đứng. Đó cũng là một điều sĩ-nhục, một hình phạt lớn, chứ không cần đến ngục-thất.

0333— HỌA HỒ LOẠI CẦU.

Vẽ con cộp mà giống hình con chó. Vô tài làm việc lớn không thành được. Hậu-Hầu-Thư có câu : «HỌA HỒ BẤT THÀNH PHẢN LOẠI CẦU». Vẽ cộp không ra cộp mà ngược lại hóa thành hình con chó.

0334— HỌA LONG ĐIỂM NHƠN.

Về rồng thì chấm chỗ con mắt. Trước-tác cái gì thì phải biết nắm được cái cốt-yếu chủ-đề, cái ý chánh.

0335— **HỌA PHÚC VÔ MÔN.**

Họa phúc không cần cửa mới đến với mình được. Tự mình gieo lấy chữ không đầu bên ngoài đến cả.

0336— **HỌA TÔNG KHẦU SANH.**

Cái họa do theo lời nói mà sanh ra. Không dè dặt cẩn-thận ngôn-từ thì chuốc lấy họa vào thân. Cái miệng hại cái thân.

0337— **HỌA VÔ ĐƠN CHÍ.**

Tại họa không đến lẽ loi một lượt, mà thường dồn dập liên miên. «HỌA VÔ ĐƠN CHÍ, PHÚC BẤT TRÙNG LAI». Họa không đến lẽ, phúc không đến cùng lúc.

0338— **HỌA XÀ THIÊM TÚC.**

Vẽ rắn thêm chân. Tự bày vẽ thêm thắt lắm điều khi diễn-tả lại một sự thật. Theo Chiến-Quốc-sách (Tề-sách) có người nước Sở thi vẽ, đã vẽ được hình rắn trước tiên đoạt phần rượu thưởng, nhưng vì nời hứng muốn thêm thắt-phần chân cẳng cho rắn, nên bị thí sinh khác tước mất vô rượu trong tay.

0339— **HỌA QUANG KIẾN DIỆN.**

Giữa ánh sáng của lửa hồng mà nhận rõ mặt. Công khai nhận diện đối mặt giữa quan-đương, giữa nhưn chừng dám dõng dè cho ra lẽ ngay tà.

0340— HOÀI BÍCH KỲ TỘI.

Tội vì mang ngọc trong mình. Lấy ý trong câu : «THẤT PHU VÔ TỘI, HOÀI BÍCH KỲ TỘI». (Tả truyện). Kẻ thất phu vốn không có tội vì là thất phu, nhưng vì mang ngọc bích trong mình nên có tội.

0341— HOÁN CỰU TÒNG TÂN.

Đổi cũ theo mới. Thích nghi thời thượng.

0342— HOẠN ĐẮC HOẠN THẤT.

Lo được lo mất. Chuyên-chú đến hơn thiệt, lợi hại. Chỉ lo nghĩ đến chuyện lợi lộc.

0343— HOẠT ĐẦU CHÁNH TRỊ.

Chánh-trị đầu trơn. Chánh trị không lập trường đường lối cố định, tùy thời, xem phía nào-ưu thế thì theo, phía nào yếu kém thất bại thì bỏ, nay sang bên này mai về bên khác không chính-nghĩa dứt khoát như một cái đầu trơn khi lắc qua, khi lắc lại, miễn sao đạt được cái lợi về mình thôi.

0344— HỒ DÃ HỒ UY.

Chồn mượn oai cọp. Người túc trí mà thoát hiểm Chiến Quốc Sách (Sở Sách) có kể chuyện con cáo bị cọp bắt ăn thịt, nó lanh trí đánh bạo ra oai xưng mình là chúa tể các loài thú, nếu ăn thịt nó là phạm đến thiên mệnh, bằng nếu cọp không tin thì hãy đi theo sáu nó rồi sẽ biết. Quả thật đi đến đâu bách thú đều bỏ chạy. Cọp không biết

các thú sợ mình mà chạy, ngỡ rằng chúng khiếp sợ oai của cáo. Ngày nay dùng để chỉ kẻ cậy thế quan quyền, kẻ mạnh mà bắt nạt dân.

0345— HỎ NGÔN LOẠN NGŨ.

Ăn nói bậy bạ.

0346— HỎ TƯ LOẠN TƯỚNG.

Nghĩ ngợi bậy bạ.

0347— HỎ TỬ THỐ KHẤP.

Chồn chết thổ khốc. Đồng loại biết thương xót nhau. «THỐ TỬ HỒ BI» Thổ chết chồn buồn cũng dùng cho nghĩa ấy.

0348— HỘC DIỆN CƯU HÌNH.

Mặt chim hồng học, hình tướng chim tu hú. Mặt sâu má hóp, thân gầy bụng lớn tựa hình thù chim học, chim cưu. Người suy sút thân thể tàn bại, hình diện đối rách thiếu nảo.

0349— HỐI BẤT ĐẮC CẬP.

Hối tiếc cũng không kịp được. Hối tiếc thì đã muộn.

0350— HÔN ĐỊNH THẦN TÍNH.

Sớm thăm tối viếng. Đạo làm con lo chăm sóc cha mẹ. «PHẨM VI NHÂN TỬ CHI LỄ, ĐỒNG ỒN HẠ SÁNH

HÔN ĐỊNH THẦN TỈNH». Phàm làm con người phải lấy lễ mà phượng thờ, mùa đông ấp ấm, mùa hè quạt mát, chiều lo chăm sóc, sáng viếng thăm (Kính Lễ). Ý chỉ sự hiếu-đề.

0351— **HỒNG DIỆP LƯƠNG MÔI.**

Lá thắm làm mối dắc hay. Mai dong có tài dắc-thời dắc mối dắc-duyên, dắc số. Vụ-Hựu đời Đường nhất được mảnh lá đỏ từ cung vua theo đường nước chảy ra. Trên lá có đề thơ tạm diễn nôm như vậy : « Nước chảy sao quá siết, rãnh suốt ngày trong cung sâu, ăn cần nhờ lá đỏ, đi xa đến cỗi người». Hựu liền đề lại bài đáp thả theo giòng rãnh trôi ngược vào cung. Người cung-nhân họ Hàn lượm được. Mười năm sau nhân dịp Đường-Hy-Tông phóng thả cung nhân. Hai họ Hàn, Vụ thành nghĩa vợ chồng tìm thấy lại thơ của nhau bèn cảm hứng kỷ-niệm như sau : «**NHẤT LIÊN GIAI CÚ TÙY LƯU THỦY, THẬP TẢI U TỬ MÀN TỔ HOÀI, PHƯƠNG TRI HỒNG DIỆP THỊ LƯƠNG MÔI**».

0352— **HỒNG LÂU TỬU CÁC.**

Lâu hồng gác tía. Chỉ con gái nhà quý phái.

0353— **HỒNG NHAN ĐA TRUÂN.**

Gái đẹp nhiều truân chuyên (Hồng nhan : mặt đỏ, chỉ người con gái đẹp). Thân phận người đàn bà đẹp thường gặp nghịch-cảnh gian-truân. (Đoạn trường tân thanh).

0354— **HU MỘC PHẤN THỎ.**

Cây mục đất nhuyễn. Hạng người vô dụng không có điểm nào dùng được.

0355— HUỆ CHI BẤT PHÍ.

Làm ơn không bao giờ uổng phí. Có lẽ thành ngữ này lấy ý trong cuộc đàm thoại giữa Tử-Trương và thầy Không Tử về sáu điều thiện, bốn điều ác (?) Không-Tử dạy sáu điều thiện như sau : QUÂN TỬ HUỆ NHỊ BẤT PHÍ, LAO NHỊ BẤT OÁN, DỤC NHỊ BẤT THAM, THÁI NHỊ BẤT KIÊU, UY NHỊ BẤT MÃNH». Quân tử làm ơn mà không phí, nhọc mà không oán, muốn mà không tham, oai phong mà không ác dữ.

0356— HUY HÂN THÀNH VŨ.

Rầy mồ hôi thành mưa.

0357— HUYỀN NHAİ LẠC MÃ.

Dốc hiểm phải gò cương ngựa. (Huyền nhai là sườn núi cheo leo). Tới lúc nguy phải thức thời, thực tế mà tùy cơ ứng biến, nương theo tình thế để đối phó, chứ không phải lúc nào cũng hăng tiến.

0358— HUYỀN NGỌC MẠI THẠCH.

Rao ngọc bán đá, khoe hay mà làm dở.

0359— HUNG TRUNG GIÁP BINH.

Trong ngực có binh giáp. Chỉ kẻ tài giỏi.

0360— HÙNG TÀI ĐẠI LỢC.

Có tài mạnh trí lớn.

0361— HƯ TRƯƠNG THANH THỂ.

Khoe ầu thanh thể. Không cử thực mà phô khoe để bị người.

0362— HỮU THÍCH TƯƠNG QUAN.

Vui lo kẻ nhau. Vui buồn bên nhau,

0363— HỮU CHÍ CẢNH THÀNH.

Có chí cuối cùng làm nên việc. Có chí thì tất thành đạt.

0364— HỮU DỒNG VÔ MƯU.

Có sức mạnh mà không mưu tri. Đồng mãnh không tri-lược, khó thành công. Bất-trí.

0365— HỮU GIÁO VÔ LOẠI.

Có giáo dục không phân giống loại. Hạng nào cũng dạy bảo cho thành người hay, không kỳ thị thứ loại. Việc giáo hóa không chủ riêng cho ai (Luận-ngữ, Vệ-linh-công 38).

0366— HỮU NGÃ CHI CẢNH.

Trong cảnh có ta. Lấy lòng ta mà ngắm vật nên vật đều mang sắc-thái của ta, đó là chủ trương của trường-phái duy-tâm, khác với «VÔ NGÃ CHI CẢNH» Cảnh không có ta trong đó, vật ngắm vật, cảnh là cảnh đầy đủ bản-chất đặc-thù của nó.

0367— HỮU NHƠN VÔ MÂU.

Có mắt mà không có con người. Người sồn-sắc như gái phải cộc, không để ý đến cảnh, đến bậc trên trước chung quanh để mà thủ lễ tôn kính. Có mắt mà không thấy, không chú-ý.

0368— HỮU SẮC VÔ HƯƠNG.

Có màu đẹp mà không thơm như hoa đẹp mà không hương vị. Con gái đẹp mà không có duyên.

0369— HỮU TÀI VÔ MỆNH.

Có tài mà không có may, tài có mà mệnh số xấu, không đạt nên việc gì.



0370— Y CÀM DẠ HÀNH.

Mặc áo gấm đi đêm. Người được giàu sang, danh lợi mà không trình làng (về làng cũ) chẳng khác nào mặc áo gấm mà đi trong đêm tối làm sao ai biết được sự hiển đạt của mình. Hạng-Võ ngày xưa nói: «PHÚ QUÝ BẤT QUI CỔ HƯƠNG NHƯ Y CÀM DẠ HÀNH».

0371— Y GIÁ PHẠM NANG.

Giá áo túi cơm. Bọn nghèo hèn, phường đê tiện, tầm thường không tài khí, đạo-đức.

0372— Ý TẠI NGÔN NGOẠI.

Có ý tưởng ở bên trong mới phát biểu ra ngoài bằng lời nói. Có tâm ý mới phát ra lời.

0373— Ý LƯU NHI VỌNG.

Tựa cổng trông con. Người mẹ hiền trong truyện Vương Tôn Giả khi con đi vắng ngồi dựa cổng mong ngóng con trở về. Tình mẫu tử xót xa đậm đà.

0374— Ý MÔN MẠI TIẾU.

Dựa cửa bán cười Mại dâm (1), phường dĩ điểm.

0375— Ý THẾ HIẾP CÔ.

Dựa vào thế mạnh mà bức chế kẻ cô độc.

0376— YẾM CỤU HỖ TÂN.

Chán cái cũ khoái cái mới.

0377— YỀM KỲ TỨC CỎ.

Xếp cờ ngưng trống. Hết còn dám khoa trương thanh thế.

0378— YỀM MỤC BỒ TƯỚNG.

Bịt mắt bắt chim.

0379— YỀM NHÂN NHÎ MỤC.

Che tai bịt mắt người. Bưng bít sự thật để dối gạt, lừa bịp người.

(1) Người đời nay thường dùng sai là «Gái mại-dâm» Mãi là mua, như mại-lực (pouvoir d'achat) tiền mại-lộ. «Mại» là bán như phát-mại, mại-bán v.v'. Vậy phải gọi đúng «gái mại-dâm» (bầu dâm).

0380— YÊN NHƯ THẠCH BÀN.

Yên vững như bàn đá. Ổn định vững-chắc, kiên-cố

0381— YẾN HÀM HỒ ĐÀU.

Đầu cạp hàm én. Người có quẻ-tướng.

0382 YẾN TƯỚC XỬ ĐƯỜNG.

Con én, con sẽ đến làm tổ ở dưới mái nhà, không nghĩ đến lúc nhà đổ tổ tan. Người vô tư-lự cầu-an không biết lo nghĩ đến tai họa sắp tới, không suy đến cái nguy tương-lai, làm là cứ làm như loài yến tước xây tổ mái nhà không biết lo cái họa sẽ đến. **YẾN TƯỚC XỬ ĐƯỜNG**
BẤT TRI HỌA CHI TƯƠNG CHI.

0383— YÊU CÔNG ĐỒ THƯỜNG.

Mong lập công để mưu hưởng thưởng.

0384— YÊU ĐIỆN THỰC NỮ.

Người con gái hiền lành dịu dàng, đẹp mà nhu mì đức hạnh. Đây là câu thơ được lặp đi lặp lại nhiều lần trong bài «Quan thư» (3,7,15,19). Xin trích dẫn bốn câu đầu :

Quan quan thư cửu,

Tại hà chi châu,

Yêu điện thực nữ,

Quân tử hảo cầu.

(Loài chim câu nước hót oang oang ở trên bãi sông, có nàng thực nữ dịu dàng đẹp đôi với trang quân-tử). Chim

cru thường đi có đôi trống mái rất đẹp, không lả lơi nên thường được lấy ví cho tình trai gái của người quân-tử.



0385— KÊ BÍ HẠC PHÁT.

Da gà tóc hạc. Già cả, tuổi cả.

0386— KÊ KHÀU NGƯU HẬU.

Miệng gà dit trâu. Do ,âu : NINH VI KÊ KHÀU. VÔ VI NGƯU HẬU.» Thà làm miệng gà, không làm dit trâu. Thà nhỏ mà ở đẳng trước đầu kẻ nhỏ, hơn là làm bộ hạ của người lớn. Cầm đầu kẻ nhỏ hơn làm tôi cho người lớn.

0387— KÊ MINH KHUYỀN PHỆ.

Gà gáy chó sủa. Cảnh thôn dã.

0388— KÊ MINH VI THIỆN.

Nghe 'gà gáy làm điều thiện. Thầy Mạnh Tử có ý nói người hiền đức sớm trông nghe gà gáy để chỗi dậy làm điều nhơn, việc thiện.

0389— KÊ VĂNG KHAI LAI.

Nói theo vết bước đi đã qua mà mở đường hướng tiến về sau.

0390— KẾT THÁI TRƯƠNG ĐĂNG.

Kết tơ hoa màu sắc, chưng đèn sáng choang. Dọn lễ linh đình.

0391— KẾT THẢO HÀM HOÀN.

Kết cỏ ngậm vành. Đèn ơn báo đức. Ngụy Võ Tử có người hầu yêu, khi lâm chung dặn con là Lỗ Chọ chôn theo mình. Nhưng lúc Tử chết Lỗ tha nằng cho về lấy chồng. Sau này Lỗ đánh giặc với binh Tần, thấy có ông lão kết cỏ lại mắc bẫy cho ngựa Đổ Hồi vấp ngã mà bắt giặc. Đêm ngủ Lỗ lại mộng thấy người hầu mà chàng thả khi xưa hiện lên xưng mình chính là ông lão kết cỏ bắt giặc Đổ-Hồi để đền ơn. Còn chữ HÀM HOÀN thì lấy tích Dương-Bửu lúc còn trẻ gặp con bư-cắt vật một con chim sẽ rơi xuống đất gần chết. Họ Dương nhất sẽ về cứu chữa rồi phóng sinh. Về sau có đứa trẻ mang một vòng ngọc đến cho Dương-Bửu nói là do chim sẽ đến tạ ơn.

0392— KỲ NGỘ NAN CẦU.

Cuộc gặp gỡ lạ lùng khó mong mà có được.

0393— KÍCH TRỢC DƯƠNG THANH.

Chận giòng nước đục, khơi giòng nước trong. Chận trừ điều ác, khai thông phát huy việc thiện.

0394— KIẾN CƠ NHI TÁC.

Thấy rõ được cơ sự, diễm triệu mỗi manh của việc sắp xảy ra mà liệu xử hành động Kinh-Dịch nói «QUÂN TỬ KIẾN CƠ NHI TÁC» (Hệ-Từ-Hạ). Quân tử xem cơ mà

động tác. Cơ là nguồn mối tinh-vi mạnh-biện lúc sắp động. Người quân-tử phải thận trọng xem xét để biết rõ cái cơ trước khi hành động hầu tránh thất bại, hại đức.

0395— KIẾN LỢI TU NGÃI.

Thấy lợi thì nghĩ đến nghĩa. Thầy Tử-Lộ hỏi Khổng Tử thế nào là người hoàn toàn, Tử viết : KIẾN LỢI TU NGÃI, KIẾN NGUY THỌ MẠNG, CỬU YÊU BẤT VONG BÌNH SANH CHI NGÔN, DIỆC KHẢ DĨ VI THÀNH NHƠN HỸ. Thấy lợi nghĩ đến nghĩa, thấy nguy xả thân thọ mạng, lời giao ước từ lâu mà không quên, đó cũng khá cho là người hoàn-toàn. LỢI GIẢ NGÃI CHI HÒA DÃ. Lợi là sự hòa hợp với điều nghĩa. Hoặc LỢI VẬT TÚC DĨ HÒA NGÃI. Lợi cho vạn vật là đủ làm hòa cái nghĩa mới mong thành nhân được.

0396— KIẾP HÒA CHI KHÔI.

Cái tro của lửa kiếp, ngọn lửa thiêu đốt tàn-diệt thế giới, chúng sanh từ vực địa cầu này đến thượng-giới sơ-thiên-thiên. (1)

(1) Nhà Phật cho rằng sắc giới (Rûpadhātu) có bốn cõi trời và tịnh-phạm-địa gọi chung là Brahmaloka hay là miền Phạm thiên. Cõi thứ nhất trong Tứ-Thiên gọi là cõi Sơ-Thiên gồm bốn tầng trời sau đây :

- 1—Phạm-thân-Thiên (Brahmakaya).
- 2—Phạm-chúng-Thiên (Brahma parsadya).
- 3—Phạm-Phụ-Thiên (Brahma purohita).
- 4—Đại-Phạm-Thiên (mahà Brahma).

0397— KIỀU GIÀ DỊ Ồ.

Trắng thì dễ dơ. Càng thanh sạch thì càng dễ ô danh khi lầm-lỗi, khi nhúng phải vào điều bất nghĩa.

0398— KIỀU UỐN QUÁ CHÍNH.

Uốn cong lối ngay. Uốn cái cong cho ngay mà uốn quá lối đi thành vẫn cong. Sửa điều sai lầm mà làm quá trớn gây thêm lầm lạc.

0399— KIM THỊ TẠC PHI.

Ngày hôm nay là phải, ngày hôm qua cho là trái. Giá trị luận theo thời gian. Cái lý xưa cho là dở, nay ứng thành hay. Cái công lý nhất thời không phải là tuyệt đối.

0400— KHINH HỒN LẠC PHÁCH.

Hồn run sợ, phách rơi bay. Sợ hãi quá lẽ.

0401— KINH THIÊN ĐỘNG ĐỊA.

Long trời lở đất. Dữ dội, oanh liệt.

0402— KINH THIÊN VỸ ĐỊA.

Dọc trời ngang đất. Có tài khí tung hoành, dọc ngang trời đất.

0403— KÍNH HOA THỦY NGUYỆT.

Hoa trong gương, trăng dưới nước. Cảnh mộng ảo. Bóng bẩy văn chương.

0404— KÍNH NHI VIỄN CHÍ.

Tôn kính mà không lại gần. Cái tôn kính đối với quý thần. Luận ngữ có câu : «VỤ DÂN CHỈ NGHĨA, KÍNH QUÝ THẦN, NHI VIỄN CHÍ, KHẢ VI TRÍ HỸ.» (Ung giả xx). Đây là lời đáp của Khổng Tử cho học trò của ngài là Phan Trí khi được hỏi về trí-đức. Diễn nôm như sau : Chuyên làm nghĩa giúp người, quý thần thì kính trọng nhưng xa ra. Vay có thể gọi là trí.

0405— KHAI MÔN KIẾN SƠN.

Mở cửa thấy núi. Mới nói, mới làm có vài bước đầu là người đã thấy rõ được toàn thể ý-tứ hoặc chủ đích của công việc, lời nói đó.

0406— KHAI THIÊN TỊCH ĐỊA.

Bày trời phá đất. Thuở mới dựng lên căn-khôn vũ-trụ, thế-gian.

0407— KHAI VÂN KIẾN NHỤT.

Vén mây ngó thấy mặt trời. Thoát bỏ cảnh tối tăm, nghịch cảnh mà đến được tình trạng sáng sủa dễ thở.

0408— KHÁT DỊ VI ẨM.

Người khát dễ cho uống. Chỗ có cần thì dễ cho, có cần thì dễ cung. Có loạn thì dễ sinh ra sự trị-chính.

0409— KHẮC CHÂU CẦU KIỂM.

Khắc dấu ở mạn thuyền để tìm gươm mất. Sách Lã-Thị-Xnân-Thu nói có người nước Việt đi thuyền đánh

rơi giương xuống nước, bèn khắc dấu bên mạn thuyền nơi đánh rơi giương rồi về nhà gọi người theo dấu chuẩn ấy mà tìm vớt lấy giương. Tính đại, ngu-độn.

0410— KHẮC KỶ PHỤC LỄ.

Nghiêm nhặt với chính mình để phục hồi được lễ đạo.

0411— KHÀU MẬT PHÚC KIỂM.

Miệng ngọt như mật, bụng dạ giương đao. Nham hiểm.

0412— KHÀU TÂM NHƯ NHÚT.

Miệng lòng như một. Trung thực.

0413— KHÀU PHẬT TÂM XÀ.

Miệng Phật lòng rắn. Miệng nói đạo đức, nham hiểm mà lòng hiểm ác như loài rắn độc.

0414— KHÀU THUYẾT VÔ BẰNG.

Miệng nói không bằng cớ, nói ngoa, nói ầu.

0415— KHÍ TÀ QUI CHÁNH.

Bỏ xiên xéo, trở về ngay thẳng. Bỏ đường sai quấy mà trở về nẻo ngay, lẽ phải.

0416— KHIÊN KỲ TRÀM TƯỚNG.

Đoạt cờ chém tướng. Hung mãnh.

0417— KHINH CỬ VĨNG ĐỘNG.

Cử chỉ không cần thận, khinh thường thì hành động sai bậy.

0418— KHINH TÀI HIẾU NGHĨA.

Chuộng nghĩa khinh tài. Nghĩa hiệp

0419— KHINH Ử HỒNG MAO.

Nhẹ tợ lông con chim hồng. Từ Mã Thiên có câu : «NHƠN CỐ HỮU TỬ HOẶC TRỌNG NHƯ THÁI SƠN HOẶC KHINH Ử HỒNG MAO». Người ta vốn có cái chết, nhưng có cái chết nặng như Thái Sơn, cũng có cái chết nhẹ như lông ngỗng. Lý Bạch có thơ rằng : «YÊN NAM TRẮNG SĨ NGÔ MÔN HẢO, THÁI SƠN NHÚT TRỊCH KHINH HỒNG MAO». Đất Yên Nam có chàng trắng sĩ nhà họ Ngô (tức Ngô Khởi), ném quả Thái sơn một phát nhẹ tợ cái lông ngỗng trời.

0420— KHOA ĐẦU TIỀN TÚC.

Đầu trần chân không. Người phóng đạt, không tha thiết cầu tiến.

0421— KHÓA THÂN THOÁT HIỆM.

Cởi trường mà thoát khỏi được hiểm nguy. Xưa Trần Bình cởi trường nguy trang mà thoát khỏi tay ông chủ đồ về được Hớn. Lanh trí (Présent d'esprit) dám hành động để thoát nguy.

0421— KHOÁI MÃ TRUY PHONG.

Ngựa khỏe (khoái : thần tốc) rượt gió. Người lanh lợi tháo vát.

0423— KHỎ TẬN CAM LAI.

Đắng dỉt ngọt tời. Hết cực đến sướng.

0424— KHÔNG CỐC TÚC ÂM.

Trong hang trống vắng mà nghe được tiếng chân người đi. Trong việc khó, ở hoàn cảnh khốn-đốn cheo leo mà gặp được điểm ứng-trợ tiếp-cứu thì rất lấy làm phần khởi như kẻ trong hang vắng mà nghe được có tiếng chân người đi đến.

0425— KHÔNG TIỀN TUYỆT HẬU.

Trước không có mà sau này cũng không hao giờ có. Bậc tài tri hoặc đạo đức siêu đẳng vô song.

0426— KHÚC CAO HỌA QUẢ.

Khúc nhạc cao thâm ít có kẻ nào hòa đáp được. Trí giả tài năng siêu-việt ít có người hiểu thấu kịp.

0427— KHÚC CHUNG TÁU NHÃ.

Tận khúc, đờn hay. Khúc nhạc đến đoạn cuối lại hay. Kết cục hay.

0428— KHUYNH GIA ĐĂNG SẢN.

Nhà cửa nghiêng-ngửa sụp đổ, của cải tiêu tan sạch. Mất hết sự nghiệp tài sản.

0429— KHUƯ MỘ SINH AI.

Thấy mồ mả này lòng xót xa thương cảm. Thấy cảnh tang-thương mà xúc động cảm-hoài.



0430— LẠC DĨ VONG ƯU.

Vui sướng quên mất lo. Diệp Công hỏi Tử Lộ về con người của Khổng Tử. Tử Lộ làm thỉnh không đáp. Khổng Tử nói sao trò không đáp thế này : Hẳn ta là người có việc suy chưa ra thì lo nghĩ mất ăn, nghĩ ra thì vui sướng quên mất lo âu, không biết cái già sắp tới, KỶ VI NHƠN GIÃ, PHÁT PHẦN VONG THỰC, LẠC DĨ VONG ƯU, BẤT TRI LÃO CHI TƯƠNG CHÍ. (Luận-Ngữ, Thuật Nhi 18).

0431-- LẠC HOA LƯU THỦY.

Hoa rụng nước trôi. Hững hờ hoa nước, hai bên không có tình tứ gì với nhau cả. LẠC HOA LƯU THỦY LƯỠNG VÔ TÌNH. Hoa rơi nước chảy hững hờ nhau, hai đảng không có tình ý gì với nhau. Đường-Thì có câu : «THỦY LƯU HOA TẠ LƯỠNG VÔ TÌNH».

0432— LẠC THIÊN TRI MỆNH.

Vui trời biết mệnh. Do câu : «BÀNG HÀNH NHỊ BẤT LƯU, LẠC THIÊN TRI MỆNH, CỔ BẤT ƯU, AN THỒ ĐÔN HỒ NHÂN, CỔ NĂNG ÁI. (Dịch, Hệ-Tử-Thượng) Đi bên mà không trôi, vui theo thiên lý mà biết phận mạng mình nên không lo. Tùy chỗ ở mà an thái và don đốc làm điều nhân nên có lòng ái».

0433— LẠM BỒ PHÙ THU.

Bắt lạm, thu quá lỗ. Lạm quyền bắt quá số sưu dân, thu thuế quá mức luật định, bắt dân đóng góp quá lạm. Những lạm.

0434— LAN TỪ HUỆ CHẤT.

Có tư chất xinh đẹp mỹ-miêu như lan, như huệ. Đan bà nết-na, đoan-trang, quý phái có phong cách nho nhã.

0435— LANG BẠT KỲ HỒ.

Con chó sói dẫm lên cái bọc dưới cổ mình lũng túng không bước đi được. Nghĩa đen là như vậy. Nghĩa bóng thường dùng hiện nay với ý chỉ người phóng đảng phiêu-bạt. Mượn ý thơ LANG BẠT trong Kinh-Thi.

0436— LÃO BÁ LĂNG SƯƠNG.

Cây bá già cỗi dầm sương. HÀN TỔNG NGẠO TUYẾT, LÃO BÁ LĂNG SƯƠNG. Cây tùng xứ lạnh ngạo nghễ tuyết giá, cây bá già chịu đựng được sương sa. Người già-giận lão-luyện, sống nhiều giàu kinh-nghiem, chịu đựng sành sỏi.

0437— LÃO BANG SANH CHÂU.

Còn sò già đẻ ra ngọc. Người cả tuổi còn sanh được quý tử.

0438— LÃO GIAN CỰ HOẠT.

Gian già xảo gộc. Gian xảo ghê gớm.

0439— LÃO THẢO TẮC TRÁCH.

Làm sơ sài cho lấy có, cho xong việc.

0400— LÂM KHÁT QUẠT TÍNH.

Đến lúc khát mới đào giếng. Bất trí, không biết tiên liệu phòng bị.

0441— LÂM TUYỀN KHOẢNG DÃ.

Rừng khe đồng trống. Nơi xa xăm vắng vẻ.

0442— LÂM THÂM LÝ BẠC.

Đến chỗ vực sâu, đập lên giá mỏng, khéo lọt, khéo sụp. Đứng trước cạm bẫy hiểm nguy.

0113— LẬU BĂNG VI GIÁM.

Chạm trở băng giá làm kiếng soi mặt. Làm việc vô ích.

0444— LIỆT HỎA THÍ KIM.

Lửa dữ thử vàng. Có lửa dữ mới nung thử được vàng thật. Có nghịch cảnh nguy khốn mới thi thử tỏ rõ tài đức chí khí, lòng trung trực, bởi CHƠN KIM BẤT PHẠ HỎA. (Vàng thật nào sợ lửa). Người ta thường nói lửa dữ thử vàng, gian nan thử đức. LIỆT HỎA THÍ KIM, GIAN NẠN THÍ ĐỨC:

0445— LY GIA CÁT ÁI.

Bỏ bỏ nhà cửa, cắt đứt tình yêu. Chỉ sự mạnh dạn khẳng quyết từ bỏ mọi sự của cái vinh hoa, tình yêu gia

định v.v... của thế gian dục giới mà xuất gia tu đạo khổ hạnh. Nói theo tiếng đạo Thiên Chúa thì là dứt duyên trần, bỏ mọi sự ma quỷ, thế gian, xác thịt mà đi theo ơn Thiên Triệu (vocation divine), theo tiếng Chúa gọi.

0446— **LY KINH PHẢN ĐẠO.**

Lìa xa kinh nghĩa luân thường (lục kinh), làm ngược lại đạo lý.

0447— **LÝ TẠI TUYỆT NGÔN.**

Chơn lý ở chỗ dứt hết lời nói. Đạo lý huyền diệu thâm uyên không dùng ngôn từ mà bình nghị giảng giải cho trọn vẹn được, chỉ có thỉnh lặng mà nhập lý. Lời hành đạo của Thiên Tông.

0448— **LÝ VÔ NHỊ THỊ.**

Lẽ phải không bao giờ có hai mặt. Lẽ phải chỉ tuyệt đối có một mặt mà thôi.

0449— **LỘ ĐỒ DAO VIÊN.**

Đường xa xa xói.

0450— **LỘ KIẾN BẤT BÌNH.**

Giữa đường gặp sự bất bình. LỘ KIẾN BẤT BÌNH BẤT ĐẠO TƯƠNG TRỢ. Giữa đường gặp sự bất bình rút dao can thiệp trợ giúp. Tinh thần hiệp-sĩ (esprit chevaleresque) nổi lên khi thấy điều bất bình, bất chính (Lỗ-Trí-Thâm).

0451 — LỘNG GIẢ THÀNH CHÂN.

◦ Lật biến cái hư giả thành cái có thực; Lấy hư làm thực.

0452 — LỘNG XẢO THÀNH CHUYẾT.

Cố làm cho khéo mà hóa thành ra vụng về.

0453 — LOAN PHỤNG HÒA MINH.

Chim loan, chim phượng cùng hót. Vợ chồng đầm-
ấm, thuận hòa.

0454 — LOẠN HÀNG THẤT THỨ

Hàng ngũ trật tự rối loạn, thứ bậc thất tôn. Tình
trạng hỗn loạn, rối loạn đội ngũ.

0455 — LOẠN THẦN TẶC TỬ.

Tôi hại nước hại vua là loạn thần, con hại nhà, hại
cha mẹ là tặc tử. Đứa vô-đạo.

0456 — LOÁT MIÊU TRỢ TRƯỜNG.

Nắm kéo cây mạ non lên vì muốn giúp cho nó mau
lớn để gặt mùa được sớm, nhưng làm như vậy nó sẽ bị
bứt rễ mà chết chứ không lớn được. Muốn mau được việc
làm bậy, đốt giai đoạn hóa thành hư việc, vô ích. DỤC
TỐC BẤT ĐẠT là vậy.

o457— LỢI DỤC HUÂN TÂM.

Cái tham lợi un sôi trong lòng. THAM DANH CẦU LỢI, LỢI DỤC HUÂN TÂM. Ham lấy tiếng tăm, tìm tòi lợi lộc, cái ham lợi un sôi trong lòng. Lòng háo danh ham lợi.

o458— LỢI LINH TRÍ HÔN.

Cái lợi khiến cho tâm trí tối tăm đi.

o459— LŨY NOÃN CHI NGUY.

Cái nguy chồng trứng. Háo thắng làm việc không biết lường mực, đến lúc phải dừng không dừng, đam mê bất trí, cứ hành tiến cho đến khi cơ sự sụp đổ như việc chất trứng đã tới độ mất thăng bằng sắp ngã đổ.

o460— LƯƠNG DƯỢC KHỔ KHÀU.

Thuốc hay đắng miệng. Điều ngay khó làm, khó chịu, nhưng chịu khó thì đã đạt được việc.

o461— LƯỠNG ĐÀU THỌ ĐỊCH.

Hai đầu đều gặp địch. Phía nào cũng phải đối phó.

o462— LƯU PHƯƠNG BÁCH THỂ.

Đề tiếng thơm trăm đời. Làm việc lành thì tiếng thơm muôn thuở.

M

o463— **MA CHỦ THÀNH CHÂM.**

Mãi cái chài thành cây kim. Công phu nhân nại, chịu khó kiên trì thì việc gì cũng thành quả.

o464— **MÃ CÁCH LỎA THI.**

Da ngựa bọc thày. Người anh dũng chết oai hùng nơi sa trường lấy da ngựa bọc thày. Đây là lời của MÃ LÂN tán tụng chí khí anh hùng của ông nội mình là Mã Viện.

o465— **MÃ TÍCH XA TRẦN.**

Vết ngựa bụi xe. Hình ảnh lưu-niệm của người ra đi.

o466— **MAI DANH ẠN TÍCH.**

Chôn tên dấu vết. Chưa muốn cho người biết mình.

o467— **MANG THÍCH TẠI BỐI.**

Có gai chích sau lưng. Không yên ổn tâm trí, pháp phòng lo âu.

o468— **MAO CƯ TẾ CỐ.**

Ghi kẻ ra từng chi tiết nhỏ nhặt như cái lông chiếc lá để mà che lấp cái duyên do chính-yếu đi.

0469— MAO THẤT BÌ ĐƠN.

Lông sứt da trơ. Đề mất cái lớp lông che chở bảo bọc bên ngoài thì da phải trực tiếp đối phó với sự cảm ứng của thời tiết. Đánh mất kẻ cộng tác bảo vệ mình thì phải trực thọ những khó khăn nguy hiểm.

0470— MẠO HỢP TÂM LY.

Dáng người thì hợp trong thâm tâm thì xa cách. Không thực tâm với nhau.

0471— MẠO VI CUNG KÍNH.

Bề ngoài làm ra dáng mạo cung kính đúng lễ.

0482— MẠT HỌC PHU THỤ.

Học ở đàn ông ngon thì chỉ hấp thụ được sơ sài lấp liếm ngoài da, ngược lại học ở gốc thì thu nhận được cái căn bản kiên giải thâm sâu bên trong.

0473— MÊ NGỘ BẤT NHỊ:

Mê và ngộ không phải là hai cái khác nhau. Mê muội và tỉnh ngộ thấy thì khác đối nhau, nhưng thật sự trong cái tuyệt đối thì bản chất duy nhất, không có mê làm sao có tỉnh.

0474— MI THANH MỤC TU.

Mây xanh mắt đẹp. Mặt mây đẹp dễ thông minh, sáng sủa.

0475— MINH CHÂU ÁM ĐẦU.

Ngọc sáng mà vút ném nơi tăm tối. Người tài giỏi
đức độ phải sống trong giới hạ tiện tầm thường.

0476— MINH TÂM KHẮC CỐT.

Tạc dạ ghi xương. Nhớ mãi không bao giờ quên.
Ăn đực ghi sâu trong lòng, khắc chạm tận xương tủy, khó
quên được.

0477— MINH TRANH ÁM ĐẦU.

Ngoài sáng thì tranh nhau, trong tối thì đánh nhau.
Âm thầm tranh đấu cùng khắp mọi nơi, mọi cảnh.

0478— MINH THƯƠNG ÁM KIẾM.

Ngoài sáng thì thương trong tối thì kiếm. Chỗ nào
cũng bị công-kích cả.

0479— MỸ NGỌC ĐÃI GIÁ.

Ngọc tốt còn đợi giá. Gái đẹp còn kén chỗ vì như
ngọc quý còn đợi giá, gái sắc còn đợi trai tài. Tử-Cống
hỏi Khổng-Tử nay có ngọc quý cất hay bán, Tử nói bán
chớ, nhưng còn đợi giá.

0480— MỘ CỎ THẦN CHUNG.

Sáng chuông chiều trống. Ăn nhấm dùng lời mạnh mẽ
kích động làm cho người thức ngộ.

0481— MỘC VŨ TRẮT PHONG.

Gọi mưa chải gió. Vất vã.

0482— MÔN ĐÌNH NHƯỢC NHỊ.

Trong cửa ngoài sân giống như cảnh họp chợ. Cảnh nhiều khách, đông đảo náo-nhiệt.

0483— MÔN KHẢ LA TƯỚC.

Tước cửa có thể giăng lưới bắt chim sẽ được. Nhà thanh liêm. Xem chữ ĐÌNH KHẢ LA TƯỚC.

0484— MỤC HẠ VÔ NHÂN.

Dưới mắt không người. Khinh khi coi ai dưới mắt mình cũng không ra gì.

0485— MỤC TỔNG THỦ HUY.

Mắt liếc tay hươ. Chăm chú mọi khía cạnh không để sót xảy.

0486— NAM ĐỒ BẮC TRIỆT.

Đường xe chạy ở phía nam mà vết bánh xe ở phía bắc. Việc làm hoặc ngôn-luận để cho lộ thấy mỗi mâu thuẫn.

0487— NAM QUY NỮ TIỆN.

Theo quan niệm xưa con trai thì cho là sang quý, con gái kẻ là hạ-tiện.

N

0488 — **NAN TRUNG CHI NAN.**

Cái khó nằm trong cái khó. Việc quá khó khăn.

0489 — **NÃO TRUNG THỦ TĨNH.**

Ở trong cái ồn ào mà giữ được tâm trí yên tĩnh.

0490 — **NẠP BẤT PHỤ XUẤT.**

Số thu nạp không bù được số xuất chi. Thiếu hụt do ở cái xuất nhiều hơn thu.

0491 — **NÊ TRUNG BỬU KIẾM.**

Gươm báu trong bùn. Người tài trong chốn hèn hạ

0492 — **NIÊN QUANG TỰ TIẾN.**

Bóng năm vụt qua như tên bắn. Ngày tháng qua mau.

0493 — **NINH KIỆM VẬT XA.**

Thà chịu dè xẻu, tiết kiệm chớ không tiêu xài hoang phí.

0494 — **NINH MINH NHI TỬ.**

Thà nói lên đề rồi chết. Lời Phạm Trọng Yêm :

«NINH MINH NHI TỬ, BẮT MẶC NHI SINH. Có điều bất bình thà kêu lên phản đối rồi chết, chứ không cam chịu thình lặn cho mặc việc dễ được sống.

0495 — **NỘ ĐÀO GIANG HÀ.**

Giận làm trút đồ sông ngòi. Giận dữ.

0496 — **NỘ GIẢ THƯỜNG TÌNH.**

Người có điều không ưng ý mà giận là thường tình. NỘ GIẢ THƯỜNG TÌNH, TIỂU GIẢ BẤT KHẢ TRẮC. Kề bất bình mà giận là thường tình, chứ phật ý mà cười đó là người khó đo lường được.

0497 — **NỘ PHÁT XUNG QUAN.**

Giận đứng tóc làm bay mũ. Giận quá lẽ.

0498 — **NỘ VI LÔI ĐÌNH.**

Giận làm ra sấm sét. Oai trời, oai vua, oai tướng.

0499 — **NỘ TRƯỞNG KIỂM BẠT.**

Dương cung rút kiếm. Sắp bùng nổ cuộc tranh đấu, khi thế đang dâng. Sắp bùng nổ nẩy lửa.

0500 — **NỘI NGÔN BẤT XUẤT.**

Các lời nói bên trong không được tiết lộ ra bên ngoài. Ngày xưa các chuyện trong cung cấm, khuê phòng người con gái không được tiết lộ cho người bên ngoài biết. NỘI NGÔN BẤT XUẤT Ử KHỐN, NGOẠI NGÔN BẤT NHẬP Ử KHỐN (Kính lễ).

0501— NỘI PHỤC NGOẠI ĐỒ.

Trong uống ngoài thoa. Cách đa dụng của thuốc trị bệnh.

0502— NỘI ỨNG NGOẠI HIỆP.

Đồng loạt ở trong nổi lên, ở ngoài hợp lực cùng bên trong tiếp-trợ. Vùng dậy tấn công cùng khắp.

0503— NỤY NHÂN KHÁN TRƯỜNG.

Người lùn xem hát, xem đấu. Lời khen chê của kẻ đua nịnh không có giá trị ví như người lùn xem hát đứng sau lưng đám đông không thấy được trò diễn mà cũng hùa theo đám đông mà vỗ tay khen hoặc chê như ai. Cũng nói : OẢI NHÂN KHÁN TRƯỜNG.

0504— NỪNG VỊ HỦ TRƯỜNG.

Vị nũng hại ruột. Vị nũng chỉ đồ ăn ngon. Ăn ngon thì hại ruột. NỪNG VỊ HỦ TRƯỜNG, NỪNG SẮC HẠI ĐỨC. Vị nũng hại ruột, sắc thắm hại đức.

0505— NGA SÀO SINH PHỤNG.

Tổ quạ sinh ra chim phượng. Nhà khó đẻ con sang.

0506— NGẪU ĐOẠN TỶ LIÊN.

Ngó sen đã đứt mà còn dính lại sợi tơ. Đoạn ly rồi mà lòng vẫn vẫn-vương. NGẪU ĐOẠN NHI TỶ LIÊN. Cái ngó sen tuy đã bẻ gãy mà cái tơ nó còn liền với nhau.

0507— NGHỊ NHI BẮT LUẬN.

Bàn cãi với nhau nhưng không bình luận phải trái, đúng sai.

0608— NGHỊ NHI HẬU HÀNH.

Bàn trước rồi sau mới làm.

0509— NGHỊCH PHONG SỬ PHÂM.

Ngược gió mà kéo buồm. Làm việc trái mùa.

0510— NGHỊCH THỦY HÀNH CHÂU.

Đi thuyền nước ngược. Người tài năng.

0511— NGHIÊN THẠCH THÀNH SA.

Nghiền đá thành cát. Làm việc tri chi tận-miền.

0512— NGHIỆP TINH Ư CẦN.

Nghề giỏi tinh tấn như ở siêng năng.

0513— NGỌA BẮT THÀNH MỘNG.

Nằm không ra mộng. Ăn ngủ không yên, trí lự đa đoan.

0514— NGỌA TÂN THƯỜNG ĐỒM.

Nằm gai nếm mật. Chịu kham khổ. KHẮC KỶ TU THÂN, NGỌA TÂN THƯỜNG ĐỒM. Tự chế mình sửa lấy thân, nằm trên củi gai, nếm mật đắng.

0515— NGŨA GIẢI THỒ BĂNG.

Ngôi võ, đất sụp. Đời hư nát, lòng tan tác.

0516— NGOAN THẠCH ĐIỀM ĐẦU.

Đá cứng gặt đầu. Ngu mê cứng cỏi đến đâu cũng giáo hóa được cũng làm mềm đầu cúi phục được. Trúc-Đạo-Sinh vào Gò Cọp họp đá thuyết pháp, đá nghe cảm được gặt đầu.

0517— NGOẠN VẬT TÁNG CHÍ.

Quá ham mê vật chất mà làm thất táng chí khí.

0518— NGỌC DIỆP KIM CHI.

Lá ngọc cành vàng. Con cháu nhà quyền quý.

0519— NGỌC UẦN THẠCH TRUNG.

Ngọc ẩn sâu kín trong lòng đá. Người hiền-sĩ ẩn mình trong nhân gian.

0520— NGÔN GIẢ BẤT TRI.

Người nói nhiều là người không biết. Lão-Tử nói : «TRI GIẢ BẤT NGÔN, NGÔN GIẢ BẤT TRI» (Đạo-đức kinh 56/1+2) Người biết không nói, người nói không biết. Kẻ dốt bép-xếp giảng giải, người thức-giả biết đạo thì lặng thinh, ít nói vì chưa chắc mình biết đủ để nói, e sơ-xuất.

0521 — NGÔN VI THANH TÂM.

Lời nói làm tiếng của lòng. Lòng trong có điều chi mới phát ngôn ra ngoài. NGÔN VI THANH TÂM, HỮU U TRUNG TẤT HÌNH U NGOẠI. Lời nói làm tiếng của lòng, có ở bên trong tất phải lộ ra bên ngoài.

0522 — NGỤC VÔ LƯU PHẠM.

Nhà tù không giữ tội nhân nào ở cả. Đời Thịnh-trị không có tội lỗi, phạm pháp.

0523 — NGUY BANG BẤT NHẬP

Nước có nguy thì đừng có vô. Nước có loạn thì đừng ở, đời có đạo thì xuất hiện làm việc giúp đời, đời vô đạo thì ở ẩn. Nước có đạo mà mình nghèo là sĩ-nhục. NGUY BANG BẤT NHẬP LOAN BANG BẤT CƯ, THIÊN HẠ HỮU ĐẠO TẮC HIỆN, VÔ ĐẠO TẮC ẨN, BẦN THẢ TIỆN YÊN, SĨ ĐÃ, BANG VÔ ĐẠO, PHÚ THẢ TIỆN YÊN SĨ ĐÃ.

0524 — NGUY BỨC MI TIỆP.

Cái nguy đến gần lòng máy. Lâm nguy.

0525 — NGƯ MỤC HỖN CHÂU.

Hạt ngọc lộn lẫn với mắt cá. Hỗn loạn. Người quý đức, hiền tài lộn lẫn với đám tục phạm.

0526 — NGƯ THỦY TƯƠNG PHÙNG.

Cá nước sum vầy. Đoàn tụ, đặc hợp. Xưa Lưu-Bị dùng Khổng-Minh bị Quan-Võ và Trương-Phi phản đối

bên nói : CÔ ĐẮC KHỔNG MINH DO NGƯ CHI ĐẮC THỦY
Kể hèn này được Khổng-Minh ví như con cá gặp được
nước vậy.

0527— NGƯU ĐÀU MÃ VIỆN.

Đầu trâu mặt ngựa.

0528— NGƯU ĐỈNH PHANH KÊ.

Cái vạc to dùng để nấu con bò mà đem dùng để
nấu con gà. Tài lớn mà không được trọng dụng đúng chỗ
đúng mức, không được đặc dụng.

0529— NHAI TẮC TUYỆT TỤC.

Ở chỗ chót vót quá cao thì bị tuyệt thông xa lìa,
bị cắt rời với thế tục. Kể sống cao siêu quá thì lạc lõng
mất liên lạc với người đời, với xã hội mình đang sống.
Sống phải liên đới.

0530— NHÂN CÙNG TRÍ ĐOÀN.

Người cùng trí ngắn. Cùng bước thì quần trí, mất
sáng suốt.

0531— NHÂN DỤC VÔ NHAI.

Cái dục vọng con người không bờ bến.

0532— NHÂN ĐA KHẦU TẠP.

Nhiều người nhiều miệng nói khác nhau. Lắm người
nhiều chuyện.

0533— NHÂN HẢI CHIẾN THUẬT.

Lối đánh biển người. Chiến thuật dùng số binh đông như làn sóng biển tràn tới áp đảo địch. Chiến thuật này thường được các nước nghèo dân đông áp dụng để bù vào chỗ yếu kém về kỹ thuật trang bị như vũ khí, cơ giới v.v...

0534— NHÂN YẾT PHẾ THỰC.

Vì ghen bỏ ăn. Vì trọc trặc, trở ngại nhỏ mà bỏ hỏng toàn cuộc, khiến thành thất bại đồ vớ (bỏ ăn tất phải chết).

0535— NHÂN MỆNH ĐỆ NHẤT.

Coi mạng sống con người là quan trọng bậc nhất. Trọng sanh-mạng người ta.

0536— NHÂN NGUYỆN THIÊN TÙY.

Lòng người mong muốn thì trời chiều theo.

0537— NHÂN NHÂN THÀNH SỰ.

Do người mà nên việc. Không phải bởi tài sức mình mà thành việc.

0538— NHÂN PHÙ Ứ SỰ.

Người nhiều quá so với số việc cần làm. Việc ít người nhiều, thừa nhân lực.

0539— NHÂN SINH NHI TĨNH.

Con người sanh ra vốn là bất động. Chu-Hi đời

Tổng trong Thi-kinh Tự-truyện : «NHÂN SINH NHITỈNH THIÊN CHI TÍNH DĨ, CẢM Ứ VẬT NHI ĐỘNG, TÍNH CHI DỤC DĨ.» Con người sinh ra vốn tĩnh đó là tính trời cảm sự vật rồi xúc động đó là cái dục của tính. (xem nguyên câu ở Nhạc Ký, sách Lễ Ký)-

0540— NHÂN SINH TRIÊU LỘ.

Đời người như sương mai, nắng lên là tan liền, mau chóng phù vân.

0541— NHÂN TỬ SỰ THÂN.

Làm con phải thờ phượng cha mẹ.

0542— NHÂN THỌ TÁC QUẢ.

Thụ hưởng cái «NHÂN» là làm ra cái «QUẢ». Cái mình đang hưởng hoặc đang chịu, ngày nay là do cái Nhân trước kia để lại, cái «QUẢ» sắp tới là do việc làm bây giờ gây nên. DỤC TRI TIÊN SINH NHÂN, KIM SINH THỌ GIẢ THỊ, DỤC TRI HẬU SINH QUẢ, KIM SINH TÁC QUẢ THỊ. Muốn xem cái «NHÂN» kiếp trước hãy nhìn cái mình chịu, mình hưởng hôm nay. Muốn biết cái quả kiếp sau hãy nhìn ở việc làm kiếp này. (Nguyên tắc nhân quả của nhà Phật (Principe de causalité)).

0543— NHÂN VÃNG PHONG VI.

Người qua đời rồi thì hơi tiếng cũng mòn mỏi mất đi. Chết rồi thì dần dà sẽ bị lãng quên.

0544— NHÂN VI NGÔN KHINH.

Người hèn lời rẻ. Người hèn lời nói không ai trọng.

0545— NHÂN VONG CHÍNH TỨC.

Người chết mất rồi tài chủ-trương chính-sách của người đó bị ngưng bỏ.

0546— NHÂN KHÍ THÔN THANH.

Nín hơi nuốt liếng. Nhấn nhịn.

0547— NHÂN NHỤC PHỤ TRỌNG.

Nhấn nhục vác nặng. Người có tính nhấn nhục mới làm được, gánh vác được việc to lớn.

0548— NHẬP GIANG TÙY KHÚC.

Vô sông thì phải uốn theo khúc sông mà đi, chứ không thể đi theo hướng thẳng như đi biển được. Tới chỗ nào phải tùy theo tục lệ chỗ ấy mà thuận, tùy theo hoàn cảnh mà sống.

0549— NHẬP NHÌ TRƯỚC TÂM.

Vô lỗ tai, dính găng vào lòng. Nghe là nhớ lấy luôn.

0550— NHẤT CỬ LƯƠNG TIỆN.

Một cái cử động ra hai cái tiện ích. Làm một việc mà sanh nên được hai kết quả khác nhau.

0551— NHẤT ĐIỀM LƯƠNG ĐIỆN.

Một lối đánh giặc chủ trương một điềm công kích chánh, đồng lúc mở hai hoặc nhiều mặt công kích phụ để yểm trợ và phân tán lừa địch.

0552— NHẤT HỒ BÁ ỨNG.

Một tiếng kêu gọi thì được nhiều tiếng ứng đáp ngay. Kể có uy đức được nhiều người hưởng ứng đi theo ngay khi cần phát động làm một việc gì.

0553— NHẤT KIẾN VỊ KIẾN.

Đã thấy qua một lần cũng kể đã thấy rồi.

0554— NHẤT LAO VĨNH DẬT.

Một một lần đề yên vui vĩnh viễn. Cố gắng một lần đề sau được hưởng thụ lâu dài.

0555— NHẤT MÔN PHỒ MÔN.

Một cửa thông suốt qua tới khắp các cửa khác. Giữ được một hạnh là có thể tiến trọn trong các hạnh khác. Qua một độ là vượt được các độ khác.

0556— NHẤT NHẬT TẠI TÙ.

Một ngày ở trong cảnh ngục tù rất khổ sở và xem nó dài đằng-dằng vì lòng lúc nào cũng mong đợi giây phút tự do đến. Người ta thường nói : «NHẤT NHẬT TẠI TÙ, THIÊN THU TẠI NGOẠI». Một ngày ở trong tù như một ngàn năm (mùa thu) ở bên ngoài.

0557— NHẤT NHẬT TAM THU.

Một ngày như ba mùa thu. Một ngày dài ba năm. Một ngày cách mặt tựa hồ như xa nhau ba năm, vì lòng mòn mỏi nhớ mong làm cho ngày dài ra. Kinh Thi : «NHẤT NHẬT BẤT KIẾN NHƯ TAM THU HỒ». (Thơ Thái-Cát, Vương-Phong). Ba thu đơn lại một ngày dài ghê, (Kiền).

0558— NHẤT PHIẾN THÀNH TÂM.

Một tấm lòng thành. Cũng nói : «NHẤT PHIẾN ĐÀN TÂM». Một mảnh lòng son.

0559— NHẤT TIỂU THIÊN KIM.

Một nụ cười đáng giá ngàn vàng. Trỏ người con gái đẹp, chỉ một nụ cười đẹp đủ làm xao xuyến tâm thần khách nam nhi. Tích Từ-Phi : Vua Đường-Thái-Tông triệu Từ-Huệ vào cung, nàng không vào. Vua giận, nàng bèn dâng bài thơ rằng : «Sáng đến đài gương. Trang điểm xong một mình suy tới nghĩ lui. Một đoá cười phải mua đến ngàn vàng. Chẳng lẽ mới được gọi có một lần mà đến ngay sao».

Triều lai lâm kinh đài.

Trang bải độc bồi hồi.

Thiên kim mãi nhứt tiếu.

Nhứt triệu khởi năng lai.

Vua xem thơ bèn tha tội.

0560— NHẤT THIẾT GIAI THÀNH.

Tất cả ai ai cũng có thể tu thành đắc quả được hết, không kể đến người giàu kẻ nghèo, thứ dân hay vua chúa.. miễn là tu tâm dưỡng tánh hành-nhân.

0561— NHẤT TRẦN BẤT NHIỄM.

Một hạt bụi cũng không ô nhiễm. Rất trong sạch thanh bạch.

0562— NHẤT TRIÊU NHẤT TỊCH.

Một sáng một chiều. Kỳ hạn quá ngẫu ngẫu khó thể

làm, thực hiện được việc gì. THẦN THÍ KỶ QUÂN, TỬ THÍ KỶ PHỤ, PHI NHẤT TRIỀU NHẤT TỊCH CHI CỐ. Tội giết vua, con giết cha, không phải do ở cái cơ một sáng một chiều vậy : (Dịch : quẻ Khôn).

0563— NHẤT VÔNG ĐÀ TẬN.

Một mẻ lưới là tôm được hết. Người tài lược ra tay một phen là thu tôm được cả.

0564— NHẬT MỘ ĐÒ VIỄN.

Ngày gần hết, đường còn xa. Thời giờ không còn bao nhiêu mà việc làm còn lắm đả đoan.

0565— NHẬT NGUYỆT THOI NHƠN.

Ngày tháng thoi thúc người. Thời giờ qua mau thúc đẩy người cố làm cho tròn việc.

0566— NHẬT XUẤT NHI TÁC.

Mặt trời mọc là làm việc. Nguyên câu : «NHẬT XUẤT NHI TÁC, NHẬT NHẬP NHI CHỈ» Mặt trời mọc thì làm việc, mặt trời lặn thì ngưng việc. Ý chỉ cuộc đời hốt-nhiên no ấm của người dân trong thời thịnh-vương thái-hòa. Trăm họ hạnh phúc ngày lên thì chăm lo làm việc tới đến thì nghỉ ngơi. Ngày xưa người nông-phu thấy vua nghiên kinh lý vẫn thân nhiên vô nhuống mà hát (kịch-nhưống ca) «NHẬT XUẤT NHI TÁC, NHẬT NHẬP NHI TỨC, TÁC TỈNH NHI ẨM, CANH ĐIỀN NHI THỰC ĐỂ LỰC HÀ HỮU ỨNG TAI» Năng lên thì đi làm bông xe thì nghỉ ngơi, đào giếng lấy nước mà uống, đi cấy ruộng lấy gạo mà ăn. Quyền lực của nhà vua có cầu gì cho qua đâu.

0567— NHIỆM HIỀN VẬT NHỊ.

Đã dùng người hiền thì chớ có nghi ngờ.

6568— NHIỆM TRỌNG TRI VIỄN.

Gánh nặng đem đi xa. Người làm việc lớn.

0569— NHỤC NHỐN NAN TRI.

Mất thịt, mất tục phạm khó biết. Con mắt thường-nhân làm sao mà nhìn thấu suốt được những điều minh-triết sâu xa.

0570— NHỤC VŨ HUYẾT PHI.

Thịt múa máu bay. Thịt người tung tóe, máu người phun vọt. Cảnh tượng thê lương của chiến trường.

0571— NHƯ ĐAO PHÁ THẠCH.

Như dao sắt chém đá. Như đinh đóng cột. Lời nói đanh thép, sắt đá cương quyết. Đã quyết là làm. Đã định là bất hồi.



0572— OA NGƯU TIÊU LỢI.

Cái lợi nhỏ như con ốc bươu (oa ngưu). Cái lợi vật không đáng kể.

0573— OÀI NHÂN KHÁN TRƯỜNG.

Xem «NỤY NHÂN KHÁN TRƯỜNG».

0574— OAN OAN TƯƠNG BẢO.

Hễ gieo oán-cừu thì bị oán cừu báo trả. Oán trả oán.

0575— OÁN THIÊN VUU NHƠN.

Giận trời, oán trách người. Không yên phận, lúc nào cũng cho phận mình hăm.

6576— ÔN CỐ TRI TÂN.

Do câu : «TÔN ĐỨC TÍNH NHI ĐẠO HỌC VẤN, TRÍ QUẢNG ĐẠI NHI TẬN TINH-VI, CỰC CAO MINH NHI ĐẠO TRUNG DUNG, ÔN CỐ NHI TRI TÂN, ĐÔN HẬU DĨ SÙNG LỄ. Quý trọng đức tính mà theo đường học vấn, rất rộng lượng mà cũng tận tinh vi, rất cao minh mà vẫn theo nề trung dung, ôn lại cái cũ mà biết cái mới, hậu tình dày dặn mà sùng thượng lễ nghĩa. (Trung-Dung). Thành ngữ này thường dùng với nghĩa là dò xét lại việc cũ đã qua để suy tìm biết suốt được điều mới.



0577— PHÁ KÍNH TRÙNG VIÊN.

Gương vỡ lại lành. Đã tan rồi lại hợp. Vợ chồng đề bỏ ly hôn rồi lại kết tục đoàn viên.

0578— **PHÁ PHẦU TRẦM CHÂU.**

Đập nổi, nhận chìm xuống. Quyết tâm, quyết thắng. Hạng Võ đem binh đi đánh Cự Lộc, khi binh đồ bộ xong, Võ truyền nhận chìm xuống, đánh đắm các thuyền binh vận và đập vỡ tất cả nồi niêu mục đích làm cho lòng tướng sĩ không còn lo gì được việc trở lui, mà phải quyết chiến thắng mới mong sống còn.

0579— **PHÁC NGỌC HỒN KIM.**

Ngọc còn trong đá, vàng còn trong quặng, nguyên chất chưa giũa, chưa luyện. Người trinh nguyên tư chất, tốt đẹp, chưa bị nhiễm thói đời, tật hư nết xấu.

0580— **PHAN LONG PHỤ PHƯỢNG.**

Vịn rồng, cỡi phượng Phò phục vua chúa hưởng hồng-ân bổng lộc. Dựa vua kẻ thánh mà hưởng công danh PHAN LONG LÂN, PHỤ PHƯỢNG DỰC. Vịn vầy rồng, dựa vào cánh chim phượng.

0581— **PHAN VIÊN NGỌ TRIỆT.**

Tay niu gọng xe, mình nằm lắn ngay dưới lắn bánh xe. Thực lòng muốn lưu người ở lại với mình, không cho ra đi.

0582— **PHẠM LAI KHAI KHẨU.**

Cơm tới mở miệng. Biếng nhác, không làm việc, chờ cơm dứt đến miệng.

0583— PHAO QUA KHI GIÁP.

Quăng gươm, liệng bỏ giáp. Đánh trận thua ném bỏ khi giới mà chạy thục mạng.

0584— PHÁT GIAN TRÍCH PHỤC.

Phát giác phanh phui điều gian trá, moi móc trích-trưng tội lỗi che dấu, việc đen tối mờ ám. Xét tra, mang ra ánh sáng sự ám tà.

0585-- PHẠT TÍNH CHI PHỦ.

Nhát búa bổ vào tâm tính con người. Sắc đẹp người con gái như nhát búa bổ xuống làm mất thâu, mê hoặc kẻ mới gặp (Coup de foudre ?).

0586— PHÂN CAM CỘNG KHỎ.

Ngọt cùng chia, đắng cùng nếm. Cùng nhau chia sẻ buồn vui sướng cực.

0587— PHÂN CƯƠNG HOẠCH GIỚI.

Chia lẫn vạch mức. Phân định lẫn ranh, giới hạn.

0588— PHÂN THU KHANH NHO.

Đốt sách chôn học trò (nhô sinh). Thường dùng với nghĩa là chuyên quyền độc-đoán, muốn triệt những người khôn đề để trị ví như Tần-Thỉ-Hoàng đốt sách chôn nhô sinh thuở xưa. Thực ra với mục đích cách mạng văn-hóa, thống-nhất văn-tự, chấn-chỉnh nền Văn-học phân-tán của

Trung-Quốc và nhứt là đề diệt mầm chính-loạn ở các địa-phương Cựu-Lục-Quốc, Tần-Thĩ-Hoàng nghe theo lời Lý-Tư truyền lệnh tập-trung các loại sách vở không thích dụng ủy-mị để đốt sạch (trừ các sách thuốc, lý-số và thực-nghiệm) Còn việc chôn sống 460 người ở Hàm-dương duyên có không trực tiếp liên-quan đến vấn đề đốt sách. Lịch sử nói rằng sau khi phát giác được âm mưu của bọn phương sĩ thân tín xách động một nhóm nhỏ nho sinh tuyên truyền phản động, vua Tần mới truyền xử «khanh nho» một số, còn một số đày ra biên ải để lập gương răn thiên hạ. Quần chúng hậu thế chịu ảnh hưởng của nho-gia thường hiểu lầm Tần-Thĩ-Hoàng là bạo chúa diệt văn học thay vì phải tuyên-dương một nhà đại-cách-mạng văn-hóa Trung Hoa.

0589— PHẢN THẾ TẬT TỤC.

Giận đời ghét tục. Giận ghét thói đời. Yếm thấ.

0590— PHÊ HÌNH PHÊ THANH.

Sửa hình sửa tiếng. NHẤT KHUYỀN PHÊ HÌNH, ĐA KHUYỀN PHÊ THANH. Một con chó thấy hình bóng thì sủa, nhiều con chó khác chỉ nghe tiếng sủa của nó mà sủa hùa theo, chứ thực chúng không thấy hình dạng ai cả. Dễ tin nơi lời truyền mà hùa theo, chứ không có căn cứ trên một thực tế hay luận-lý nào cả.

0591— PHÊ TÊ HÀ CẬP.

Cẩn lỗ rùn làm sao tới được. Ăn năn đã muộn, ích gì.

0592— PHI ĐIỀU THẤT QUÂN.

Chim bay lạc đàn. Việc làm lạc lỏng, lỗ hổng, trên

chệch, sai mùa không giống với tác phong của tập thể chung quanh.

0593— PHI MÔI BẤT ĐẮC.

Không có mối dắt tiến dẫn thì không được việc. PHẠT KHA NHƯ CHI HÀ, PHI PHỦ BẤT KHẮC. THÚ THÊ NHƯ NHƯ CHI HÀ, PHI MÔI BẤT ĐẮC. Đốn cây phải làm sao, không búa rìu không chém được. Lay vợ phải làm sao, không mai mối không thành được.

0594— PHI NGÔ BẤT THÊ.

Không phải cây ngô đồng không thêm đậu. PHƯỢNG PHI NGÔ BẤT THÊ. Chim phượng không phải cây ngô đồng chẳng đậu. Người quân tử không phải chỗ xứng đáng thì không đến không phò giúp. Bá Di Thúc Tề xưa thà, ăn rau vì núi Thù Dương để sống hoặc chết đói, chứ không ăn thóc nhà Châu. Đó là nguyên ý câu: PHỤNG HOÀNG PHI TRÚC THIỆT BẤT THỰC. PHI NGÔ ĐỒNG BẤT TẬP. Chim phượng hoàng không phải hạt tre thì không ăn, không phải cây ngô đồng thì không đậu.

0594 a— PHI THƯƠNG BẤT PHÚ.

Không buôn bán không làm giàu được.

0595— PHI XA TÀU THẠCH.

Cát bay đá chạy. Cuồng phong. Biển cổ lớn, Tai lớn.

0596— PHI TIỀN BẤT HÀNH.

Không tiền không làm. Tham những.

0597— **PHI VÂN KHÓA LÃNG.**

Vén mây cõi sóng. Ý nói bay ulhây, tự do tung hoành.

0598— **PHI THANG ĐẠO HỎA.**

Đi trong nước nóng, đập trên lửa đỏ. K hông tránh nguy hiểm.

0599— **PHONG BÌNH LÃNG TỊNH.**

Gió yên sóng lặng. Thanh bình trở lại.

0600— **PHONG HÀNH THẢO YÊN.**

Gió đi qua, cỏ rạp. Kẻ có uy-đức đến đâu cũng được thiên hạ râm rạp nể phục nghe theo.

0601— **PHONG Ý TÚC TRỰC.**

Ăn no mặc ấm. Đầy đủ.

0602— **PHONG MÔI ĐIỆP SỬ.**

Gió làm mai dong, bướm làm sứ giả. Người dẫn gái, lái dâm. Ma cô.

0603— **PHONG XAN LỘ TÚC.**

Ăn gió nằm sương. Trải qua gian nan. Vất vả gian truân

0604— **PHU QUÍ PHỤ VINH**

Chồng được sang trọng, quờn quờn thi vợ cũng vinh hiển.

0605— PHU THÀNH PHỤ KHUYNH.

Người đàn ông đờm lược tài ba làm được nên thành, người đàn bà sắc sảo làm nghiêng đổ thành. TRIẾT PHU THÀNH THÀNH, TRIẾT PHỤ KHUYNH THÀNH. (Kinh thi). Đàn ông trí lược đứng lên thành, nữ nhân sắc lược làm đổ thành. Sắc đẹp có thể làm sụp đổ công trình. Nhan sắc đàn bà nguy hiểm.

0606— PHU XƯƠNG PHỤ TÙY.

Chồng xương-xuất vợ nghe theo. Cảnh hòa thuận của vợ chồng theo tam cương.

0607— PHÚ DỮ THIÊN CHÂN.

Bản tính con người do trời ban cho.

0608— PHÚ QUÝ PHÙ VÂN.

Giàu sang như cụm mây trôi nổi trên trời. PHẠN SƠ TỰ, ÂM THỦY, KHÚC QUẢNG NHI CHÂM CHI, TẠI KỶ TRUNG HỸ. BAT NGHĨA NHI PHÚ QUÝ, Ứ NGÃ NHƯ PHÙ VÂN. Ăn gạo xấu, uống nước lã, gấp cánh tay gối đầu, vậy mà có cái vui ở trong đó. Làm điều bất nghĩa mà giàu sang, đối với ta như đám mây bình bồng. (Luận-ngữ, Thuật-nhi).

0609— PHỦ THỦ THIẾP NHÌ.

Quối đầu xếp tai. Thái độ đốn hèn.

0610— PHÚC ĐỨC TỰ LƯƠNG.

Phước đức là vốn là lương-thực. Phước đức là hành trang của người đi trên đường đời.

0611— PHÚC THỦY NAN THU.

Nước đồ đi rồi khó hốt lại được. Hối cũng đã muộn không còn cứu-vãn được. Chu-Mãi-Thần lúc hạn vì bị vợ bỏ, khi hiền đạt vợ xin trở lại. Mãi-Thần đang cầm chén nước uống liền hất xuống đất mà bảo nếu hốt lấy nước lại nước đầy đủ thì mới ưng cho. Người vợ xấu hổ tự tử chết.

0612— PHÚC TỰ KỶ CẦU.

Phước là do tự mình tìm lấy. MỆNH DO NGÃ LẬP, PHÚC TỰ KỶ CẦU. Mạng số là bởi ta tạo dựng nên. phước thì cũng tự mình tìm lấy.

0613— PHỤNG MINH TRIỀU DƯƠNG.

Phượng kêu mặt trời mọc. Điềm lành.



0614— QUA ĐIỀN LÝ HẠ.

Ở ruộng dưa, dưới cây mận. Ý nói ở trong hoàn cảnh tế-nhị thì phải cần-đáo giữ gìn đề-phòng tránh khỏi

mắc phải sự ngờ vực hủ-hóa. QUÂN TỬ PHÒNG VỊ
NHIÊN, BẤT XỬ HIỀM NGHI GIAN, QUA ĐIỀN BẤT NẠP
LÝ, LÝ HẠ BẤT CHỈNH QUAN, THỨC TÀU BẤT THAN
THỌ, TRƯỜNG ẤU BẤT TỶ KIỀN. Quân-tử phòng khi
chưa xảy ra, không ở trong cõi hiềm nghi, ở ruộng dưa
khum lưng xỏ giày, dưới cây mận không sửa nón, em,
chồng chị dâu không chung dụng, già trẻ không sánh vai

0615— QUA PHÂN ĐẬU GIẢI.

Chia dưa xẻ đậu. Chia nhau, phân xé của cái.

0616— QUÁ BẤT YỀM CÔNG.

Tội không che lấp được công. Công lớn hơn tội
Công lớn phải thưởng, phải tuyên-dương, không vì cái
lỗi nhỏ mà che lấp đi nổi.

0617— QUÁ KIỀU CHIẾT KIỀU.

Qua cầu rồi phá gãy cầu. Phụ rầy vong ơn, ơn thọ
rồi phụ rầy. Triệt hậu.

0618— QUÁ MÔN BẤT NHẬP.

Đi ngang qua cửa nhà mình mà không ghé vào. Làm
việc công, không nghĩ đến việc nhà. Vua Hạ-Vũ xưa đi
công-tác có ngang qua cửa nhà mình ba lần mà không ghé
vào. Liêm-chính.

0619— QUÁ MỤC BẤT VONG.

Đã ghé mắt qua là không quên. Thông minh, chăm
chú chủ-sự, lướt qua là đã chú-ý ghi nhớ lâu dài.

0620 – **QUAN PHÁP NHƯ LÔI.**

Phép quan như sấm sét. Lệnh quan phán ra như sấm nổ phải tuân-thủ nghiêm minh.

0621 – **QUAN PHÁP VÔ THÂN.**

Phép quan ngay thẳng công bình, không thân-thiết vị nể người quen, họ hàng.

0622 – **QUÂN TỬ CỐ CÙNG.**

Quân-tử giữ được tâm khí trong cảnh khốn cùng. QUÂN TỬ CỐ CÙNG. TIÊU NHƠN CÙNG TỰ LẠM HỖ. Người quân tử lúc cùng cũng giữ lấy được Đạo, bọn tiểu nhơn cùng tất bỏ quên lễ-nghĩa mà làm bậy.

0623 – **QUÂN THẦN THỦ TÚC.**

Vua với tôi như chân tay. Trên dưới đối đãi thuận hòa, trong ấm ngoài êm, xã tắc mới yên vui. QUÂN CHI THỊ THẦN NHƯ THỦ TÚC, TẮC THẦN THỊ QUÂN NHƯ PHÚC TÂM. QUÂN CHI THỊ THẦN NHƯ KHUYỀN MÃ, TẮC THẦN THỊ QUÂN NHƯ QUỐC NHÂN, QUÂN CHI THỊ THẦN NHƯ THỔ GIỚI, TẮC THẦN THỊ QUÂN NHƯ KHẤU THỦ. (Ly-Lâu-Hạ). Vua coi tôi như tay chân, ắt tôi coi vua như lòng dạ, vua coi tôi như chó ngựa, ắt tôi coi vua như kẻ thường nhân trong nước, vua coi tôi như loài đất cỏ, ắt tôi coi vua như kẻ cướp giặc thù.

0624 – **QUẾ TỬ LAN TÔN.**

Con như cây quế, cháu như cành lan. Con cháu phúc đức quý giá.

0625— QUYỀN BẤT THẤT KINH.

Quyền biến mà không làm mất đạo-lý kinh-nghĩa.

0626— QUYỀN NANG NHI KHỨ.

Cuốn gói mà đi. Bỏ đi, không phò phục nữa.

0627— QUỐC SẮC THIÊN HƯƠNG.

Sắc nước hương trời. Đàn bà, con gái tuyệt đẹp.



0628— SA ĐỀ HOÀNG KIM.

Vàng ở dưới cát. Người hùng tài nằm trọn với giới hạ tiện. Kẻ hiền sống lâu đắm ác ôn.

0629— SÀNG ĐẦU KIM TẬN.

Đầu giường hết vàng Anh hùng mặt lộ. SÀNG ĐẦU KIM TẬN. TRẮNG SĨ VÔ NHAN. Đầu giường hết tiền, người trắng sĩ không còn mặt mũi gì nữa. Hết bạc, không hành hiệp được, còn gì là sĩ diện tiếng tăm của người trắng sĩ.

0630— SÀNG NHƯỢC NHẬT TINH.

Sáng uhu mặt trời như tinh tú. Quang minh, chính đại.

0631— SANH CƯ TỬ TÁNG.

Sống thì cho ăn ở nương tựa, chết thì đem chôn cất.

0632— SANH KÝ TỬ QUY.

Sống gởi thác về. Cuộc đời là tạm bợ, là cõi tạm. Cỗ nhân nói : SANH KÝ GIÃ, TỬ QUY GIÃ (sống là gởi thác là về vậy).

0633— SANH THUẬN TỬ AN.

Sống thì được yên vui, chết được siêu-thoát.

0634— SÁT NGÔN QUAN SẮC.

Xem xét lời nói, chú ý theo dõi sắc mặt. Dò xét người.

0635— SÁT NHƠN VÔ KIỂM.

Giết người không gươm đao. Âm mưu hại người bằng thủ-đạoa mớ âm. Âm hại.

0636— SÁT THÂN THÀNH NHÂN.

Bỏ mạng thân mình để nên được đạo nhân. Không Tử nói : CỒ CHI CHỈ SĨ NHÂN NHÂN, VÔ CẦU SINH DĨ HẠI NHÂN, HỮU SÁT THÂN DĨ THÀNH NHÂN. (Luận ngữ : Vệ-linh-công 15). Bậc chi sĩ nhân-nhân không ai cầu sống để hại đạo nhân, chỉ có kẻ giết mình để đạt điều nhân.

0637— SẮC ĐÀM THAO THIÊN.

Gan dạ ngập trời. Chỉ người to gan bạo dạn.

0638— SẤU NGÃ PHI NHÂN.

Ta gây cho người được báo. Vì tha báo ái làm việc không sợ bản thân mình để cho kẻ khác được an vui.

0639— SẬU TIẾN SẬU THOẢI.

Tiến bất thần, rút lui cũng bất thần, gây cho địch hoảng hốt và hoang mang.

0640— SI NHÂN THUYẾT MỘNG.

Người đã mê muội rồi thì nói ra toàn chuyện không thực tế, sai lầm.

0641— SĨ PHI VỊ BÀN.

Không phải ra làm quan vì nghèo. Tham chính vì công ích, không vì bổng lộc, danh lợi.

0642— SIÊU PHẠM NHẬP THÀNH.

Vượt khỏi cảnh phạm mà vô đến cõi thành. Chỉ các bậc tu hành dứt sạch duyên trần đến mức thần-thông như ngộ.

0643— SIÊU QUẦN BẠT TỤY.

Vượt đám, trôi nhóm. Tài cao xuất chúng, hơn tất cả.

0644— SIÊU QUẦN XUẤT CHUNG.

Trong bọn thì hơn trên, trong đám đông thì nổi bật. Lỗi lạc không ai bì.

0645— SONG TIỀN TÈ XUYÊN.

Hai mũi tên cùng xuyên trúng. Đắc việc thành quả, hai lượt.

0646— SỞ KIẾN BẤT TIỀN.

Thấy nhiều lần mất thích thú, bớt mộ.

0647— SƠ BẤT GIẢN THÂN.

Người mới quen sơ không ly gián được người đã thiết-thân bởi khó mở miệng cũng như khó được tin nghe.

0648— SƠN CAO THỦY TRƯỜNG.

Núi thì thấy cao, sông nước thì thấy dài. Thiên-nhiên nó là vậy, không biến cải được.

0649— SƠN CÙNG THỦY TẬN.

Chỗ kiệt núi, kiệt nước. Hết chỗ đi đến nữa rồi, không còn nơi nào nữa.

0650— SƠN LỆ HÀ ĐÀI.

Núi mòn bằng hòn đá, sông cạn bằng cái đài. Trừ chi làm việc dù tới đâu, tới sông cạn núi mòn cũng không uẩn.

0651— SƠN MINH HẢI THỆ.

Ước hẹn với núi non, thề nguyện với sông biển. Ý chỉ lời thề ước bền chặt như sông núi. Thề non hẹn biển.

0652— SUẤT NHĨ NHI ĐỐI.

Mới nghe đã đáp. Khinh suất.

0653— SÚC CHỦNG ĐÃI THÌ.

Trữ giống chờ mùa. Nuôi dưỡng tôi-luyện để chờ thời cơ.

0654— SÚC Y TIẾT THỰC.

Đề dành quần áo, tiết giảm lương ăn. Tiết kiệm.

0655— SÚC LỰ TIỀM MƯU.

Chứa chất sự lo toan và mưu tính ngầm. Âm-mưu âm toán.

0656— SÚC MIÊU PHÒNG THỪ.

Nuôi mèo phòng chuột. Biết phòng bị.

0657— SUY TIÊU TRI ĐẠI.

Suy việc nhỏ biết ra được việc lớn.

0658— SÙNG NHỤC BÁT KINH.

Được sùng ái hay bị ghét bỏ cũng chẳng hề nao núng rồi sợ. Người quân-tử bình-tâm chủ-sự không luận đến cái thương ghét của thời đời.

0659— SỬ MÂN PHỤ SƠN.

Sai khiến con muôi đi vác trái núi. Không dụng người đúng khả-năng.



0660— TA BÀ THẾ GIỚI.

Ta-bà do chữ phạn là Saha có nghĩa là nhẫn-nhục. Cõi thế giới mà người phải chịu đựng, nhường nhịn kham nhẫn trước các ô-trọc, quái-ác, phiền-não. Theo nhà Phật Ta-Bà là cõi ô-ước các giống chúng-sanh lẫn lộn và là cõi thứ mười ba trong hai chục tầng thế giới.

0661— TA NGÃ ÁI THA.

Thau phận mình, thương phận người.

0662— TÀ TƯ HỮU TƯỜNG.

Suy bên trái, nghĩ bên mặt. Suy nghĩ đủ chiều.

0663— TẢ XÔNG HỮU ĐỘT.

Đụng bên tả, chạm bên hữu. Đối kích với địch cùng phía.

0664— TÁC KIỀM TỰ PHƯỚC.

Con tằm làm ra cái kén để tự nhốt mình vào. Tự mình trói buộc mình, làm khổ lấy mình.

0665— TÁC OAI TÁC PHÚC.

Làm oai làm phúc. Ra oai ban phúc. Kể quyền-uy (như vua chúa chuyên-độc xưa) tỏ thể hãnh-hách của mình ra oai làm tàng hách-dịch, làm trời.

0666— TAI DO NHƠN TẠO.

Tai họa chính do người làm ra.

0667— TAI TƯỜNG ĐIỆP KIẾN.

Tai họa và phúc lành chông lóp, nối đuôi nhau mà xuất hiện.

0668— TÀI BÁT KHẢ Ý.

Đã có tài thì không thể dựa vào ai mà làm. Người tài thì tự mình làm, không cậy kẻ khác.

0669— TÀI DỮ MỆNH TRANH.

Tài và mệnh tranh nhau. Người có tài thường phải phấn-đấu với phận-mệnh.

0670— TÀI GIÀ TAI DÃ.

Người có tài thì có tai vạ. Chữ tài liền với chữ tai một vần (Kiều).

0671— TÀI MỆNH TƯƠNG PHƯƠNG.

Tài và mệnh hai bên trái ngược nhau. CỎ LAI TÀI MỆNH LUÔNG TƯƠNG PHƯƠNG, Xưa nay tài và mệnh hai thứ nghịch nhau!

0672— TÀI ÔNG THẤT MÃ.

Ông già ở biên-trấn mất ngựa. Tai nạn chưa chắc là họa, được lợi chưa chắc là phước. Phước họa không luận theo thất đắc mà nói được. Tài ông xưa mất ngựa chưa cho là họa, ngựa về cũng chưa lấy đó làm phúc.

0673— TẠI TRIỀU NGÔN TRIỀU.

Tại triều đình thì nói chuyện triều đình. Chỗ công thì nói việc công.

0674— TAM BÀNH LỤC TẶC.

Ba bành sáu tặc. Ba vị hung thần ăn phục trong người dè xúi dục người nổi THAM, SÂN, SI và sáu thứ tặc ngoại cảm vào giác-quan thần thể gây chước xấu nhiều hại sự tu-đức là SẮC, THANH, HUƠNG, VỊ, XÚC, PHÁP. Nổi tam bành lục tặc là nổi nỏ khí xung thiên, nổi trận lôi đình, giận dùng dùng để gây ác đức.

0675— TAM DÂN CHỦ NGHĨA.

Chủ trương chính trị của nhà cách-mạng Trung-

Hoa Tôn-Dật-Tiên gồm 3 điểm giải quyết là Dân-Tộc, Dân Quyền, và Dân Sinh. Dân Tộc ngoài thì ngang hàng trên địa vị quốc tế, trong thì bình đẳng hòa đồng và đoàn kết. Dân Quyền ngang nhau về mặt chính trị với bốn quyền căn bản để tiết chế chính phủ. DÂN SINH được bình đẳng trên địa hạt kinh tế như được giúp vốn phát triển kỹ nghệ, chia đất cày cấy tận-lực sản xuất, san bằng giàu nghèo . . .

0676— TAM ĐỒNG QUI TÁC.

Đây là một quy luật về kịch-nghệ thời Trung Cổ Âu Châu. Kịch-tác-gia khi trước-tác vở kịch phải đặt nó trong khuôn khổ gồm 3 điểm bắt buộc : ĐỒNG SỰ tức là đồng về hoạt động trong vở-kịch (action), ĐỒNG THỜI tức là thời gian xảy ra 24 tiếng (temps) và ĐỒNG SỞ là cùng nơi xảy ra (lieu, espace). Người Pháp gọi là Règle des trois unités.

0677— TAM HÓA SINH HOẠT.

Chủ trương của Tưởng-Giới-Thạch buộc thanh niên cán bộ, công chức Trung-Hoa phải NGHỆ THUẬT HÓA, SINH SẢN HÓA và QUẢN SỰ HÓA cuộc sống để thống nhất và xây dựng Trung-Quốc hùng cường.

0678— TAM MÃNH CHIẾN THUẬT.

Lối đánh giặc chủ trương ba mãnh-liệt : MÃNH ĐA, MÃNH XUNG và MÃNH TRUY tức là đánh hăng, đụng dữ và rượt cản.

0679— TAM MỘC THÀNH SÂM.

Ba cây làm nên bụi rậm. (Ba chữ mộc thành chữ sâm).

0680— TAM NHƠN THÀNH CHÚNG.

Ba người làm nên được một nhóm.

0681— TAM SAO THẤT BỒN.

Chep lại ba lần thì mất gốc. Không còn giống y nguyên bản. Cái gì truyền đi truyền lại nhiều lần thì sẽ bị sai lệch hoặc thất thoát không còn giống như bản chính nữa.

0682— TAM SẮC VĂN NGHỆ.

Văn nghệ ba màu. Quốc-Dân đảng Trung-Hoa chủ trương bài-xích ba thứ văn-nghệ màu HỒNG (đỏ : cộng sản) HOÀNG (vàng : tinh dục) và HẮC (đen : tội ác).

0683— TAM THẬP LỤC VẬT.

Ba mươi sáu món dơ dáy ở thân thể như cứt, đái, ghèn, đàm, dất ghét, nước dãi, mồ hôi, móng tay v.v... Chỉ đồ dơ dáy lộn xộn.

0684— TAM THỐN CHI THIỆT.

Lưỡi có ba tấc. Chỉ tài hùng-thuyết của nhiều chánh-khách, vĩ-nhơn có lời nói khéo léo lời cuốn chinh-phục được người. Xưa Bình-Nguyên-Quân tán Mao-Toại rằng : MAO TIÊN SANH DĨ TAM THỐN CHI THIỆT, CƯỜNG VU BẠCH VẠN CHI SỰ, Tiên-Sinh họ Mao dùng lấy có ba tấc lưỡi mà mạnh so như đoàn quân trăm vạn.

0685— TÀN CANH LÃNH PHẬN.

Canh thừa cơm nguội. Không quý trọng, cho sống bằng của thừa dư dật bỏ.

0686— TÀN CĂN MẠC KIẾP.

Rui gốc hết thời. Vận mặt căn tiêu. Tan tác hết không còn gì.

0687— TÁN GIA BẠI SẢN.

Tan-tác nhà cửa, của cải tiêu bại. Sách địa lý nói mồ mả ở trước nhà thì tốt, con cháu phát đạt về sau, còn mồ mả mà ở sau nhà thì phải tán gia bại sản. TIỀN PHẦN HẬU TRẠCH GIẢ TĂNG QUAN, HẬU PHẦN TIỀN TRẠCH TÁN GIA BẠI SẢN.

0688— TÁN TỤ VÔ THƯỜNG.

Hợp tan bất định. Đời người chuyện hợp tan không biết đâu mà ngờ.

0688— TANG BÔNG HỒ THỊ.

Cung bằng cây dâu, tên bằng cỏ bông. Ý chỉ chi nam-nhi vẫy vùng dọc ngang đất trời, không sợ hiểm-nguy gian lao. Tục truyền xưa vua sinh được con trai thì treo cung tên bằng dâu bông trước cửa cung để báo hi. Cũng có tích nói xưa hể sinh được nam-nhi thì người cha mừng rỡ chạy vọt ra ngoài vườn chặt lấy cây dâu, cỏ bông làm cung tên bắn đi bốn hướng và trên dưới ước nguyện sơ-nhi sau này thành người chí-khí tung hoành.

0690— TÁNG KHÍ ĐÃI THỜI.

Tạm dấu cái chí-khí đợi thời cơ.

0691— TAO NHƠN MẶC KHÁCH.

Văn nhân nghệ-sĩ. Khuất-Ngươn ngày xưa làm bài thơ trường-thiên LY-TAO, người sau bắt chước lối đó lập thành một thể thơ gọi là TAO. Từ đó người làm văn hay được gọi là Tao-Nhơn. Mặc-Khách là người chăm lo việc bút mực tức là việc văn (mặc là mực).

0692— TÀO KHAI TÀO LẠC.

Nở sớm thì rụng sớm. Nở sớm tàn mau. Triển khai sớm thì kết thúc sớm. Thành sớm bại mau.

0693— TĂNG HIỀM HỘI KHỔ.

Hòa-hiệp gần gũi với cảnh mình không ưa thích, người mình thù ghét ấy là khổ. Đó là một trong bát-đại-khổ của nhà Phật. (Sanh, lão, bệnh, tử, ái biệt ly, tăng hiềm hội-khổ, cầu bất đắc và sau cùng là khổ ngũ âm tức là ngũ-uẩn tích-tu không điều-hòa cũng là khổ).

0694— TÀNG THỎ THÀNH SƠN.

Đất chồng nhiều lớp thành núi. Tri chí dần dần việc nhỏ tích lũy thành đại cuộc.

0695— TÀNG XUẤT BẤT CÙNG.

Sanh sôi nảy nở hết đợt này đến lớp khác không cùng.

0696— TẦY NHĨ CUNG THÍNH.

Rửa lỗ tai mà lắng nghe một cách cung kính. Kính trọng.

0697 — TÂM MÃN Ý TUC.

Lòng đầy ý đủ. Đắc-ý, thỏa mãn.

0698 — TÂM PHIỀN Ý LOẠN.

Lòng rầu ý rối. Tâm thần phiền muộn, ý trí bất an.

0699 — TÂM QUẢNG THỀ BÀN.

Trong lòng quảng đảng thanh-thoát thì thân thể được thư thái thông dong. Tăng-Tử nói : «PHÚ NHUẬN ỨC, ĐỨC NHUẬN THÂN, TÂM QUẢNG THỀ BÀN, CỔ QUẢN TỬ TẤT THÀNH KỶ Ý.» (Đại học VI). Giàu thì thấy ở nhà cửa kang trang đẹp đẽ, có đức quảng đại thì thể chất thông dong thư thái. Bởi đó người quân-tử phải giữ cái ý mình cho thành thật.

0700 — TÂM CẦN VẤN ĐẾ.

Tìm kiếm tận gốc, hỏi han tận cuống. Truy tầm kỹ-lưỡng.

0701 — TÂM THỰC BÁT VONG.

Khi nằm, khi ăn đều không quên. Ghi khắc, nuôi nấng mãi trong lòng.

0702 — TÂN BÁT ÁP CHỦ.

Khách không nêu vì sự chiều dãi mà ép bức chủ nhà.

0703 — TÂN CHÍ NHƯ QUI.

Khách đến cũng như khách về. Người chủ khéo thù

tiếp, hậu đãi làm cho khách khi mới đến mà có cảm tưởng như về ở nhà của mình vậy.

0704— **TÂN QUẾ MỀ CHÂU.**

Củi quế gạo châu. Gạo hiếm đắt như ngọc, củi chum quý cũng như cây quế. Thời buổi vật giá đắt đỏ, sinh hoạt khó khăn.

0705— **TÂN TRẦN ĐẠI TẠ**

Mời cũ thay nhau. Cái mới đến thay cái cũ.

0706— **TẬN ĐỊCH NHI HOÀN.**

Đánh diệt cho hết kẻ thù mới trở về. Quyết chiến quyết thắng.

0707— **TẬN THẤT NHI HÀNH.**

Dọn hết nhà ra đi. Trốn lánh tai họa, nguy cơ mà dọn hết nhà cửa đến xứ khác ở.

0708— **TẬN VỊ LAI TẾ.**

Cho đến mức cùng vị lai. Từ rày cho đến mãi mãi ngàn sau vô tận.

0709— **TẮT DƯỠNG TAO BÓI.**

Ngửa đầu gối gãi sau lưng. Làm trật việc, không đúng chỗ.

0710— TẤT LỘ LAM LỮ.

Xe tre, áo toi. Chỉ người làm việc khổ nhọc!

0711— TẬT PHONG KINH THẢO.

Gió mạnh mới biết cỏ cứng. TẬT PHONG TRI KINH THẢO, NGUY KHỐN THỨC TRUNG THẦN. Gió mạnh mới biết cỏ cứng, nguy khốn mới thấy rõ tôi ngay.

0712— TÀU BIẾN THIÊN NHAI.

Chạy khắp chân trời. Người đi cùng khắp.

0713— TÀU MÀ KHÁN HOA.

Chạy ngựa xem hoa. Làm việc qua loa sơ sài, không kỹ càng.

0714— TỆ CÁI KHÍ NGUY.

Cây dù hư và cái mạn rách đáng vứt đi. Đồ vô dụng.

0715— TỆ Y TÀN LẠP.

Áo rách và cái nón lá hư. Cảnh tình khốn khổ của dân tay làm hàm nhai.

0716— TỆ TRỪU THIÊN KIM.

Cây chổi cùn mà coi như ngàn vàng. Người nghĩ rằng của mình là quý.

0717— TÍCH CỐC PHÒNG CƠ.

Trữ lúa ngừa đói. Phòng bị.

0718— TÍCH LƯU THÀNH HẢI.

Chứa nước chảy nhiều thành biển. Góp nhặt tích trữ nên được một số lớn.

0719— TÍCH MẠC NHƯ KIM.

Tiết mực như vàng. Cần thận trọng việc văn tự, bút ký.

0720— TÍCH THẢO ĐỒN LƯƠNG.

Trữ cỏ góp lương. Tích trữ lương thảo dành cho quân binh lúc hữu dụng.

0721— TÍCH TIÊU THÀNH ĐA.

Chứa trữ ít nhưng dần dà thành ra nhiều. Tiết kiệm nên giàu.

0722— TỊCH BẤT HẠ NOÃN.

Chiếu không kịp nóng, ngồi chưa nóng chiếu. Nhiều chuyện cần gấp phải làm nên hăm hở buồng việc này là bắt việc khác, đến là đi liền..

0723— TỊCH PHONG LÝ HẬU.

Ngồi chỗ đầy, đạp chỗ đầy. Người phúc số được hưởng cơ nghiệp tốt.

0724— TIỆM NHẬP GIAI CẢNH.

Dần dà mà đi vô tới được chỗ có cảnh đẹp. Tri chỉ chịu khó làm việc dần dà tới được hoàn cảnh tốt đẹp như người thọ nguy lần bước trong hang động cuối cùng gặp được cảnh tiên.

0725— TIÊN HUNG HẬU HỖ.

Trước hỷ điều xấu ác, sau hưởng được cái tốt lành. Hung đi trước, hỷ đi sau.

0726— TIÊN LỄ HẬU BÌNH.

Văn lễ trước, bình vô sau. Dùng lễ nghĩa trước, sau mới đến sức mạnh.

0727— TIÊN LÔI HẬU VŨ.

Sấm sét trước rồi đến mưa sau. Ra oai trước, hành động sau.

0728— TIÊN NHẬP VI CHỦ.

Vô trước thì làm chủ. Ra tay trước, đến trước nói trước thì dễ chinh-đoạt. Đến chậm, nói sau khó gây ảnh-hưởng thu phục.

0729— TIÊN PHÁT CHẾ NHÂN.

Khởi động trước là ép trị được người. Ra tay trước là áp đảo được.

0730— TIỀN HẬU BẮT NHÚT.

Đầu đuôi không như một. Mâu thuẫn.

0731— TIỀN HIỀN HẬU THÁNH.

Hiền trước thánh sau. Chư vị hiền, thánh từ trước đến sau, từ xưa đến nay trong trời đất đều (làm, nói, chứng giám v.v...) như vậy.

0732— TIỀN HỒ HẬU ỨNG.

Trước có quân hồ dẹp đường, sau có quan hộ vệ. Người có thần thể quờn-oai, nhiều kẻ theo phò giúp tuân phục như bậc vương-tướng ngày xưa.

0733— TIỀN PHÁO HẬU XUNG.

Lối đánh giặc dùng pháo-binh kích trước làm cho địch bị thiệt hại tối đa, tinh thần bị áp đảo, rồi mới xuất quân xung phong tiến đánh sau.

0734— TIỀN TRÁM HẬU TÁU.

Chém chết trước rồi về tâu sau. Người có quyền thế lớn, được cấp đặc quyền.

0735— TIỀN TRÌNH VẠN LÝ.

Con đường trước mặt còn ngàn dặm. Việc làm còn nhiều, tương lai còn xa.

0736 – TIỀN VÔ CỒ NHÂN.

Trước đó không có người xưa nào sánh bì kịp. Khen người tài lỗi.

0737 – TIẾN THÂN CẦU SÙNG.

Tiến nạp thân mình cho người để được sùng-ái gia ân.

0738 – TIỀN THOÁI DUY CỐC.

Tiến lui gì cũng thấy bổ thắm. Nguy hiểm bao vây cùng khắp.

0739 – TIỀN THOÁI LƯƠNG NAN.

Tôi lui hai bề đều khó. Việc khó xử trí.

0740 – TIẾN THỐN THOÁI XÍCH.

Tôi một tắc lùi một thước. Làm lợi ít, hại nhiều làm việc thất bại.

0741 – TIỆP BỘ TRANH TIÊN.

Bước nhanh đánh trước.

0742 – TIỆP TÚC TIÊN ĐẮC.

Mau chân thì được trước, mau lời trước thì đoạt được trước.

0743 – TIỆT THIẾT TRÂM ĐÌNH.

Chém đi chặt sắt. Lời nói nghiêm minh.

0744— TIÊU ĐẦU LẠN NGẠCH.

Cháy đầu phỏng trán, ở giữa chốn binh lửa, ở giữa nơi xung đột mà phải lây họa.

0745— TIÊU HAO CHIẾN TRANH.

Chiến tranh hao mòn. Một lối chiến chủ đánh nhè nhắng dằng dai gặm nhấm dần dần tài lực, vật lực, làm sụp bại tinh thần đấu thủ (Guerre d'usure).

0746—TIÊU KIM THUỐC THẠCH.

Nung vàng nấu đá cho đến chảy lỏng ra. Khí hậu quá nóng. Đại hạn. Sức nóng dữ.

0747— TIÊU THỒ KHÁNG CHIẾN.

Một lối chống giặc của phe yếu thế trước địch quân hùng hậu. Chiến thuật chủ triệt binh thật sâu, vừa rút lui vừa đốt phá sạch nhà cửa, đất đai ruộng vườn v.v..Địch vào đất lạ không có nơi tựa, không nhờ vả được kinh tế sản xuất địa-phương để làm lương v.v..Ngày càng xa đường tiếp vận từ hậu tuyến, sức tiến suy yếu dần. Lúc đó mới lập trung quân lực khởi đánh lại thật mạnh mà đuổi địch tái chiếm lãnh thổ.

0748— TIÊU ĐỀ ĐẠI TỐ.

Chuyện nhỏ xé to. Hay sinh sự.

0749— TIÊU HUYỆT PHÁ ĐỀ.

Lỗi nhỏ làm vỡ bờ. Lỗi nhỏ gây họa to.

0750— TÍN NGOẠI KHINH MAO.

Lòng tin ở ngoài như cái lông nhẹ bông. Không có lòng tin sắc son bền chặt, dễ bị lay chuyển như cái lông nhẹ bị thổi đi.

0751— TÍN THỌ PHỤNG HÀNH.

Tin, nhận chịu và phục lệnh thi hành.

0752— TÌNH TRƯỜNG CHỈ ĐOÀN.

Tình dài giấy ngắn. Tình lòng thâm thiết còn nhiều nhưng không đủ chỗ đề tả ra cho hết được. Câu thường dùng ở cuối bức thư.

0753— TỊNH CỰC PHỤC ĐỘNG.

Cái tĩnh đến mức cùng cực thì trở lại thành cái động. Yên quá rồi phải tới lúc loạn. Hết tĩnh rồi mới động. Đó là lẽ đương nhiên biến hóa của trời đất, âm dương. THÁI CỰC ĐỘNG NHI SANH DƯƠNG, TỊNH NHI SANH ÂM, TỊNH CỰC PHỤC ĐỘNG (Chu Liêm Khê).

0754— TỊNH DĨ CHẾ ĐỘNG.

Lấy êm tịnh, ôn nhu mà áp trị được bạo động.

0755— TỶ CHUÂN TRIỀU THIÊN.

Sóng mũi châu trời, chia hát lên trời. Kiêu căng ngạo mạn.

0756— TỶ KHÔNG BẮT THÔNG.

Lỗ mũi nghẹt. Người không biết thưởng thức cái hay, cái đẹp.

0757— TỶ NGHĨA NHƯỢC NHIỆT.

Lánh việc nghĩa như tránh lửa nóng.

0758— TỶ DỤC LIÊN LÝ.

Sát cánh liền cánh, khẩn khít như uyên ương. Lời thề đem thốt tịch của Đường-Minh-Hoàng, Dương-Quý-Phi. TẠI THIÊN NGUYỆN TÁC TỶ DỤC ĐIỀU, TẠI ĐỊA NGUYỆN VI LIÊN LÝ CHI Trên trời nguyện làm chim chấp cánh, dưới đất nguyện làm cây cành liền thớ.

0759— TỌA DĨ ĐÃI ĐÁN.

Ngồi chờ sáng. Làm việc mà siêng ham, ý thức trách nhiệm. Chu Công xưa đem nghĩ đến quốc sự, ngồi chờ sáng để làm việc.

0760— TỌA DĨ ĐÃI TỆ.

Ngồi yên chờ chết, không phòng bị, đối phó cái nguy hại.

0761— TỌA TÍNH QUAN THIÊN.

② Ngồi dưới giếng xem trời. Ngồi dưới đáy giếng nhìn trời tất phải thấy ông trời chỉ là một khuôn nhỏ bằng cái lỗ miệng giếng. Không cầu tiến, không học, cứ ở lì một mực, một chỗ làm sao thấy xa hiều rộng được.Ếch ngồi đáy giếng thấy đường đi đâu.

0762— **TỌA THỰC SƠN BĂNG.**

Ngồi ăn núi đồ. Người lười biếng ăn chơi, ngồi moi của ra tiêu dùng mãi, không chịu làm việc, thì dù của ấy có là tài sản kếch-sù to lớn như núi cũng phải tiêu tán sạch đồ.

0763— **TOẠI THÂN PHÁN CỐT.**

Nát mình tan xương. Thịt nát xương tan. Thân tàn.

0764— **TOẠI SỰ BẤT GIÁN.**

Việc đã tắt rồi, không còn khuyên can được.

0765— **TOÀN THẠCH THỦ HỎA.**

Đục đá lấy lửa.

0766— **TÔNG NHẤT BẤT CANH.**

Theo một, không sửa đổi. Lòng quyết theo một sự gì thì nhưt mực không đổi thay.

0767— **TÔNG NHẤT NHI CHUNG.**

Chỉ theo có một là hết, không theo ai khác nữa. Đàn bà theo lễ thường chỉ theo thờ có một mình chồng cho tới chết.

0768— **TÔNG TÌNH CỨU NHƠN.**

Nhảy theo xuống giếng để cứu người. Người bất trí. Đề đối phó với cái nguy, lại gây thêm cái nguy khác mà tưởng mình làm được nhân-ái.

0769— TÔNG THIỆN NHƯ ĐĂNG.

Theo điều thiện thì khó như phải leo trèo lên cao, còn theo việc ác thì dễ, như chuyện từ cao rơi xuống. TÔNG THIỆN NHƯ ĐĂNG, TÔNG ÁC NHƯ BĂNG.

0770— TÔN ĐẠO HẢO ĐỨC.

Trọng đạo ham mến đức. ĐẠO GIẢ NÃI LÝ CHI SỞ DO, ĐỨC GIẢ NÃI LÝ CHI SỞ ĐẮC. THỊ CỐ CỒ CHI, THÁNH NHƠN VÔ BẤT TÔN ĐẠO NHỊ HẢO ĐỨC. (Kinh lễ) Theo lễ phải mà làm là đạo, làm mà giữ được lễ phải là đức, cho nên thánh nhơn từ xưa thấy tôn trọng đạo mà ham mến đức.

0771— TỐNG CỰU NGHINH TÂN.

Tiền đưa người cũ, tiếp đón người mới.

0772— TU KỶ DĨ KINH.

Lấy kính mà sửa mình. Giữ lòng thành kính thì không làm việc bất nhơn nghĩa, sửa mình, thánh hóa mình đến chí-thiện được. Đây là lời đức Khổng-Tử khi được Tử-Lộ hỏi về đạo quân-tử. (Luận-ngữ, hiến-vấn 45).

0773— TÙ THỦ TANG DIỆN.

Đầu của người tù. Mặt của kẻ có tang. Mặt mày hắc-ám dơ bẩn buồn bực, không sạch sẽ tỉnh tươi, vui vẻ.

0774— TÚ MẠC KHIÊN TY.

Màn thêu kéo tơ. Ý nói chọn vợ, kén vợ. Tề-tướng Trương-Gia-Chân đời Đường có năm con gái muốn gả một cho Đò. Đức Kinh-Châu là Quách-Nguyên-Chân, bèn khiên

năm nàng cầm sợi tơ khác màu nhau đứng bên trong màn thêu. Họ Quách đến chọn một trong ngũ sắc tơ mà rút lấy. Quách rút chỉ hồng mà được người đẹp ưng ý.

0775— TU NHI BẤT THIẾT.

Đơm bông mà không trở trái. Người khoa cử có cái học đề khoa trường chứ không dùng nó làm gì giúp ích cho đời.

0776— TỰ THỦ BÀNG QUAN.

Khoanh tay đứng bên lề mà xem. Người bàng quan tặc-trách.

0777— TÚC TRÁI LƯƠNG DUYÊN.

Duyên lành nợ kiếp trước. Tốt duyên với nhau tựa hồ như đã kết mối mắc nợ nhau như tiền kiếp.

0778— TÚC TRÍ ĐA MƯU.

Trí đủ mưu nhiều. Người nhiều thủ đoạn.

0779— TỤC ĐOÀN ĐOÀN TRƯỜNG.

Muốn nói chỗ ngắn phải cắt lấy chỗ dài để đắp vào.

0780— TUẾ NGUYỆT NHƯ THOA.

Năm tháng như cái thoi dẹt. Ngày tháng qua mau thắm thoát như thoi đưa.

0781— TÙY CƠ ỨNG BIẾN.

Liệu theo tình thế mà quyền biến đôi-phó.

0782— TÙY NGỘ NHI AN.

Tùy theo cảnh ngộ mà an vui. LẠC TRI THIÊN MẠNG, TÙY CẢM NHI ỨNG, TÙY NGỘ NHI AN. Vui biết mệnh trời, gặp cái cảm nhập thì theo đó mà ứng thuận, gặp cảnh ngộ nào nương theo cảnh ngộ nấy mà an vui.

0783— TÙY PHONG CHUYỂN PHÂM.

Theo gió trở buồm. Tùy thời cơ mà lựa hướng trở về.

0784— TUYỀN KIỆT TÌNH KHÔ.

Mạch suối ráo cạn, giếng khô queo. Tiên tán sự nghiệp.

0785— TUYỀN HIỀN DỮ NĂNG.

Lựa chọn người hiền đức, kẻ có tài năng. Thuyết đại đồng tiền khang của Khổng Tử chủ trương thiên hạ là chung cả, tuyền-trạch hiền năng cho việc chính trị thì vô loạn, còn nếu lấy thân thích vì công thì kỷ cương rối loạn chiến tranh phát khởi.

0786— TỪ THẠCH DẪN CHÂM.

Đá từ hút kim. Người có khí lực thu hút bên ngoài, có dẫn lực thu phục. HỒ PHÁCH THẬP GIỚI, TỪ THẠCH DẪN CHÂM. Hồ phách thu nhất được hạt mận, đá từ hút kim,

0787— TỬ BÁT CẬP THIỆT.

Xe bốn con ngựa tứ kéo cũng không chạy kịp cái lười. Lười nói trót đã thốt ra đi nhanh không thu hồi lại được dù cho có bốn ngựa truy-phong.

0788— TỬ CỐ VÔ THÂN.

Ngó quanh bốn bề không có ai là thân thích cả. Lẻ loi, đơn độc.

0789— TỬ HẢI HUYNH ĐỆ.

Bốn biển đều là anh em, con một nhà cả. QUÂN TỬ KÍNH NHI VÔ THẤT, DỮ NHÂN CUNG NHI HỮU LỄ, TỬ HẢI CHI NỘI. GIAI HUYNH ĐỆ DẤ. Quân tử kính mà không dễ thoát, đối xử người thì khiêm cung mà không vô lễ, trong bốn biển đều là anh em một nhà cả. (Luận ngữ, Nhan-Uyên 5). Đây là lời của Tử-Hạ giảng cho Tư-Mã-Ngưu khi ông này than lo kể như cô đơn không còn anh em nữa vì các anh em của mình làm loạn phản Tống.

0790— TỬ HẢI VI GIA.

Lấy bốn bề làm nhà. Giang-hồ phiêu bạt.

0791— TỬ KHOÁI NHẤT MẠN.

Bốn mau, một khoan thai. Một nguyên-tắc tác-chiến căn-bản thường gọi là «Bốn nhanh một chậm». Khi đánh giặc có bốn điểm phải thần tốc. Đó là :

- Bỏ trí đội hình nhanh,
- Tấn công chớp nhoáng,
- Truy kích sát (rượt nà),
- Thu dọn chiến trường gọn.

Và một điểm phải làm từ-tốn ; đó là điều-nghiên chuẩn-bị kỹ.

0792— TỰ ĐÀU LA VỔNG.

Tự ném mình vào lưới. Tự chui vào rọ, dút đầu vào lưới của người.

0793— TỰ LỢI LỢI THA.

Làm lợi cho mình, cũng làm lợi cho tha nhân. Triết lý nhà Phật Đại-Thừa làm lợi cho mình và làm lợi cho kẻ khác như việc làm của chư Bồ-Tát kiêm cả lợi cho mình và lợi cho kẻ khác.

0794— TỰ LỰC CÁNH SINH.

Tự sức mình làm việc gây cuộc sống, không nhờ cậy vào ai.

0795— TỰ NHIÊN NHI NHIÊN.

Thong-dong bất-cưỡng, bình thản đề cho việc phải sao ra vậy.

0796— TỰ TÁC TỰ THỤ.

Mình làm mình chịu.

0797— **TỰ THẮNG GIẢ CƯỜNG.**

Thắng được mình mới là người mạnh, mới mong khuất phục, thắng được kẻ khác. **TRÍ NHƠN GIẢ TRÍ, TỰ TRI GIẢ MINH. THẮNG NHƠN GIẢ HỮU LỰC, TỰ THẮNG GIẢ CƯỜNG.** (Đạo Đức Kinh 4/33). Biết người là có trí, biết mình là sáng suốt. Thắng người là có sức, thắng mình là mạnh.

0798— **TỬ GIẢ BIỆT LUẬN.**

Chết rồi thì không còn ai nhắc bàn đến.

0799— **TỬ KHÔI PHỤC NHIÊN.**

Tro nguội tàn mà nhuộm lại lửa. Sụp đổ rồi mà quật khởi thành công trở lại.

0800— **TỬ SANH HỮU ĐỊNH.**

Sống chết đều có số trời định.

0801— **TỬ TRUNG CẦU SINH.**

Trong cái chết mà đi tìm ra cái sống. Trong thế tuyệt-vọng mà tìm phương thoát, tìm được sinh lộ.

0802— **TỬ VIẾT THI VÂN.**

Vấn nhà thầy. (Thi-vân là lối gieo vần trong thơ : rime)

0803— TỨC MÃ LUẬN ĐẠO.

Rời lưng ngựa mà bàn về đạo lý. Bỏ việc can-quả mà luận lẽ phải, bàn đến đạo thường mà hòa phân.

0804— TỨC SỰ NINH NHÂN.

Bỏ việc tranh chấp để thiên hạ người người được yên ổn.

0805— TƯƠNG GIANG ĐÀU VĨ.

Nguồn ngọn sông Tương. Sự phân ly, xa cách gây ra niềm thương nỗi nhớ. QUẢN TẠI TƯƠNG GIANG ĐẦU, THIẾP TẠI TƯƠNG GIANG VĨ, TƯƠNG TƯ BẤT TƯƠNG KIẾN, ĐỒNG ÂM TƯƠNG GIANG THỦY. Chàng ở đầu sông Tương, còn thiếp thì ở ngọn sông Tương, nhớ thương nhau mà không được gặp thấy nhau, mặc dù cả hai cùng uống nước sông Tương.

0806— TƯƠNG KẾ TỰU KẾ.

Cứ nương theo cái mưu kế của đối phương mà tác tự cái phương lược của mình để đối phó đánh thắng nó. Biết được mưu người thì nhân theo đó mà lập bài mưu lược cho thế trận của mình.

0807— TƯƠNG THỊ NHI TIỂU.

Nhìn nhau mà cười. Tương đắc.

0808— TƯỜNG NHI HẬU TẬP.

Bay liêng chung quanh quan sát kỹ lưỡng rõ ràng rồi mới đậu. Phòng bị cẩn thận rồi mới hành động.

0809— TỰU NHƠN LUẬN NHƠN.

Cứ tự trung vô người ấy, mà nói bàn về người ấy, không lang bang qua bên lẽ, leo chuyện người khác. Chú âm vào mục tiêu đang làm.

0810— TỬU NHẬP NGÔN XUẤT.

Rượu vào lời ra. Người say hay nói.

0811— THA PHƯƠNG CẦU THỰC.

Đi phương khác kiếm ăn. Đi xứ lạ sinh sống.

0812— THÁI NHI BẤT KIÊU.

Thái mà không kiêu. Người Quán-tử thái đắc mà không kiêu căng. Ngược lại tiểu-nhơn « KIÊU NHI BẤT THÁI ».

0813— THÁI SƠN ÁP NOÃN.

Núi Thái-sơn đè lên chiếc trứng. Áp lực quá lớn, quá nặng mà đè lên thể yếu mềm thể nào cũng làm cái nguy bị nghiền nát.

0814— THAM PHU TUÂN TÀI.

Người tham chết vì của.

0815— THAM TIÊU THẤT ĐẠI.

Tham cái nhỏ mất cái lớn. Tham thì thâm.

0816— THẨM NANG THỦ VẬT.

Mò túi lấy đồ vật ra. Việc dễ dàng như lấy đồ trong túi.

0817— THANH ĐÀM GIẢN PHÁC.

Nói những lý luận trống không, chuyện dễ dàng không có thực.

0818— THANH THIÊN BẠCH NHỰT.

Trời xanh nắng sáng. Việc rõ ràng, tỏ tường không dấu giếm che đậy.

0819— THẢO MÃNG ANH HÙNG.

Anh hùng ở chốn lục lâm, bờ cây bụi cỏ. Tướng cướp đường vắng.

0820— THANH ỨNG KHÍ CẦU.

Nghe phải cùng một thứ giọng, cùng một loại tiếng với nhau thì ứng đáp. Biết được cùng một chí khí với nhau thì đi tìm nhau. Sự thích hợp nhau. ĐỒNG THANH TƯƠNG ỨNG, ĐỒNG KHÍ TƯƠNG CẦU. Cùng giọng kêu thì trời tiếng họa đáp, giống hơi thì đi tìm. (Kính dịch, Quả Kiền, hào cửu ngũ).

0821— NHÂM CÂU CAO LŨY.

Rào cao hào sâu. Phòng bị cẩn mật.

0822— THÂM MƯU VIỄN LỰ.

Tính toán sâu, lo lắng xa. Mưu-liệu kế-hoạch chu đáo lâu dài.

0823— THÂM SƠN CÙNG CỐC.

Núi sâu hang cùng. Nơi cô liêu vắng vẻ.

0824— THÂM TÀNG NHƯỢC HƯ.

Dấu kín tựa hồ như không có. Giữ thật kín đáo mãnh khỏe, bửu bối v.v...không cho người biết.

0825— THÂN SINH Ử KHUẤT.

Cái duỗi do bởi cái co mà có, mà sanh ra. Không có co lại thì lấy gì mà duỗi ra. Khi được hiển-đạt trọng vọng là do cái lúc âm-thầm làm việc, đèn sách cố công.

0826— THẦN GIAO CÁCH CẢM.

Thông giao với nhau bằng tâm-linh, ở xa cách nhau mà có cùng một cảm xúc, cùng hiểu biết một trật (Télépathie). Phật giáo Lạt-Ma ở Tây-Tạng sở-trường về sự luyện môn này. Các chư thánh ngày xưa mặc-khải hiểu biết nhau bởi thần giao cách cảm.

0827 — **THẦN THÔNG BIẾN HÓA.**

Biến hóa đạt được cái mình muốn một cách thần tốc không bị trở ngại nào bởi cảnh không thời gian. Muốn đi đâu là tới đó ngay, muốn biến hóa ra hình thể gì là hiện ngay. Đây là một trong sáu phép Abhijñā của nhà tu Phật xuất-gia đắc quả A-La-Hán. (Thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, túc-mạng-thông, tha tâm thông, thần túc thông cũng gọi là thần thông biến hóa và sau cùng là lậu-tận-thông. Các phép này còn kém cái thông của các bậc Bồ-Tát và Phật).

0828 — **THẦN VONG XÍ HÀN.**

Mời hờ rắng lạnh. Liên hoàn che chở lẫn nhau. Sống trong thế liên-đời.

0829 — **THẬP DI BỒ KHUYẾT.**

Nhặt cái sót đắp vá vào chỗ thiếu khuyết.

0830 — **THẬP MỤC SỞ THỊ.**

Mười mắt đều trông vào thấy. Việc rành rành có nhiều chứng nhân khó chối cãi. THẬP MỤC SỞ THỊ, THẬP THỦ SỞ CHỈ. Mười mắt trông vào, mười tay chỉ điểm.

0831 — **THÁT ĐIÊN BÁT ĐÀO.**

Bảy ngã tám nhào. Nghiêng ngửa, xắc bắc.

0832 — **THÁT THỒ LY HƯƠNG.**

Mất đất lìa làng. Tình người không quê hương, rày đây mai đó.

0833— THẤT THỦ HẠ BÌ.

Thua mất ngã mệ. Bị thua thảm bại không còn sức cự nôi.

0834— THÊ SƠN HÀNG HẢI.

Trèo non vượt biển. Gian nan lặn lội cùng khắp.

0835— THÊ PHONG KHỔ VŨ.

Gió sầu mưa khổ. Gió thảm mưa sầu.

0836— THÊ TRÓC TỬ PHỘC.

Vợ nú con ôm. Bị gia đình ràng buộc vướng víu không làm được việc gì.

0837— THẾ NHƯ PHÁ TRÚC.

Thế quân tiến mạnh như chẻ tre, đến đâu phạt đấy

0838— THẾ SỰ NHƯ KỲ.

Việc đời như cuộc cờ, được thua vô luận.

0839— THẾ THÁI VIÊM LƯƠNG.

Thời đời nóng lạnh, thay đổi liên khi, theo lẽ thịnh suy mà tráo trở.

0840— **THẾ THẾ SANH SANH.**

Đời đời kiếp kiếp, lục đạo luân hồi sanh hóa hoài không dứt.

0841— **THẾ THƯỢNG PHONG BA.**

Sóng gió trên đời. Trường đời có nhiều biến động như sóng dồn gió tập.

0842— **THỊ CHI BẤT KIẾN.**

Nhìn xem chẳng thấy. Huyền vi mẫu-nhiệm. Lão-Tử nói cái bản thể của đạo là Di Hi Vi không màu, không tiếng, không hình **THỊ CHI BẤT KIẾN**, **THỈNH CHI BẤT VẤN**, **ĐOÀN CHI BẤT ĐẮC**. Nhìn xem chẳng thấy, nghe tiếng chẳng thấu hiểu (vấn : nghe biết), nắm lấy chẳng bắt được. (Đạo-Đức kinh XIV).

0843— **THI TRUNG HỮU HẠ.**

Trong bài thơ có bức tranh. Thi văn hay lúc thưởng-hức tưởng chừng như đứng trước một một bức tranh sống động.

0844— **THỊ TỬ NHƯ QUI.**

Xem chết như là chuyển trở về. Thản nhiên không lo sợ cái nguy, cái chết.

0845— **THIÊN BIẾN VẠN HÓA.**

Ngàn thay muôn đời. Thay đổi không ngừng. Vương-Thông nói : **THIÊN BIẾN VẠN HÓA**, **NGÔ TRƯỜNG TRỦ**

TRUNG YÊN. Nghìn biến muôn hóa ta vẫn giữ đạo trung vậy. (Trung-thuyết : Chu-Công).

o846 – **THIÊN BÌNH VẠN MÃ.**

Ngàn linh muôn ngựa. Quân-đội đông đảo.

o847 – **THIÊN CAO ĐỊA HẬU.**

Trời cao đất dày.

o848 – **THIÊN ĐỊA BẤT NHÂN.**

Trời đất bất nhân Thái độ đứng vững bằng quan của càn-khôn vạn-vật là nguyên tính thần-nhiên của tạo hóa, người phải cứ vào tính ấy mà giữ cốt cách, bình thần cho hợp đạo vô-vi. THIÊN ĐỊA BẤT NHÂN, DĨ VẠN VẬT NHƯ SÔ CẦU, THÁNH NHÂN BẤT NHÂN, DĨ BÁC H TÂN VI SÔ CẦU. (Đạo đức kinh 5/1 và 2). Trời đất bất nhân, coi vạn vật như chó rơm, thánh nhân bất nhân, coi trăm họ như chó rơm. Chó rơm dùng làm lễ-vật, khi cúng tế thì quý, khi lễ xong thì vứt đi. Cái gì đúng thời thì dùng, sai thời thì bỏ đi. Thánh nhân không tây vị ai nên nói là bất nhân. Còn trời đất nguyên-tính thần nhiên lạnh lùng không vì kẻ rét mà đẹp mùa đông cũng gọi là bất nhân.

o849 – **THIÊN ĐIỀU VẠN TỪ.**

Muôn ngành ngàn mối. Nhiều ngõ ngách, khía cạnh, nhiều chi tiết phức tạp, không thể trong giây phút mà giảng hết được trọn cái ý sâu rộng toàn thể.

0850 – THIÊN HÌNH VẠN TRẠNG.

Ngàn hình muôn vẻ. Phức tạp.

0851 – THIÊN HÔN ĐỊA ÁM.

Trời tối om, đất mịt mù. Tình trạng mịt mờ tối tăm làm hỗn rối không thấy được phương hướng.

0852 – THIÊN LA ĐỊA VÔNG.

Lưới trời lưới đất. Tư bề đầy cạm bẫy bao vây.

0853 – THIÊN MÔN VẠN HỘ.

Muôn nhà nghìn cổng. Nơi trú ngụ dân cư đông đúc, cửa nhà san sát.

0254 – THIÊN PHIÊN ĐỊA PHÚC.

Trời lật đất đổ. Loạn lạc.

0855 – THIÊN PHÚ NHÂN QUYỀN.

Quyền làm con người của trời ban cho.

0856 – THIÊN PHƯƠNG BÁCH KẾ.

Ngàn phương trăm kế xoay sở đủ mọi cách.

0857 – THIÊN SƠN VẠN THỦY.

Ngàn núi muôn sông. Đường hành trình gian-trở xa xàm.

0858— THIÊN TÀI GIAI KỲ.

Ngày hẹn tốt, dịp tốt ngàn năm mới có. Dịp tốt hiếm có.

0859— THIÊN TÀI NHỨT THÌ.

Ngàn năm một thuở.

0860— THIÊN TÁC CHI HỢP.

Trời làm cho hợp lại với nhau. Nhón duyên tự trời gây nên.

0861— THIÊN TỬ VẠN CHUNG.

Ngàn tử muôn chung. Quan to giàu sang có hàng ngàn cỗ xe tứ, hàng vạn chung lương (mỗi chung có 6 hộc đấu thóc).

0862— THIÊN TRU ĐỊA DIỆT.

Trời đất giết phạt cho dứt tuyệt nòi.

0863— THIÊN VÕNG NAN ĐÀO.

Lưới trời khó trốn lọt. THIÊN VÕNG KHÔI KHÔI SƠ NHI BẤT THẤT. (Đạo đức kinh 73/12-13) Lưới trời lồng lộng thưa hở mà không lọt mất được. Đạo trời chỉ phối vạn-vật như cái lưới bao trùm, không gì thoát khỏi định luật của tạo-hóa được. Kể làm ác dù có trốn dân cũng không thoát lưới trời.

0864— THIÊN HÀNH VÔ TÍCH.

Đi khéo không thấy dấu chân. Hành động xảo không để lại dấu vết.

0865— THIÊN NỊNH CONG SÂM.

Nịnh hay, nói xấu giỏi.

0866— THIÊN SẮC TIẾP NHÂN.

Làm mặt vui vẻ để tiếp đón người.

0867— THIẾT DANH MẠI TƯỚC.

Trộm mượn danh tiếng của người xưng cho mình và lấy phẩm tước của nước mà bán cho người. Gian manh bị bợn giả quyền giả danh.

0868— THIẾT NGHIỆN MA XUYÊN.

Mài mực đến thùng cái nghiền bằng sắt. Chăm học, chăm rèn luyện.

0869— THIẾT VÔNG THỦ NGƯ.

Đặt lưới bắt cá. Lập mưu gài bẫy.

0870— THIỆT KIỂM THẦN PHONG.

Lấy lưới làm gương, lấy môi mép làm giáo. Biện bác sắc sảo. Lấy tài ăn nói mà đấu tranh.

0871— THỎ TỬ CẦU PHANH.

Thỏ chết rồi thì làm thịt chó săn. Xem chủ thích ở chữ ĐIỀU TẬN CUNG TÀNG.

0872— THỎ TRÀ ĐẠM PHẠM.

Trà xấu cơm lạt. An uống đạm-bạc sơ sài.

0873— THỎ TỬ HỒ BI.

Thỏ chết chồn buồn. Xin xem HỒ TỬ THỎ KHẤP.

0874— THỎ NGỌC PHÚN CHÂU.

Nhả ngọc phun châu. Ăn nói văn hoa lưu loát.

0875— THỎ NGƯU MỘC MÃ.

Trâu đất ngựa gỗ. Đồ vô dụng.

0876— THỎ VỤ THÔN VÂN.

Nhả sương nuốt mây. Chỉ bọn hát thuốc phiện. nghiện nha phiến.

0877— THỎN CHÍ DĨ MỘT.

Nuốt chi mà chết. Nuôi chi lớn chưa đạt được mà đã chết, ngậm nuốt lấy chi khi ấy mang xuống tuyền đài.

0878 – THỐN HỮU SỞ TRƯỜNG.

Một tắc nhiều khi cũng là dài thừa, có lúc một thước vẫn còn là ngắn hụt. THỐN HỮU SỞ TRƯỜNG, XÍCH HỮU SỞ ĐOÁN. Vậy vật lớn nhỏ gì cũng hữu dụng tùy theo nhu cầu, tùy theo trường hợp, không vì nhỏ ngắn mà khinh bỏ.

0879 – THỐN TY BẤT QUÀI.

Một tắc tơ cũng không vương mang theo. Thật trong sạch. Không mang một vật gì của người.

0880 – THỐN THẢO BẤT LƯU.

Một tất cỏ cũng không chứa dề. Giết sạch, cướp vết sạch.

0881 – THÔNG KIM BÁC CỒ.

Thông suốt được chuyện ngày nay, hiểu rộng được việc ngày xưa. Người thông-bác, thức giả.

0882 – THÔNG THIÊN ĐẠT ĐỊA.

Thông tận trời, suốt đến đất. Hiểu rõ được việc cao siêu.

0883 – THỐNG TÂM TẬT THỨ.

Lòng thì đau đớn, đầu óc thì lo khổ. Khổ hận xót xa với thời đời.

0884 — THỜI BÁT KHẢ THẤT.

Thời cơ đến không thể để lỡ, đánh mất.

0885 — THỜI BÁT TÁI LAI.

Thời cơ không đến hai lần, qua rồi không bao giờ trở lại. Đừng để lỡ, để vuột tầm tay.

0886 — THỜI MẠNG BÁT TÈ.

Thời và mạng không đi đôi với nhau.

0887 — THỌ CHI THƯỜNG ÚY.

Thọ lãnh của người thì phải sợ người. Tăng-Tử nói: DỮ Ỗ NHÂN GIẢ THƯỜNG KIÊU NHÂN, THỌ Ỗ NHƠN GIẢ THƯỜNG ÚY NHƠN, TÙNG DỮ GIẢ BẤT NGÃ, YÊN NẰNG BẤT ÚY BỈ TAI? Kẻ cho thường khinh dễ người, người nhận thường sợ người. Phỏng người cho không làm gì ta, ta há chẳng sợ bị khinh ru ?

0888 — THÔI NHƠN NHẬP TỈNH.

Xô người xuống giếng. THÔI NHƠN NHẬP TỈNH, NHI HẠ CHI THẠCH. Xô người xuống giếng rồi ném xuống theo một hòn đá. Đầy người vào chỗ chết, chỗ nguy. Âm hại người.

0889 — THU PHONG QUÁ NHĨ.

Gió thu lọt qua lỗ tai. Không quan tâm, nghe lời qua tai như tiếng gió thu thoảng vút, không màng để ý.

0890— THỤ NHƠN DĨ BÌNH.

Trao cán dao cho người. Trao cho người cái lợi thế để hại mình.

0891— THỦ BẤT THƯƠNG LIÊM.

Cứ lấy mà không làm tổn đức liêm khiết. Việc đáng lấy thì cứ lấy cho đáng lẽ công bằng, không có tội lỗi gì mà sợ.

0892— THỦ CHÂU ĐÃI THỎ.

Ôm lấy gốc cây chờ thỏ. Chỉ người ngu muội. Có người nước Tống đi cày thấy con thỏ chạy va vào gốc cây mà chết, bèn bỏ cày ngồi ôm gốc cây chờ thỏ đến. (Ngu ngôn trong sách Hàn Phi Tử).

0893— THỦ KHẦU NHƯ BÌNH.

Giữ miệng như bình. Ngậm cầm giữ mật.

0894— THUẬN PHONG TRƯƠNG PHẠM.

Thuận gió dương buồm. Thời cơ thuận tiện đến thì tiến hành.

0895— THỨC MẠCH BẤT PHÂN.

Không phân biệt được lúa mạch hay lúa thóc. Người kém tài trí.

0896— THUẾ HÌNH QUI CHÂN.

Lột bỏ cái hình hài bên ngoài, cái xác giả tạo mà trở về chân bản đạo lý của mình.

0897— THUY ĐẦU TẮNG KHÍ.

Cúi đầu chôn khí. Không thực hiện được chí khí của mình, gục đầu xuống mà chôn cái chí khí ấy đi.

0898— THÙY THỦ XUẤT THỊ.

Xuôi tay ra khỏi chợ. Đi chợ về không, không mua được món gì. Làm việc bất thành uổng công.

0899— THỦY BẢNG CHUNG CỪU.

Trước bạn sau thù. Bạn với tiểu nơn nào bền.

0900— THỦY TRÍCH THẠCH XUYỀN.

Giọt nước thủng đá. Sức nhỏ tiêu hao mà phá đồ cường lực.

0901— THUNG THẠCH VI LƯƠNG.

Lấy cối đã đá làm gạo (lương thực). Làm việc vô bổ.

0902— THƯ TRUNG HỮU NGỌC.

Trong sách có ngọc quý, lời hay lẽ đẹp, đạo vàng. Người cầu tiến chăm học thì được mở mang hiểu đạt, toại chí. THÚ THÈ MẠC HẬN VÔ LƯƠNG MÔI, THƯ TRUNG

HỮU NỮ NHAN NHƯ NGỌC (Cổ thi). Cười vợ đừng sợ không có mai-dong tốt, trong sách có người gái đẹp mặt như ngọc. Cứ chăm lo đèn sách thì ngại gì không lương-môi, thành đạt rồi thì thiếu chi người ngọc. Vợ đẹp ở ngay trong sách đó chứ không đâu cả.

0903— THỦ LÝ THỦ TÂM.

Lý ấy lòng ấy. Người cùng một lòng với nhau thì tất theo cùng một lý với nhau **NHÂN ĐỒNG THỦ TÂM, TÂM ĐỒNG THỦ LÝ**. Tâm đã đồng tất cùng nhận một lẽ phải chung.

0904— THỦ THIẾT CẦU ĐẠO.

Ăn cắp chó, ăn cắp chuột. Trộm vặt.

0905— THỪA PHONG PHÁ LÃNG.

Cỡi gió phá sóng. Tung hoành chí-lực.

0906— THỰC TÔ Y THUẾ.

Ăn tô mặc thuế. Ăn nhờ dựa tô, mặc nhờ tiền của thu thuế. Bọn cầm quyền sống nhờ sự đóng góp của dân nước.

0907— THƯỚC SÀO CƯU CHIẾM.

Chim chèo-bẻo làm tổ, con tu-hú lại chiếm lấy. Cướp hưởng công trạng kẻ khác.

0908— THƯƠNG CUNG CHI ĐIỀU.

Cou chim bị ám ảnh vì cây cung. Chim bị bắn thấy cây cung cũng sợ. Người đã thọ nguy thấy việc tư-nguy

ngán sợ, mất nghị-lực can-đảm để làm. THƯƠNG CUNG CHI ĐIỀU, KIẾN KHÚC MỘC NHI CAO PHI. Con chim lo nghĩ về cây cung, thấy cây cung là bay cao.

0909— **THƯƠNG HẢI NHỨT TÚC.**

Hạt lúa trong biển xanh nhỏ nhít không thắm thắp vào đâu. Thân phận con người đứng trước vũ-trụ, tạo-hóa nào ra gì. Thơ Tô-Đông-Pha có câu : ĐIỀU THƯƠNG HẢI CHI NHỨT TÚC.

0910— **THƯƠNG LUÂN BẠI LÝ.**

Làm thương tổn đến luân thường, vong-bại đạo-lý

0911— **THƯỜNG TÂN NHỰ KHỒ.**

Nếm cay nuốt đắng. Cam khồ.

0912— **THƯỜNG THỊ ANH HÙNG.**

Xem thường tài đức anh hùng. Ngu muội.

0913— **THƯỜNG THỦY TỪ NGUỒN.**

Nếm nước nhớ nguồn. Được phúc lợi nhớ đến kẻ gia ân. Cũng nói : «**ÂM THỦY TỪ NGUỒN**». Uống nước nhớ nguồn.

0914— **THƯỢNG GIAO BẤT SIỀM.**

Tiếp xúc giao dịch với người trên thì cung kính nhưng không siểm nịnh **QUÂN TỬ THƯỢNG GIAO BẤT**

SIỀM HẠ GIAO BẤT ĐỘC. Quân tử giao thiệp với cấp trên thì không nịnh, với cấp dưới thì không làm cho người chán ghét.

0915— THƯỢNG HÀNH HẠ HIỆU.

Trên làm dưới bắt chước.

0916— THƯỢNG HÒA HẠ MỤC.

Trên hòa thuận dưới tin yêu nhau. Đằm ấm, êm thấm

0917— THƯỜNG BẤT KHÍ THÙ.

Thường không bỏ người thù. Có công thì thưởng, dù có phải là người mình không ưa thì cũng cứ thưởng. Công bằng đại lượng, không tây-vị.

0918— TRA TRỀ TỊNH TẬN.

Cạn bã lông sạch. Trở nên tốt.

0919— TRẠCH MỘC NHI THÊ.

Chọn cây mà đậu. Chim khôn chọn cành đậu, người khôn lựa bậc xứng đáng mà phò.

0920— TRÂM THẢO TRỪ CĂN.

Phát cỏ phải triệt rễ, kéo sau này nó mọc trở lại. Trừ bỏ cái xấu thì phải trừ diệt tận gốc.

0921— TRANH TRƯỜNG CẠNH ĐOẢN.

Tranh dài dành ngắn. So đo hơn thiệt.

0922— **TRẠO TAM THỐN THIỆT.**

Ướt ba tác lưới. Dùng hết khẩu tài mà thuyết phục.

0923— **TRẮC THỦY HÀNH CHÂU.**

Lượng sức nước mà đi thuyền. Liệu việc lùỵ sức mà làm.

0924— **TRẦM NGỌC PHÀN CHÂU.**

Ngọc chìm, châu cháy. Người quân-tử, hiền nhân thọ nạn.

0925— **TRẦM NGƯ LẠC NHẠN.**

Nhạn sa cá lặn. Sánh người con gái có sắc đẹp tuyệt trần con nhạn trên trời thấy phải sa, con cá dưới nước nhìn phải lụy. Nam-Hoa-Kinh của Trang-Tử có câu : MAO TƯỜNG, LỆ CƠ NHƠN CHI SỞ MỸ Dã, NGƯ KIẾN CHI THÂM NHẬP, ĐIỀU KIẾN CHI CAO PHI, MÈ LỘC KIẾN CHI QUYẾT SẬU. (Tề-Vật-Luận). Mao-Tường, Lệ-Cơ người thấy cho là đẹp mà con cá thấy thì lặn sâu, con chim thấy thì bay cao, hươu nai thấy thì cấm đầu chạy dài. Có lẽ cường-ý trong câu này mà thành-ngữ.

0926 - **TRẦM PHỤ TÙY TỤC.**

Chìm nổi theo thời đời. Không có chủ trương, ý-chí, ai sao mình vậy, tới đâu hay đó.

0927— TRI HÀNH HỢP NHÚT.

Biết và làm phải điều-hợp nhau một trật, Học thuyết của Vương Dương Minh.

0928— TRI NAN HÀNH DỊ.

Biết khó làm dễ. Biết là khó, biết rồi thì dễ làm.

0929— TRI TÚC BẤT NHỤC.

Biết đủ không nhục. Sở-Quân thường nói TRI TÚC BẤT NHỤC, TRI CHỈ BẤT SỈ, CÔNG THÀNH DANH THỐI, THIÊN CHI ĐẠO DÃ. Biết đủ không nhục, biết dừng không hồ, công nên thì danh lui, đạo trời là vậy. Đạo đức kinh cũng có câu : TRI TÚC BẤT NHỤC, TRI CHỈ BẤT ĐÃI, KHẢ DĨ TRƯỜNG CỬU (44). Biết đủ không nhục, biết dừng không nguy, lại còn có thể lâu dài.

0930— TRI TÚC GIÀ PHÚ.

Biết đủ là giàu. Của nhiều mà lòng còn tham là còn thấy thiếu-thốn, tức là còn nghèo. Kẻ tham không đáy chẳng bao giờ nghĩ là mình giàu được. Ngược lại biết mình đủ, không mê vọng thêm, không thấy mình còn thiếu thốn tức là kẻ giàu vậy. TRI NHƠN GIẢ TRÍ, TỰ TRI GIẢ MINH, THẮNG NHƠN GIẢ HỮU LỰC, TỰ THẮNG GIẢ CƯỜNG, TRI TÚC GIẢ PHÚ. (Đạo đức kinh 33/5). Biết người là trí, biết mình là sáng suốt, thắng người là có sức, thắng mình mới mạnh, biết đủ là giàu.

0931— TRÌ NGƯ LUNG ĐIỀU.

Con cá trong hồ, con chim trong lồng. Cá chịu chim lồng. Mất tự do.

0932— TRỊCH KIỂM BẠT QUA.

Ném gươm quăng mác. Ngưng chiến làm hòa.

0933— TRIỀN HOÀI TƯƠNG QUAN.

Mở bụng cho nhau xem. Bận thân tỏ hết tâm sự cho nhau

0934— TRIỆT LOẠN KỲ MỸ.

Dấu xe ngang dọc đầy dẫy, cờ xí ngã nghiêng. Cảnh điêu tàn của cuộc chiến thảm bại, bại trận.

0935— TRIỀU BẤT MƯU TỊCH.

Buổi sáng không lo cho buổi chiều. Vô tư-lự, không biết lo phòng.

0936— TRIỀU LỆNH MỘ CÁI.

Sáng ra lệnh , chiều sửa lệnh. Người chỉ huy bất-nhứt không tự tin, người lãnh đạo càn dỡ, chưa tin ở mình được làm sao buộc người tin tuân theo.

0937— TRIỀU TAM MỘ TỬ.

Sáng ba chiều bốn. Dùng trá thuật mà trị-sự. Bầy khi xưa mỗi ngày ăn bảy quả, sáng ba chiều bốn thì giận dữ không bằng lòng, nhưng khi chủ trao lại cho ăn sáng bốn chiều ba thì lấy làm thỏa mãn.

0938— TRIỀU DÃ NHÚT TÂM.

Trong triều ngoài dân đều cùng một lòng, một dạ. Vua tôi đồng tâm nhất trí. Chỉ thời Thái-hòa thịnh trị.

0939— TRỌNG CỒ KHINH KIM.

Coi trọng, quý cái xưa mà xem nhẹ cái đời nay.

0940— TRỌNG NGHĨA KHINH THÂN.

Nặng nghĩa nhẹ mình. Coi trọng hơn ngãi, còn bỏn thân mình không sợ gì. Đó là khí-thái của bậc thánh-nhơn quân-tử.

0941— TRÙ MƯU HOẠCH KẾ.

Tính mưu vạch kế. Bày lược.

0942— TRỤC NHẬT TRUY PHONG.

Đuổi nắng rượt gió. Đi mau. Giông ruổi truy phong.

0943— TRUNG NGÔN NGHỊCH NHĩ.

Lời ngay chối tai. Lời ngay thật thì khó nghe.

0944— TRỪNG TRUNG KHÔ CỐT.

Xương khô trong mộ. Kể vô dụng, không dùng hoạt động được.

0945— TRỪNG NHÚT CẢNH BÁCH.

Trừng trị một người đề cảnh cáo một trăm người

0946— TRƯƠNG CUNG ĐÀI TIỀN.

Giương cung đợi tên. Chưa đủ tài lực khả năng mà cứ làm đại, làm liều. Chưa có cây tên nào để bắn mà cứ dương cung lên.

0947— TRƯƠNG NHA VŨ TRÀO.

Nhe nanh múa vuốt. Cử chỉ hùm hổ, phò trương nanh vuốt, thế lực tựa hồ như sắp ăn tươi nuốt sống.

0948— TRƯỜNG TỰ THIỆN VŨ.

Tay áo dài thì giỏi múa. TRƯỜNG TỰ THIỆN VŨ, ĐA TIỀN THIỆN CỔ. Tay áo dài thì giỏi múa, tiền nhiều thì giỏi buồn (Hàn phi tử). Đầy đủ phương tiện thì làm gì cũng nên hay.

0949— TRƯỞNG TRUNG KHÔI VÕ.

Múa võ trong màn. Anh hùng thất thủ mặt lộ. Hạng Võ xưa bị Lưu-Bang vây kín bên ở trong màn với nàng Ngu-Cơ uống rượu múa kiếm ca hát.



0950— UY NHI BẤT MÃNH.

Oai nghiêm mà không bạo tợn. Sách Luận-ngữ nói Đức Khổng-Tử ôn-hòa mà nghiêm nghị, oai vệ mà không dữ tợn, cần-kính mà an vui. TỬ ÔN NHI LỄ, UY NHI BẤT MÃNH, CUNG NHI AN. (Thuật-nhi 37).

0951— **UY VŨ BẤT KHUẤT.**

Dùng uy-quyền vũ-lực không làm khuất phục **ĐỒI**. Ý-chí kiên cường trung-liệt. Sách Mạnh-Tử nói : «**ĐẮC CHÍ, DŨ DẪN DO CHÍ, BẤT ĐẮC CHÍ ĐỘC HÀNH KỶ ĐẠO, PHỦ QUÝ BẤT NĂNG DÂM, BẮN TIỀN BẤT NĂNG DI, UY VŨ BẤT NĂNG KHUẤT, THỬ CHÍ VỊ ĐẠI TRƯỞNG PHU.** Lúc đắc chí thì cùng chung sức với dân mà giữ đạo, không đắc chí thì hành đạo một mình, giàu sang không mê đắm, nghèo hèn không đổi dời tiết-tháo, oai võ chẳng làm khuất-phục được chí khí. Đó mới gọi được là bậc đại trượng phu vậy. (Đặng văn công hạ).

0952— **ÚY TỬ THAM SANH.**

Sợ chết tham sống.

0953— **UẾ MÃN SƠN HÀ.**

Dơ bẩn đầy núi sông. Thời loạn cường hào ác bá, thò phi tràn đồng khắp nước.

0954— **UÔNG XÍCH TRỰC TÂM.**

Chịu cong một thước mà ngay được tám thước (một tâm). Thiệt chuyện nhỏ mà hơn được việc lớn.

U

0955— **ỨNG HUYỀN NHI ĐÀO.**

Đáp lại một phát tên là một củ quật ngã. Người thiện xạ sẵn giời buông một phát giây cung là một con vật ngã, bách phát bách trúng. Người tài cán.

0956— **ƯU TÂM NHƯ PHÂN.**

Lòng âu lo nung nấu như có lửa đốt.

0957— **ƯU THẮNG LIỆT BẠI.**

Hơn thì được, yếu thì thua.

V

0958— **VẠN CHÚNG NHỨT TÂM.**

Muôn dân một lòng. Sự đoàn kết Quốc dân.

0959— **VẠN KIM BẤT HOÁN.**

Muôn vàng không đổi. Báu vật. Điều quý.

0960— VẠN PHÁP NHỨT TÂM.

Muôn pháp đều do có mỗi cái lòng người tạo ra. Tất cả các pháp đều do nơi tâm mà sanh ra, không có tâm-thức thì vạn pháp phải diệt. Cái chủ-thuyết duy-tâm của nhà Phật.

0961— VẠN TỬ THIÊN HỒNG.

Muôn tia nghìn hồng. Cảnh sắc các loài hoa đua nở, chỗ phần hoa chen chúc người đẹp sắc thanh rực rỡ. VẠN TỬ THIÊN HỒNG TỔNG THỊ XUÂN. Muôn hồng nghìn tia thấy đều là xuân cả. (Đường thi).

0962— VẠN THỊ CHI ĐÍCH.

Làm cái đích cho muôn mũi tên chia vào. Kẻ giữ trọng trách thường bị nhiều người chỉ trích.

0963— VẠN NIÊN ĐẮC TỬ.

Đến tuổi già rồi mới có được con. Cái may bắt ng ở

0964— VẠN NHỨT TRI THẬP.

Nghe một biết mười. Thông minh.

0965— VẠN VÕ KIÊM TOÀN.

Văn võ gồm đủ. Giỏi cả văn lẫn võ. Toàn tài.

0966— VẠN BẢNG PHONG DẦN.

Gió dấy mây đưa. Do tự nhiên xui khiến.

0967— VẤN VỤ KIẾN THIÊN.

Gỡ ra mây mù mà thấy được lổm trời. Lúc nguy nan rồi mù mà thấy được tia hy-vọng, được đường giải thoát.

0968— VẤN ĐẠO U MINH.

Hỏi đường với người mù Đi học hỏi với người dốt.

0969— VẤN NGƯU TRI MÃ.

Hỏi trâu biết ngựa. Hỏi người này biết được việc người khác.

0970— VẤN CÂU THÀNH PHONG.

Xoay cái riú ra tiếng gió. Tài xảo kỹ thuật, óc khéo léo.

0971— VẬT BẤT LY THÂN.

Vật không rời thân. Người đầu của vật mang theo đó.

0972— VẬT CỤC TẤT PHẢN.

Vật đến cùng tất nhiên quật trở lại đầu. Làm điều gì chớ nên làm quá lỡ.

0973— VẬT HOÁN TINH DI.

Vật đổi sao dời.

0974— **VẬT HỦ TRÙNG SINH.**

Vật có hư thúi con sâu mới sanh ra. Tự mình có hư đến mục nát thì mới làm môi trường cho con vi trùng bệnh phát sinh. Chế độ hủ-bại thì mầm mống những-lạm bê bối, hay sự đối lập mới sanh sôi nảy nở.

0975— **VẬT KHINH TIÊU SỰ.**

Chớ coi nhẹ việc nhỏ. **VẬT KHINH TIÊU SỰ, TIÊU KHÍCH TRẦM CHÂU.** Chớ coi thường việc nhỏ, cái lỗ nhỏ làm chìm ghe.

0976— **VI NHÂN BẤT PHÚ.**

Làm điều nhân thì không giàu.

0977— **VỖ LỘNG THẦN UY.**

Oai thần múa giỡn. Chuyên quyền lộng hành.

0978— **VỖ TRƯỢNG HOANG VIÊN.**

Múa gây rừng hoang. Tung hoành nơi không có người thì thổ tài lực.

0979— **VONG DƯƠNG BỎ LAO.**

Dê chết sửa chuồng. Hành động muộn màng vô ích hỏng việc rồi mới lo, lỗi lầm thấy mà không chữa để thất bại mới lo, khác nào như để đến con dê chết rồi mới lo sửa chuồng, sửa chuồng để nuôi ai nữa ?

0980— **VỌNG MAI CHỈ KHÁT.**

Nhìn trái mơ mà hết khát. Xưa lúc đánh trận quân lính khát quá mà không có nước uống, Tào-Tháo bèn truyền cho binh-sĩ hãy ngó vào rừng mơ. Quân Tào thêm quá chảy nước vãi mà hết khát. Trong lúc bất đắc dĩ dùng trá thuật để giải quyết như họ Tào cho lính ăn bánh vẽ vậy.

0981— **VỌNG TRẦN BÁT CẬP.**

Đành ngó theo làn bụi mờ chứ không bắt theo kịp. Mất khỏi tầm tay.

0982— **VÔNG LẬU THÔN CHU.**

Nuốt thuyền mà thoát khỏi lưới. Con cá to. Kẻ đại gian, cội pháp luật không ra gì.

0983— **VÔ BỆNH THÂN NGÂM.**

Không đau mà rên. HỒ-Thích chê bọn thơ úy mị.

0984— **VÔ CHỦ NÃI LOẠN.**

Không làm chủ mình được tất sanh ra loạn. THIÊN SANH NNON ĐA DỤC, VÔ CHỦ NÃI LOẠN. Trời sanh ra người đầy ham muốn, dục vọng, nếu không kèm chế tự chủ lấy mình tất phải loạn.

0985— **VÔ ĐỘ TẮC THẤT.**

Không tiết-độ là phải sai thất. Phàm con người bình-nhân có cái thường tình là hề có dư thì xa xỉ, không

đủ thì cần kiệm, không ngăn cấm thì dâm mê, không độ lượng thì sai thất, buông thả cho mặc ý thì hư hỏng. TRUNG NHÂN CHI TÌNH HỮU DƯ TẮC XỈ, BẤT TỨC TẮC KIỆM, VÔ CẤM TẮC DÂM, VÔ ĐỘ TẮC THẤT, TÔNG DỤC TẮC BẠI (Không-Tử Tập-ngữ, Tề hầu vấn).

0986— **VÔ KẾ KHẢ THI.**

Không còn kế nào để có thể đem ra thi hành nữa. Chịu thua, không còn cách nào khác để giải quyết. VÔ PHƯƠNG KHẢ ĐẢO, VÔ KẾ KHẢ THI. Không còn phương-thuật để đánh đổ được, hết mưu-kế để thi hành.

0987— **VÔ NGHĨA VI LOẠN.**

Không có nghĩa thì gây nghịch loạn. Không-Tử nói : « Quân tử phải chuộng lấy nghĩa, người quân-tử có dũng mà không có nghĩa thì làm loạn. Kẻ tiểu nhơn có dũng mà không nghĩa thì làm kẻ trộm cướp. QUÂN TỬ NGHĨA DĨ VI THƯỢNG. QUÂN TỬ HỮU DŨNG NHI VÔ NGHĨA VI LOẠN. TIỂU NHƠN HỮU DŨNG NHI VÔ NGHĨA, VI ĐẠO. (Luận-ngữ, Dương hóa 22).

0988— **VÔ PHONG KHỞI LÃNG.**

Không gió mà nổi sóng. Vô cơ sinh sự.

0989— **VÔ SỞ BẤT VI.**

Không gì mà không dám làm. Không có liêm sỉ.

0990— VÔ SỞ VỊ NAN.

Không có việc gì bảo là khó cả. Có ý-chí nghị-lực việc nào cũng có thể làm được.

0991— VÔ TIỀN KHOÁNG HẬU.

Trước chưa từng có, mà sau cũng trống không. Độc nhứt vô nhị. Xem chủ thích ĐỘC NHỨT VÔ NHỊ.

0992— VÔ THANH VÔ KHỨU.

Không tiếng, không mùi. Huyền diệu khó ai đạt được.

0993— VÔ THỦY VÔ CHUNG.

Không khởi sự, không chấm dứt. Vô cùng tận. Không trung thành, không giữ tín nghĩa.

0994— VÔ VẬT BẤT LINH.

Không có lẽ vật là không linh nghiệm. Nhờ giúp mà không biểu xén thì khó được việc.

0995— VÔ VI NHỊ TRỊ.

Không làm mà trị. Tài giỏi chính trị, lãnh đạo hay. Thuyết pháp-trị của Hàn-Phi chủ rằng người trên chỉ cầm giữ NHỊ BÍNH tức hai cán Thương và Phạt chiếu theo pháp luật mà trị, không cần làm gì cả. VI VÔ VI TẮC VÔ BẤT TRỊ. Làm theo vô vi (không làm) ắt không có gì mà không trị.



0996— XA TÀI ĐÀU LƯƠNG.

Lấy xe mà chở, lấy đầu mà lường. Rất nhiều.

0997— XÀ CUNG THẠCH HỒ.

Thấy cây cung nghi con rắn, thấy đá rắn nghi là con cạp. Đa nghi nhứt nhát.

0998— XÀ TRÁP TỒN THÂN.

Con rắn thu mình lại để giữ lấy thân. Thất thời biết thu ẩn lấy thân để tránh hại cho mình.

0999— XẠ LẠC SONG ĐIỀU.

Bắn rơi hai con chim điều. NHẤT TIỀN LẠC SONG ĐIỀU. Một mũi tên mà bắn rớt được hai con chim điều. Chỉ người hời cười được cả hai chị em làm vợ.

1000— XẢ ĐOÀN THỦ TRƯỜNG.

Bỏ ngắn giữ dài. Bỏ xấu lấy tốt.

1001— XẢ SINH THỦ NGHĨA.

Bỏ đời sống, chết để giữ lấy nghĩa.

1002— XÃ THỦ THÀNH HỒ.

Con chuột chui ở dưới nền «Xã» là nơi tế tự quỷ thần. trời đất. Con chồn làm hang tổ ở dưới bờ thành. Không ai dám phá nền xã, đập vỡ thành trì để bắt giống chuột chồn ăn hại mà khôn ngoan đó. Ý chỉ kẻ cạy thần thể ý nơi quyền binh mà hiếp-đáp, những lạm làm điều thất nhân, thất nghĩa.

1003— XẢO ĐOẠT THIÊN CÔNG.

Làm việc gì quá khéo, khéo còn hơn sản phẩm tự-nhiên, do bàn tay tạo hóa nắn lên, đó là đoạt mất cái tài khéo giỏi của trời. Rất tài giỏi khéo léo.

1004— XẢO NGÔN LOẠN ĐỨC.

Hoa-ngôn xảo-ngữ làm xáo trộn cái đức tánh. Ăn nói lắt léo, mưu mẹo khôn khéo không thành ý thì làm loạn cái đức. Khổng Tử nói XẢO NGÔN LOẠN ĐỨC, TIỂU BẤT NHÃN TẮC LOẠN ĐẠI MƯU. Nói xảo thì loạn đức. Việc nhỏ không dẫn lòng nhin nhục ắt làm thất loạn cuộc sắp đặt lớn. (Luận-ngữ. Vệ linh công 26)

1005— XỈ VONG THIỆT TÒN.

Răng mất lưỡi còn. Cái cứng chắc như răng tuy mọc sau mà chịu đựng không nổi với luật đào thải, phải rụng mất trước. Còn cái mềm dẻo như lưỡi già tuổi, có trước răng mà bền bỉ tới chết hãy còn trơ. Ý rắn ở đời lấy nhu tính mà xử thì bền vững hơn cương cường.

1006— XÍCH THIỆT THIÊU THÀNH.

Lưỡi đỏ đốt cháy thành quách. Miệng đời lời nói ác dữ có thể làm cho thành trì tiêu sụp, đại cuộc bại vong.

1007— XU VIÊM PHỤ NHIỆT.

Chạy nà tới chỗ có lửa bốc, nương nhờ hơi nóng. Thấy đầu có hơi nóng là ghé theo hơi sưởi. Kẻ siểm nịnh hùa theo người đắc thời, quyền quý.

1008— XÚ NHỤC LAI NHĂNG.

Thịt thúi ruồi bu.

1009— XÚ VỊ TƯƠNG ĐẦU.

Mùi giống nhau thì hợp nhau. Cùng hơi hương thì hợp nhau. Bọn tiểu nhân thì chơi hợp với tiểu nhân.

1010— XUẤT ĐẦU LỘ DIỆN.

Thò đầu lộ mặt. Ra mặt với thiên hạ sau khi ẩn lánh.

1011— XUẤT KỲ BẤT Ý.

Lúc không đề ý mà xuất hiện.

1012— XÚC CƠ TỨC PHÁT.

Chạm đến là nổ liền. Bộ máy đã chuẩn bị sẵn chỉ chạm đến là phát động ngay. Việc đã sắp xếp toàn bị chỉ chờ có đến lúc là phát động.

1013— XÚC MỤC THƯƠNG TÂM.

Mắt chạm vào là lòng đau. Nhìn thấy càng đau.
Lòng càng xót xa.

1014— XÚC THỦ TỨC THÀNH.

Chỉ chạm tay vào là nên việc. Người tài ba.

1015— XUY MAO CẦU TỶ.

Thời lông tìm vết. Bươi móc việc người. Tìm cách
bắt bẻ, khe khắt với người.

1016— XỬ BIẾN TÙNG QUYỀN.

Ở vào lúc tình thế trở trăn thì phải tùy cơ ứng phó
quyền biến theo. Quyền là đạo dùng trong lúc biến khác
với đạo Thường. XỬ THƯỜNG CHẤP KINH, XỬ BIẾN,
TÙNG QUYỀN. Ở lúc bình thường thì theo kinh đạo, ở
lúc biến thì quyền biến theo tình thế.

0117— XÚNG THÈ TÀI Y

Đe theo thân mình người mà cất áo. Tùy tài trao
việc.

HẾT

MỤC LỤC

	TRANG
LỜI TỰA	7, 8
0001. Ác khẩu thọ chi	9
0002. Ái nhi bất kiến	—
0003. Ái nguy tử hiem	—
0004. Au cữu di chất	—
0005. Án binh bất động	—
0006. Âm binh thiên tướng	—
0007. Âm cực dương hồi	10
0008. Âm thủy truy nguyên	—
0009. Bạc thần khinh ngôn	—
0010. Bách bộ xuyên dương	—
0011. Bách chiết bất hồi	—
0012. Bách chiếc thiên ma	11
0013. Bách gia chi sản	—
0014. Bách niên giai lão.	—
0015. Bách vô cấm kỵ	—
0016. Bạch cầu quá khích	—
0017. Bạch nhật kiêu nhơn	—
0018. Bạch thủ thành gia	12
0019. Bán đồ nhi phế	—
0020. Bán sinh bán thực	—
0021. Bán tín bán nghi	—

0022. Bạng duật tương tri	—
0023. Bạo phát bạo tàn	13
0024. Bảo tân cứu hỏa	—
0025. Bát vạn tứ thiên	—
0026. Bạt sơn cử dảnh	—
0027. Bạt thiên phú quý	—
0028. Bắc nhạn nam hồng	14
0029. Bần phú bất quân	—
0030. Bần tiện kiêu hơn	—
0031. Bần tiện mặc vong	—
0032. Bất cộng đời thiên	—
0033. Bất di bất dịch	—
0034. Bất dục nhi phi	15
0035. Bất giáo nãi thiên	—
0036. Bất khả tắc chi	—
0037. Bất khả tư nghị	—
0038. Bất khả thắng ngôn	—
0039. Bất khả thắng sở	—
0040. Bất lao nhi hoạch	16
0041. Bất ly tri thù	—
0042. Bất mưu nhi hợp	—
0043. Bất sĩ vô nghĩa	—
0044. Bất tịnh thuyết pháp	—
0045. Bất tri sở dĩ	—
0046. Bất tường tri triệu	17
0047. Bất ước nhi đồng	—
0048. Bất xả trừ dạ	—
0049. Bể nguyệt tu hoa	—
0050. Bể quan tỏa cảng	—

TRANG

0051. Bệnh tông khẩu nhập	—
0052. Bi oa chữ nhục	18
0053. Biệt đa hội thiểu	—
0054. Bình địa phong ba	—
0055. Bình tâm nhi luận	—
0056. Bình thủy tương phùng	—
0057. Bồ thiên cứu tề	19
0058. Bộ bộ liên hoa	—
0059. Bôn tập chiến thuật	—
0060. Bồng đầu cầu diện	—
0061. Các tri nhứt thuyết	20
0062. Các tận sở năng	—
0063. Cách cổ đỉnh tân	—
0064. Cách chức hồi dân	—
0065. Cách diện tẩy tâm	—
0066. Cách ngoa tạo dưỡng	—
0067. Cách vật trí tri	21
0068. Cái quan luận định	—
0069. Cải ác vi thiện	—
0070. Cải lão hườn đồng	—
0071. Cải tà qui chánh	—
0072. Cải tử hườn sanh	—
0073. Can thành chi tướng	22
0074. Can trường tương thức	—
0075. Cao đàm khoát luận	—
0076. Cao lương mỹ vị	—
0077. Cao phi viên tầu	—
0078. Cảo mộc tử khôi.	—

0079. Cát nhưn thiên tướng	23
0080. Cẩn thâm đế cổ	—
0081. Cầm y ngọc thực	—
0082. Cầm tâm tú khâu	—
0083. Cầm thượng thiêm hoa	—
0084. Cẩn não chiến tranh	—
0085. Cẩn quắc anh thư	24
0086. Cẩn duyệt viễn lai	—
0087. Cẩn châu cấn mặc	—
0088. Cẩn tắc vô ưu	—
0089. Cẩn thâm ngạnh đoản	—
0090. Cẩn công háo ngãi	—
0091. Cẩn vĩ vi trực	—
0092. Cẩn thâm sách ần	25
0093. Cẩn thiết kiếm thần	—
0094. Cẩn văn thất nghĩa	—
0095. Cẩn công phản chuyết	—
0096. Cẩn lọc đặc lang	—
0097. Cẩn vinh phản nhục	—
0098. Cẩn mã chi trung	—
0099. Cẩn chương nan minh	26
0100. Cẩn danh diệu dự	—
0101. Cẩn hạt xuất quần	—
0102. Cẩn lậu quả văn	—
0103. Cẩn nhận thất quần	—
0104. Cẩn thử thất bỉ	—
0105. Cẩn thiết đàn thần	27
0106. Cẩn toại thân thoái	—

0107. Công thành dã viện	—
0108. Công thành lược địa	—
0109. Cốt một tùy ba	28
0110. Cốt tích thành sơn	—
0111. Cơ đậu tương tiền	—
0112. Cơ giới chi tâm	—
0113. Cù lao cù dục	—
0114. Cử tán thu ly	—
0125. Cúc cung tận tụy	29
0116. Cúc ngạo hàn sương	—
0117. Cúc hữu chuyển cơ	—
0118. Cúc ngoại bàng quang	—
0119. Cùng bất thất nghĩa	—
0120. Cùng khẩu mạc truy	—
0121. Cùng vô sở xuất	30
0122. Cuống thế vu nhơn	—
0123. Cư an tư nguy	—
0124. Cử đầu kiến nhựt	—
0105. Cử nhứt phản tam	31
0126. Cử nhứt phé bách	—
0127. Cử túc khinh trọng	—
0128. Cử vãn cửc phản	—
0129. Cước căn bất ổn	—
0130. Cương cử mục trường	32
0131. Cừu bất cộng thiên	—
0132. Cựu lạc tân sinh	—
0133. Cửu tự cù lao	—
0134. Cửu vô sở qui	—

0135. Châm chước thời nghi	—
0136. Châm phùng vô kích	—
0137. Châm trầm thủy đề	33
0138. Chấp mê bất ngộ	—
0139. Châu hườn hợp phố	—
0140. Chi lâm lan cốc	—
0141. Chí nhân vô kỷ	—
0142. Chí tái chí tam	34
0143. Chí tử bất biến	—
0144. Chí thành thông thần	—
0145. Chỉ kê mạ khuyển	—
0146. Chỉ phúc đính hôn	—
0147. Chỉ thiên hoạch địa	—
0148. Chỉ xích sơn hà	35
0149. Chỉ xích thiên nhan	—
0150. Chích thủ kinh thiên	—
0151. Chiếm công vi tư	—
0152. Chiết quảng tri y	—
0153. Chiêu hiền đãi sĩ	—
0154. Chiêu cập phúc bồn	—
0155. Chính bồn thanh ngươn	36
0156. Chính giả chính dã	—
0157. Chính kỷ chính nhơn	—
0158. Chính phản nhị diện	—
0159. Chu nhi phục thi	—
0160. Chùy xử nang trung	—
0161. Chuyển họa vi phúc	—
0162. Chung minh đính thực	37
0163. Chúng chí thành thành	—

0164. Chúng khẩu đồng tử	—
0165. Chúng ngộ nan phạm	—
0166. Chứng vãng tri lai	—
0167. Dã công tư tế	—
0168. Dã sung hối dâm	38
0160. Dã mã vô cương	—
0170. Danh cương lợi tỏa	—
0171. Danh chánh ngôn thuận	—
0172. Danh phó kỳ thực	39
0173. Dao thần cồ thiết	—
0174. Dao vĩ khất lân	—
0175. Di hoa tiếp mộc	—
0176. Di thiên đại tội	—
0177. Di xú vạn niên	—
0178. Dị khẩu đồng âm	40
0179. Dị lộ đồng qui	—
0180. Dĩ ân báo oán	—
0181. Dĩ bạo địch bạo	—
0182. Dĩ châu đạn tước	—
0183. Dĩ dật đãi lao	—
0184. Dĩ đức hành nhân	41
0185. Dĩ độc trị độc	—
0186. Dĩ huyết tẩy huyết	—
0187. Dĩ lại vi sư	—
0188. Dĩ lễ chế chi	42
0189. Dĩ mã địch ngư	—
0190. Dĩ mạo thủ nhơn	—
0191. Dĩ ngou thủ nhơn	—
0192. Dĩ mục tổng tình	—

TRANG

0193. Dĩ noãn đầu thạch	—
0194. Dĩ nhất tri vạn	43
0195. Dĩ thân tác tắc	—
0196. Diên ba thảo ngưon	—
0197. Diên tài thụ chức	—
0198. Diệp lạc tri thu	—
0199. Diệp mậu căn thâm	—
0200. Diện thị bối phi	44
0201. Do thiền nhập thâm	—
0202. Du thủ du thực	—
0203. Dục hoản cầu mưu	—
0204. Dục tốc bất đạt	—
0205. Duy mệnh thị thính	45
0206. Duyên mộc cầu ngư	—
0207. Dư sinh vô bổ	—
0208. Được khở lợi bệnh	—
0209. Dương chất hồ bì	—
0210. Dương đông kích tây	—
0211. Dương cung vi thuận	46
0212. Dưỡng hồ di hoạn	—
0213. Dưỡng tinh sức nhuệ	—
0214. Đa giáo thành oán	—
0215. Đa nam đa tru	—
0216. Đa ngôn đa quá.	—
0217. Đa phú đa oán	—
0218. Đa thọ đa nhục	47
0219. Đa văn vi phú	—
0220. Đả đả đàm đàm	—
0221. Đả thảo kinh xà	—

0222. Đặc đức lượng lực	—
0223. Đái bồn vọng thiên	48
0224. Đái tội lập công	—
0225. Đãi nguyệt đối hoa	—
0226. Đại đao khoát phủ	—
0227. Đại đồng tiền di	—
0228. Đại gian tự trung	49
0229. Đại khí văn thành	—
0230. Đàm hồ biến sắc	—
0231. Dạm nhi bất yếm	—
0232. Dạn hoàn chi địa	—
0233. Đẳng đồng công dị	50
0234. Đảo lý xuất nghinh	—
0235. Đạo bất viễn nhân	—
0236. Đạo diệc hữu đạo	—
0237. Đáp bất bối đề	—
0238. Đắc bất thường thất	—
0239. Đắc bộ tiến bộ	51
0240. Đắc ý vọng hình	—
0241. Đắc xích thủ xích	—
0242. Đẳng giao khởi phụng	—
0243. Đẳng bất khả liệt	—
0244. Đầu đao báo lý	—
0245. Đầu mẽ chiết yên	52
0246. Đầu tửu bách thiên	—
0247. Đầu thủ kỵ khí	—
0248. Đề cương khiết lãnh	—
0249. Địa linh nhưn kiệt	—
0250. Diêm kim thành thiết	—

0251. Điền thạch thành kim	—
0252. Điền phác bát phá	53
0253. Điền bát nhi phư	—
0254. Điện thiềm lời oanh	—
0255. Điều cổ hoài kim	—
0256. Điều ngũ viên đề	—
0257. Điều tạn cung tâu	—
0258. Điều hồ ly sơn	54
0259. Đinh khả trương la	—
0260. Đoàn sa thành khối	—
0261. Đoàn nê vi phạm	—
0262. Đoạn trường bồ đoàn	—
0263. Đoàn bát yểm trường	—
0264. Đồ mặt vong hồn	—
0265. Đồ hiền tạt nắng	55
0266. Đồ quốc tặc dân	—
0267. Đồ vật tư nhơn	—
0268. Độc trụ kinh thiên	—
0269. Độc nhứt vô nhị	—
0270. Đôi ba mạc vãn	—
0271. Đôi thần tộ thiết	56
0272. Đối ảnh tự tâm	—
0273. Đối chứng phát dục	—
0274. Đối ngư đàn cầm	—
0275. Đồn lũy tinh la	—
0276. Đồn sĩ như lâm	—
0277. Đông bích gia lân	—
0278. Đông lân tây thảo	57
0279. Đông phiến hạ lô	—

0280. Đông phong dữ tiện	
0281. Đông phù tây đảo	—
0282. Đông sàng thần phúc	—
0283. Đồng hệnh tương liên	58
0284. Đồng căn tịnh đế	—
0285. Đồng châu cộng tế	—
0286. Đồng phát nhi xi	—
0287. Đồng sàng dị mộng	—
0288. Đồng tịch đồng sàng	—
0289. Đồng tường thiết bích	—
0290. Đồng thất thao qua	59
0291. Đồng ưu cộng lạc	—
0292. Động triếp kinh nhân	—
0293. Động trung qui củ	—
0294. Đồng chi dụng uy	—
0295. Đới thạch bồ thiên	—
0296. Đới thiên lý địa	60
0297. Hổm đại tâm tế	—
0298. Đơn đao trực nhập	—
0299. Đơn khâm cô chằm	—
0300. Đơn ky bình man	—
0301. Dương đạo sai lang	—
0302. Dương nhân bất nhượng	61
0303. Dương quan nhi hành	—
0304. Đường tý dương xa	—
0305. Giai tiền vạn lý	—
0306. Giải y thời thực	—
0307. Giang tâm bồ lậu	62
0308. Giao long đắc thủy	—

0309. Giáo đa thành oán	—
0310. Giáo văn tước tự	—
0311. Hà binh giải tướng	—
0312. Hà thanh hải án.	—
0313. Hạc khứ lâu không	63
0314. Hạc lập kê quần	—
0315. Hải giác thiên nhai	—
0316. Hải khoát thiên không	—
0317. Hải khô thạch lạn	—
0318. Hàm huyết phún nhơn	—
0319. Hàm sa xạ ảnh	—
0320. Hàn hoa văn tiết	—
0321. Hạnh tai lạc họa	—
0322. Hào lý thiên lý	—
0323. Hắc bạch thị phi	—
0324. Hằng hà sa số	—
0325. Hậu hậu vô chung	65
0326. Hậu lai cư thượng	—
0327. Hậu sinh khả ứ	—
0328. Hồn thân dương danh	—
0329. Hiệp lộ tương phùng	66
0330. Hoa lạc nguyệt minh	—
0331. Hòa quang đồng trần	—
0332. Họa địa vi lao	—
0333. Họa hồ loại cầu	—
0334. Họa long điểm nhơn	—
0335. Họa phúc vô môn	67
0336. Họa tông khâu sanh	—
0337. Họa vô đơn chi	—

0338. Họa xà thêm túc	—
0339. Hỏa quang kiến diện	—
0340. Hoài bích kỳ tội	68
0341. Hoán cự tông lân	—
0342. Hoạn đặc hoạn thất	—
0343. Hoạt đầu chánh trị	—
0344. Hồ dã hồ uy	—
0345. Hồ ngôn loạn ngữ	69
0346. Hồ tư loạn tướng	—
0347. Hồ tử thổ khắp	—
0348. Học diện cự hình	—
0349. Hối bất đặc cập	—
0350. Hôn định thần tính	—
0351. Hồng diệp lương môi	70
0352. Hồng lâu tử các	—
0353. Hồng nhan đa truân	—
0354. Hủ mộc phần thổ	—
0355. Huệ chi bất phí	71
0356. Huy hãn thành vũ	—
0357. Huyền nhai lạc mã	—
0358. Huyền ngọc mai thạch	—
0359. Hưng trung giáp binh	—
0360. Hùng tài đại lược	—
0361. Hư trương thanh thế	—
0362. Hư thích tương quan	72
0363. Hữu chí cánh thành	—
0364. Hữu đồng vô mưu	—
0365. Hữu giáo vô loại	—
0366. Hữu ngã chi cảnh	—

0367. Hữu nhỡn vô mầu	
0368. Hữu sắc vô hương	73
0369. Hữu tài vô mệnh	—
0370. Y cầm dạ hành	—
0371. Y giá phạn nang	—
0372. Ý tại ngôn ngoai	—
0373. Ý lư nhi vọng	74
0374. Ý môn mại tiến	—
0375. Ý thế hiệp cô	—
0376. Yếm cự hỷ tân	—
0377. Yếm kỳ tức cổ	—
0378. Yếm mục bồ tước	—
0379. Yếm nháo nhĩ mục	—
0380. Yên như thạch bàn	75
0381. Yến hàm hồ đầu.	—
0382. Yến tước xử đường	—
0383. Yêu công đồ thưởng	—
0384. Yêu diệu thực nữ	—
0385. Kê bì hạc phát	76
0386. Kê khâu ngưư hậu	—
0387. Kê minh khuyển phệ	—
0388. Kê minh vi thiện	—
0389. Kế vãng khai lai	—
0390. Kết thái trương đấng	77
0391. Kết thảo hàm hoàn	—
0392. Kỳ ngộ nan cầu	—
0393. Kích trọc dương thanh	—
0394. Kiến cơ nhi tác	
0395. Kiến lợi tư ngãi	78

0396. Kiếp hỏa chi khôi	—
0397. Kiêu giả dị ô	79
0398. Kiêu uổng quá chính	—
0399. Kim thị tạc phi	—
0400. Kinh hồn lạc phách	—
0401. Kinh thiên động địa	—
0402. Kinh thiên vĩ diệu	—
0403. Kính hoa thủy nguyệt	—
0404. Kính nhi viễn chi	80
0405. Khai môn kiến sơn	—
0406. Khai thiên tịch địa	—
0407. Khai vân kiến nhật	—
0408. Khát dị vi ẩm	—
0409. Khắc châu cầu kiếm	—
0410. Khắc kỷ phục lễ	81
0411. Khẩu mật phúc kiếm	—
0412. Khẩu tâm như như	—
0413. Khẩu Phật tâm xà	—
0414. Khẩu thuyết vô bằng	—
0415. Khí tà qui chánh	—
0416. Khiên kỳ trăm tướng	—
0417. Khinh cử vông động.	82
0418. Khinh tài hiếu nghĩa	—
0419. Khinh ư hồng mao	—
0420. Khoa đầu tiên túc	—
0421. Khóa thân thoát hiểm	—
0422. Khoái mã truy phong	—
0423. Khồ tận cam lai	83
0424. Không cốc túc ẩm	—

0425. Không tiền tuyết hậu	—
0426. Khúc cao họa quả	—
0427. Khúc chung tấu nhã	—
0428. Khuynh gia đẳng sản	—
0429. Khuru mộ sinh ai	—
0430. Lạc dĩ vong ưu	84
0431. Lạc hoa lưu thủy	—
0432. Lạc thiên trị mệnh	—
0433. Lạm bồ phù thu	—
0434. Lan tư huệ chất	—
0435. Lang bạt kỳ hồ	—
0436. Lão bá lang sương	—
0437. Lão bạng sanh châu	—
0438. Lão gian cự hoạt	—
0439. Lão thảo tắc trách	86
0440. Lâm khát quật tỉnh	—
0441. Lâm tuyền khoáng dã	—
0442. Lâm thâm lý bạc	—
0443. Lậu băng vi giám	—
0444. Liệt hỏa thí kim	—
0445. Ly gia cát ái	—
0446. Ly kinh phản đạo	—
0447. Lý tại tuyết ngồn	—
0448. Lý vô nhị thị	—
0449. Lộ đồ dao viễn	—
0450. Lộ kiến bất bình	—
0451. Lộng giả thành chân	88
0452. Lộng xảo thành chuyết	—
0453. Loạn phụng hòa minh	—

0454. Loạn hàng thất thứ	—
0455. Loạn thần tặc tử	—
0456. Loát miêu trợ trưởng	—
0457. Lợi dục huân tâm	89
0458. Lợi linh trí hôn	—
0459. Lũy noãn chi nguy	—
0460. Lương dược khồ khâu	—
0461. Lưỡng đầu thọ địch	—
0462. Lưu phương bách thế	—
0463. Ma chủ thành châm	90
0464. Mã cách lỏa chi	—
0465. Mã tích xa trần	—
0466. Mai danh ần tích	—
0467. Mang thích tại bối	—
0468. Mao cử tế cổ	—
0469. Mao thất bì đơn	91
0470. Mạo hợp tâm ly	—
0471. Mạo vi cung kính	—
0472. Mạt học phu thụ	—
0473. Mê ngộ bất nhị	—
0474. Mi thanh mục tú	—
0475. Minh châu ám đầu	92
0476. Minh tâm khắt cốt	—
0477. Minh tranh ám đầu	—
0478. Minh thương ám kiếm	—
0479. Mỹ ngọc đãi giá	—
0480. Mộ cổ thần chung	—
0481. Mộc vũ trất phong	93
0482. Mòn đình nhược nhi	—

0483. Môn khả la tước	—
0484. Mục hạ vô nhân	—
0485. Mục tổng thủ huy	—
0486. Nam đồ bắc triệt	—
0487. Nam quý nữ tiện	—
0488. Nan trung chi nan	94
0489. Náo trung thủ tĩnh	—
0490. Nạp bất phu xuất	—
0491. Nê trung bửu kiếm	—
0492. Niên quang tự tiển	—
0493. Ninh kiếm vật xa	—
0494. Ninh minh nhi tử	—
0495. Nộ đảo giang hà	95
0496. Nộ giả thường tình	—
0497. Nộ phát xung quan	—
0498. Nộ vi lời đình	—
0499. Nỗ trương kiếm bặt	—
0500. Nội ngôn bất xuất	—
0501. Nội phục ngoại đồ	96
0502. Nội ứng ngoại hiệp	—
0503. Nuy nhân khán trường	—
0504. Nùng vi hủ trường	—
0505. Nga sào sinh phụng	—
0506. Ngẫu đoạn ty liên	—
0507. Nghị nhi bất luận	97
0508. Nghi nhi hậu hành	—
0509. Nghịch phong sử phạm	—
0510. Nghịch thủy hành châu	—
0511. Nghiên thạch thành sa	—
0512. Nghiệp tinh ư căn	—

0513. Ngọa bất thành mộng	—
0514. Ngọa tân thường đởm	—
0515. Ngõa giải thổ băng	98
0516. Ngoan thạch điểm đầu	—
0517. Ngoạn vật táng khí	—
0518. Ngọc diệp kim chi	—
0519. Ngọc uẩn thạch trung	—
0520. Ngồn giả bất tri	—
0521. Ngồn vi thanh tâm	99
0523. Nguy bang bất nhập	—
0524. Nguy bức mi tiếp	—
0525. Ngư mục hỗn châu	—
0526. Ngư thủy tương phùng	—
0527. Nguru đầu mã diện	—
0528. Nguru đỉnh phanh kê	—
0529. Nhai tắc tuyết tục	—
0530. Nhân cùng trí đoản	—
0531. Nhân dục vô nhai	—
0532. Nhân đa khẩu tạp	—
0533. Nhân hải chiến thuật	101
0534. Nhân yết phế thực	—
0535. Nhân mệnh đệ nhất	—
0536. Nhân nguyện thiên tày	—
0537. Nhân nhân thành sự	—
0538. Nhân phù ư sự	—
0539. Nhân sinh nhi tinh	—
0540. Nhân sinh triều lộ	102
0541. Nhân tử sự thân	—
0542. Nhân thọ tác quả	—

0543. Nhân vãng phong vi	—
0544. Nhân vi ngôn khinh	—
0545. Nhân vong chính tức	103
0546. Nhấn khí thôn thanh	—
0547. Nhấn nhục phụ trọng	—
0548. Nhập giang tùy khúc	—
0549. Nhập nhĩ trước tâm	—
0550. Nhất cử lưỡng tiện	—
0551. Nhất điểm lưỡng diện	—
0552. Nhất hô bá ứng	104
0553. Nhất kiến vị kiến	—
0554. Nhất lao vĩnh dật	—
0555. Nhất môn phổ môn	—
0556. Nhất nhật tại tù	—
0557. Nhất nhật tam thu	—
0558. Nhất phiến thành tâm	105
0559. Nhất tiểu thiên kim	—
0560. Nhất thiết giai thành	—
0561. Nhất trần bất nhiễm	—
0562. Nhất triệu nhất tịch	—
0563. Nhất võng dã tận	106
0564. Nhật mộ đồ viễn	—
0565. Nhật nguyệt thời nhơn	—
0566. Nhật xuất nhi tác	—
0567. Nhiệm hiền vật nhị	107
0568. Nhiệm trọng tri viễn	—
0569. Nhục nhơn nan tri	—
0570. Nhục vũ huyết phi	—
0571. Như đao phá thạch	—

0572. Oa ngưi tiều lợi	—
0573. Oải nhâu khản trường	108
0574. Oan oan tương báo	—
0575. Oán thiên vuơu nhơn	—
0576. Ôn cổ tri tân	—
0677. Phá kính trùng viên	—
0578. Phà phầu trầm châu	109
0579. Phác ngọc hồn kim	—
0580. Phan long phụ phượng	—
0581. Phan viên ngọa triệt	—
0582. Phan lải khai khẩu	—
0583. Phao qua khí giáp	110
0584. Phát gian trích phục	—
0585. Phạt tính chi phủ	—
0586. Phán cam cộng khồ	—
0587. Phán cương hoạch giới	—
0588. Phần thư khanh nhơ	—
0589. Phần thế tậi tục	111
0590. Phệ hình phệ thanh	—
0591. Phệ tê hà cập	—
0592. Phi điều thất quần	—
0593. Phi mới bắt đắc	112
0594. Phi ngô bắt thê	—
0595. Phi sa tàu thạch	—
0596. Phi tiền bắt hành	—
0596 a. Phi thương bắt phủ	—
0597. Phi văn khóa lãg	113
0598. Phó thang đạo hỏa	—
0599. Phong bình lãg tịnh	—

0600. Phong hành thảo yền	—
0601. Phong y tức thực	—
0602. Phong môi điệp sử	—
0603. Phong xan lộ tức	—
0604. Phu qui phụ vinh	—
0605. Phu thành phụ khuynh	—
0606. Phu xương phụ tùy	—
0607. Phú dữ thiên chân	—
0608. Phú quý phù vân	—
0609. Phũ thủ thiếp nhĩ	—
0610. Phúc đức tư lương	115
0611. Phúc thủy nan thu	—
0612. Phúc tự kỷ cầu	—
0613. Phụng minh triều dương	—
0614. Qua điền lý hạ	—
0615. Qua phân đậu giải	116
0616. Quá bất yếm công	—
0617. Quá kiều chiết kiều	—
0618. Quá môn bất nhập	—
0619. Quá mục bất vong	—
0620. Quan pháp như lời	117
0621. Quan pháp vô thân	—
0622. Quân tử cố cùng	—
0623. Quân thần thủ túc	—
0624. Quế tử lan tôn	—
0625. Quyền bất thất kinh	118
0626. Quyền nang nhi khứ	—
0627. Quốc sắc thiên hương	—
0628. Sa đề hoàng kim	—

0629. Sàng đầu kim tạn	—
0630. Sảng nhược nhật tinh	—
0631. Sanh cư tử táng	119
0632. Sanh ký tử quy	—
0633. Sanh thuận tử an	—
0634. Sát ngôn quan sắc	—
0635. Sát nhọn vô kiếm	—
0636. Sát nhân thành nhân	—
0637. Sắc đảm thao thiên	120
0638. Sáu ngã phi nhân	—
0639. Sậu tiểu sậu thoát	—
0640. Si nhân thuyết mộng	—
0641. Sĩ phi vị bần	—
0642. Siêu phạm nhập thánh	—
0643. Siêu quần bạt tụy	—
0644. Siên quần xuất chúng	121
0645. Song tiền tề xuyên	—
0646. Sở kiến bất tiền	—
0647. Sơ bất gián thân	—
0648. Sơn cao thủy trường	—
0649. Sơn cùng thủy tận	—
0650. Sơn lệ hà đài	—
0651. Sơn minh hải thệ	122
0652. Suất nhĩ nhi đối	—
0653. Súc chủng đãi thì	—
0654. Súc y tiết thực	—
0655. Súc lự tiềm mưu	—
0656. Súc miêu phòng thử	—
0657. Suy tiền tri đại	—

0658. Sủng nhục bất kinh	123
0659. Sử mần phụ sơn	—
0660. Ta bà thế giới	—
0661. Ta ngã ái tha	—
0662. Tả tư hữu tướng	—
0663. Tả xống hữu đột	124
0664. Tác kiền tự phước	—
0665. Tác oai tác phúc	—
0666. Tai do nhơn tạo	—
0667. Tai tường điệp kiến	—
0668. Tài bất khả ý	—
0669. Tài dữ mệnh tranh	—
0670. Tài giả tai dã	—
0671. Tài mệnh tương phương	—
0672. Tái ông thất mã	—
0673. Tại triều ngôn triều	—
0674. Tam bành lục tặc	—
0675. Tam dân chủ nghĩa	—
0676. Tam đồng qui tắc	—
0677. Tam hóa sinh hoạt	—
0678. Tam mãnh chiến thuật	—
0679. Tam mộc thành sâm	—
0680. Tam nhơn thành chúng	127
0681. Tam sao thất bản	—
0682. Tam sắc văn nghệ	—
0683. Tam thập lục vật	—
0684. Tam thốn chi thiệt	—
0685. Tàn canh lãnh phạm	—
0686. Tàn căn mặt kiếp	128

0687. Tán gia bại sản	—
0688. Tán tự vô thường	—
0689. Tang bằng hồ thi	—
0690. Tàng khí đãi thời	—
0691. Tao nhơn mặc khách	129
0692. Tảo khai tảo lạc	—
0693. Tăng hiềm hội khổ	—
0694. Tăng thổ thành sơn	—
0695. Tăng xuất bất cùng	—
0696. Tầy nhĩ cung thỉnh	—
0697. Tâm mãn ý túc	130
0698. Tâm phiền ý loạn	—
0699. Tâm quảng thể bàn	—
0700. Tầm căn vấn đế	—
0701. Tầm thực bất vong	—
0702. Tân bất áp chủ	—
0703. Tân chí phư qui	—
0704. Tân quế mẽ châu	131
0705. Tâu trần đại tạ	—
0706. Tận địch nhi hoàn	—
0707. Tận thất nhi hành	—
0708. Tận vị lai tế	—
0709. Tất dưỡng tao bối	—
0710. Tất lộ lam lũ	132
0711. Tật phong kinh thảo	—
0712. Tàu biến thiên nhai	—
0713. Tàu mã khán hoa	—
0714. Tệ cái khí nguy	—
0715. Tệ y tàn lập	—

0716. Tệ trửu thiên kim	—
0717. Tích cốc phòng cơ	133
0718. Tích lưu thành hải	—
0719. Tích mặc như kim	—
0720. Tích thảo đồn lương	—
0721. Tích tiêu thành đá	—
0722. Tích bất hạ noãn	—
0723. Tích phong lý hậu	—
0724. Tiệm nhập giai cảnh	134
0725. Tiên hung hậu hỷ	—
0726. Tiên lễ hậu binh	—
0727. Tiên lời hậu vũ	—
0728. Tiên nhập vi chủ	—
0729. Tiên phát chế nhân	—
0730. Tiền hậu bất nhất	135
0731. Tiền hiền hậu thánh	—
0732. Tiền bỏ hậu ứng	—
0733. Tiền pháo hậu xung	—
0734. Tiền trăm hậu tấu	—
0735. Tiền trình vạn lý	—
0736. Tiền vô cổ nhơn	136
0737. Tiến thân cầu sủng	—
0738. Tiến thoái duy cốc	—
0739. Tiến thoái lưỡng nan	—
0740. Tiến thốn thoái xích	—
0741. Tiệp bộ tranh tiên	—
0742. Tiệp túc tiên đắc	—
0743. Tiệt thiết trăm đình	—
0744. Tiêu đầu lạn ngọc	137

0745. Tiêu hao chiến tranh	—
0746. Tiêu kim thước thạch	—
0747. Tiêu thổ kháng chiến	—
0748. Tiêu đề đại tố	—
0749. Tiêu huyết phá đề	—
0750. Tín ngoại khinh mao	138
0751. Tín thọ phụng hành	—
0752. Tình trường chỉ đoán	—
0753. Tịnh cực phục động	—
0754. Tịnh dĩ chế động	—
0755. Ty chuẩn triều thiên	—
0756. Ty không bất không	139
0757. Ty nghĩa nhược nhiệt	—
0758. Tỷ dục liên lý	—
0759. Tọa dĩ đãi dân	—
0760. Tọa dĩ đãi tề	—
0761. Tọa tỉnh quan thiên	—
0762. Tọa thực sơn băng	140
0763. Toái thân phần cốt	—
0764. Toại sự bất gián	—
0765. Toàn thạch thủ hỏa	—
0766. Tông nhất bất canh	—
0767. Tông nhất nhi chung	—
0768. Tông tỉnh cứu nhơn	—
0769. Tông thiện như đăng	141
0770. Tồn đạo hảo đức	—
0771. Tống cựu nghinh tân	—
0772. Tu kỹ dĩ kính	—
0773. Tù thủ tang diệu	—

0774. Tú mặc khiên ty	—
0775. Tú nhi bất thiết	142
0776. Tú thủ bàng quan	—
0777. Túc trái lương duyên	—
0778. Túc trí đa mưu	—
0779. Tục đoản đoan trường	—
0780. Tuế nguyệt như thoa	—
0781. Tùy cơ ứng biến	143
0782. Tùy ngộ nhi an	—
0783. Tùy phong chuyển phạm	—
0784. Tuyền kiệt tinh khô	—
0785. Tuyền hiền dữ năng	—
0786. Từ thạch dẫn châm	—
0787. Từ bất cập thiết	144
0788. Từ cố vô thân	—
0789. Từ hải huỳnh đệ	—
0790. Từ hải vi gia	—
0791. Từ khoái nhứt mạn	—
0792. Tự đầu la vổng	145
0793. Tự lợi lợi tha	—
0794. Tự lực cánh sinh	—
0795. Tự nhiên nhi nhiên	—
0796. Tự tác tự thụ	—
0797. Tự thắng giả cường	146
0798. Tử giả biệt luận	—
0799. Tử khôi phục nhiên	—
0800. Tử sanh hữu định	—
0801. Tử trung cần sinh	—
0802. Tử viết thi văn	—

TRANG

0803. Tức mã hận đạo	147
0804. Tức sự ninh nhân	—
0805. Tương giang đầu vĩ	—
0806. Tương kế tự kế	—
0807. Tương thị nhi tiểu	—
0808. Tường nhi hậu tập	148
0809. Tự nhơn luận nhơn	—
0810. Tửu nhập ngôn xuất	—
0811. Tha phương cầu thực	—
0812. Thái nhi bất kiêu	—
0813. Thái sơn áp noãn	—
0814. Tham phu tuần tài	—
0815. Tham tiêu thất đại	149
0816. Thâm nang thủ vật	—
0817. Thanh đàm giản phác	—
0818. Thanh thiên bạch nhựt	—
0819. Thảo mãng anh hùng	—
0820. Thanh ứng khi cầu	—
0821. Thâm câu cao lũy	150
0822. Thâm mưu viễn lự	—
0823. Thâm sơn cùng cốc	—
0824. Thâm tàng nhược hư	—
0825. Thân sinh ư khuất	—
0826. Thần giao cách cảm	—
0827. Thần thông biến hóa	151
0828. Thần vong xỉ hàn	—
0829. Thập di bồ khuyết	—
0830. Thập mục sở thị	—
0831. Thất diện bát đảo	—

0832. Thất thổ ly hương	—
0833. Thất thủ hạ bi	152
0834. Thê sơn hàng hải	—
0835. Thê phong khổ vũ	—
0836. Thê tróc tử phọc	—
8837. Thế như phá trúc	—
0838. Thế sự như kỳ	—
0839. Thế thái viêm lương	—
0840. Thế thế sanh sanh	153
0841. Thế thượng phong ba	—
0842. Thị chi bất kiến	—
0843. Thị trung hữu họa	—
0844. Thị tử như qui	—
0845. Thiên biến vạn hóa	—
0846. Thiên binh vạn mã	154
0847. Thiên cao địa hậu	—
0848. Thiên địa bất nhân	—
0849. Thiên điều vạn tư	—
0850. Thiên hình vạn trạng	155
0851. Thiên hôn địa ám	—
0852. Thiên la địa võng	—
0853. Thiên môn vạn hộ	—
0854. Thiên phiên địa phúc	—
0855. Thiên phú nhân quyền	—
0856. Thiên phương bác kế	—
0857. Thiên sơn vạn thủy	—
0858. Thiên tải giai kỳ	156
0859. Thiên tải nhứt thi	—
0860. Thiên tác chi hợp	—

0861. Thiên từ vạn chung	—
0862. Thiên tru địa diệt	—
0863. Thiên võng nan đào	—
0864. Thiện hành vô tích	157
0865. Thiện nịnh công sâm	—
0866. Thiện sắc tiếp nhân.	—
0867. Thiết danh mại tước	—
0868. Thiết nghiễn ma xuyên	—
0869. Thiết võng thủ ngư	—
0870. Thiệt kiếm thần phong	—
0871. Thỏ tử cầu phanh	158
0972. Thô trà đạm phạm	—
0873. Thố tử hồ bi	—
0874. Thồ ngọc phún châu	—
0875. Thồ ngư mịch mã	—
0876. Thồ vụ thôn vân	—
0877. Thôn chí dĩ một	—
0878. Thốn hữu sở trường	159
0879. Thốn ly bất quái	—
0880. Thốn thảo bất lưu	—
0881. Thông kim bác cồ	—
0882. Thông thiên đạt địa	—
0883. Thống tâm tặc thủ	—
0884. Thời bất khả thất	160
0885. Thời bất tái lai	—
0886. Thời mạng bất tề	—
0887. Thọ chi thương úy	—
0888. Thôi nhơn nhập tỉnh	—
0889. Thu phong quá nhĩ	—

0890. Thụ nhân dĩ bình	161
0891. Thủ bất thương liêm	—
0892. Thủ châu đãi thổ	—
0893. Thủ khẩu như bình	—
0894. Thuận phong trương phàm	—
0895. Thúc mạch bất phân	—
0896. Thuế hình qui chân	162
0897. Thùy đầu táng khí	—
0898. Thùy thủ xuất thị	—
0899. Thủy bằng chung cừu	—
0900. Thủy trích thạch xuyên	—
0901. Thung thạch vi lương	—
0902. Thư trung hữu ngọc	—
0903. Thử lý thử tâm	163
0904. Thử thiết cầu đạo	—
0905. Thừa phong phá lãng	—
0906. Thực tó y thuế	—
0907. Thước sào cừu chiếm	—
0908. Thương cung chi điều	—
0909. Thương hải nhứt túc	164
0910. Thương luân bại lý	—
0911. Thường tân nhự khổ	—
0912. Thường thị anh hùng	—
0913. Thường thủy tư ngưon	—
0914. Thượng giao bất siểm	—
0915. Thượng hành hạ hiện	165
0916. Thượng hòa hạ mục	—
0917. Thượng bất khí thù	—
0918. Tra trẻ tịnh tạn	—

0919. Trách mọc nhi thê	—
0920. Trâm thảo trừ căn	—
0921. Tranh trường cạnh đoán	—
0922. Trạo tam thốn thiệt	166
0923. Trắc thủy hành châu	—
0924. Trầm ngọc phần châu	—
0925. Trầm ngư lạc nhạn	—
0926. Trầm phù tùy tục	—
0927. Tri hành hợp nhứt	167
0928. Tri nan hành dị	—
0929. Tri túc bất nhục	—
0930. Tri túc giả phú	—
0931. Tri ngư lung điền	—
0932. Trịch kiếm bạt qua	168
0933. Triền hoài tương quan	—
0934. Triệt loạn kỳ mị	—
0935. Triều bất mưu tịch	—
0936. Triều lệnh mộ cải	—
0937. Triều tam mộ tứ	—
0938. Triều dã nhứt tâm	169
0939. Trọng cổ khinh kim	—
0940. Trọng nghĩa khinh thân	—
0941. Trù mưu hoạch kế	—
0942. Trục nhật truy phong	—
0943. Trung ngôn nghịch nhĩ	—
0944. Trùng trung khó cốt	—
0945. Trùng nhứt cảnh bách	—
0946. Trương cung đãi tiên	170
0947. Trương nha vĩ trảo	—

0948. Trường tu thiện vũ	—
0949. Trường trung khởi võ	—
0950. Uy nhi bất mẫn	—
0951. Uy vũ bất khuất	171
0952. Ủy tử tham sanh	—
0953. Uế mẫn sơn hà	—
0954. Uồng xích trọc tâm	—
0955. Ứng huyền nhi đảo	172
0956. Ưu tâm như phần	—
0957. Ưu thắng liệt bại	—
0958. Vạn chúng nhưt tâm	—
0959. Vạn kim bất hoàn	—
0960. Vạn pháp nhưt tâm	173
0961. Vạn tử thiên hồng	—
0962. Vạn thi chi đích	—
0963. Văn niên đắc tử	—
0964. Văn nhưt tri thập	—
0965. Văn võ kiêm toàn	—
0966. Văn bằng phong dẫn	—
0967. Văn vụ kiến thiên	174
0968. Văn đạo ư mạnh	—
0969. Văn ngư tri mã	—
0970. Văn câu thành phong	—
0971. Vật bất ly thân	—
0972. Vật cực tất phản	—
0973. Vật hoán tinh di	—
0974. Vật hủ trùng sinh	—
0975. Vật khinh tiểu sự	175
0976. Vi nhân bất phú	—

0977. Võ lộng thần uy	—
0978. Võ trượng hoang viên	—
0979. Vong dương bồ lao	—
0980. Vọng mai chỉ khát	176
0981. Vọng trần bất cập	—
0982. Vong lậu thôn chu	—
0983. Vô bệnh thân ngấm	—
0984. Vô chủ nãi loạn	—
0985. Vô độ tắc thất	—
0986. Vô kế khả thi	177
0987. Vô nghĩa vi loạn	—
0988. Vô phong khởi lãng	—
0989. Vô sở bất vi	—
0990. Vô sở vị nan	178
0991. Vô tiền khoáng hậu	—
0992. Vô thanh vô khứu	—
0993. Vô thủy vô chung	—
0994. Vô vật bất linh	—
0995. Vô vi nhi trị	—
0996. Xa tải đầu lượng	179
0997. Xà cung thạch hồ	—
0998. Xà trấp tồn thân	—
0999. Xạ lạc song điều	—
1000. Xả đoãn thủ trường	—
1001. Xả sinh thủ nghĩa	—
1002. Xả thử thành hồ	180
1003. Xảo đoạt thiên công	—
1004. Xảo ngôn loạn đức	—
1005. Xỉ vong thiệt tồn	—

1006. Xích thiết thiêu thành	181
1007. Xu viêm phụ nhiệt	—
1008. Xú nhục lai nhăng	—
1009. Xú vị tương đầu	—
1010. Xuất đầu lộ diện	—
1011. Xuất kỳ bất ý	—
1012. Xúc cơ tức phát	—
1013. Xúc mục thương tâm	182
1014. Xúc thủ tức thành	—
1015. Xuy mao cầu tỷ	—
1016. Xử biến từng quyền	—
1017. Xưng thể tài y	—

Sửa Sai :

Trang	Giống	In là	Xin sửa lại là
9	12	AI NGUY TƯ HIỀM	AI NGUY TỬ HIỀM
10	18	gầy đồ	gầy đồ
12	23	BẠCH DUẬT	BẠNG DUẬT
18	4	thịt	thịt
19	15	đối phương	đối phương
19	cuối (24)	đầu bù tóc rối	đầu bù tóc rối
20	1	CÁC TRI NHỨT THUYẾT	CÁC TRI NHỨT THUYẾT
20	2	mọi người	Mọi người
25	3	CÂU THÂM SẮC AN	CÂU THÂM SÁCH AN
30	1	CUNG VÔ SỞ XUẤT	CÙNG VÔ SỞ XUẤT
30	21	BAT KIẾN	BẤT KIẾN
31	1	CƯ NHỨT	CỬ NHỨT
33	8	0129	0139
35	1	CHỈ XICH	CHỈ XÍCH
38	11	DÀ MÃ	DÃ MÃ
39	3	BÁT THÀNH	BẤT THANH
39	17	thường	thường
42	13	DĨ NGÔN THU NHƠN	DĨ NGÔN THỪ NHƠN
42	18	1093	0193
43	1	1094	0194
45	11	thuốc đắng có ch cho	thuốc đắng có ích cho
45	13	2209	0209
46	7	sức trừ nhược-khi	sức-trừ nhược-khi
46	8	việc mai sau	việc mai sau

51	cuối (24)	Trà nghĩa	Trà nghĩa
52	3	ưng phải cuối lớn	lưng phải cuối lớn
54	13	ĐOÀN MÊ VI PHẠM	ĐOÀN NÊ VI PHẠM
54	22	ĐỒ MẠT VONG BỒN	ĐỒ MẠT VONG BỒN
56	4	ĐỐI ANH TỰ TÂM	ĐỐI ẢNH TỰ TÂM
57	cuối (23)	mắm ưỡn bụng	nằm ưỡn bụng
58	10	chung cu giúp	chung cứu giúp
61	1	ĐƯƠNG NHAN BẮT NHHỢNG	ĐƯƠNG NHAN BẮT NHỰỢNG
61	6	ĐƯỜNG TÝ ĐƯỜNG XA.	ĐƯỜNG TÝ ĐƯỜNG XA.
63	6	0314-HẠC LẬP KÊ QUAN.	0313-HẠC LẬP KÊ QUẢN.
64	18	HÀNG HÀ SA SỐ.	HÀNC HÀ SA SỐ.
69	10	HỒ BI Thỏ chết	HỒ BI. Thỏ chết
69	18	kip được Hối tiếc	kip được. Hối tiếc
70	26	HU MỘC PHẤN THỒ	HỦ MỘC PHẤN THỒ
71	1	HUỆ CHI BẮT PHI	HUỊ; CHI BẮT PHỈ
71	8	muốn mà không tham.	muốn mà không tham,
		oai phong mà không	lớn mà không kiêu, oai
		ác dữ	phong mà không ác dữ
71	24	Không cứ thực	Không có thực
72	1	HỮU THÍCH TƯƠNG	HỮU THÍCH
		QUAN	TƯƠNG QUAN
74	20	(pouvoir d'achat) tiền	(pouvoir d'achat), tiền
74	6	bán cười Mại	bán cười. Mại
76	3	KÊ BÍ HẠT PHÁT	KÊ BÌ HẠT PHÁT
76	6	Do ,câu	Do câu
78	4	TƯ NGÀI	TƯ NGÃI

<i>Trang</i>	<i>Giòng</i>	<i>In sai</i>	<i>Xin sửa lại là</i>
79	12	KHINH HỒN LẠC PHÁCH	KINH HỒN LẠC PHÁCH
80	4	KHẢ VỊ TRÍ HỖ	KHẢ VỊ TRÍ HỖ
82	24	0421	0422
83	11	có Bạc tài	có. Bạc tài
84	20	không trời, vui theo	không trời, không bị lỗi cuốn, vui theo
85	1	LẠM BỐ PHỦ THU	LẠM BỒ PHỦ THU
87	1	của thế gian dục giới	của cái thế gian, dục giới
89	6	LỢI LINH TRÍ HỒN	LỢI LINH TRÍ HỒN
90	15	MAO CƯ TẾ CỐ	MAO CỬ TẾ CỐ
91	3	đối phó với	đối phó với
91	11	0482	0472
91	20	MI THANH MỤC TU	MI THANH MỤC TỬ
92	17	ngọc quý	ngọc quý
93	3	MÔN ĐÌNH NHƯỢC NHỊ	MÔN ĐÌNH NHƯỢC THỊ
95	16	cuộc tranh đấu	cuộc tranh đấu
97	4	0608	0508
98	cuối (21)	sơ xuất	sơ suất
99	4	Ư NGOẠI Lời nói	Ư NGOẠI. Lời nói
99	12	si-nhục NGUY BANG	si-nhục, nước vô đạo mà giàu cũng là si- nhục. NGUY BANG
99	13	BẮT NHẬP LOẠN BANG	BẮT NHẬP. LOẠN BANG
100	4	NGƯU ĐẦU MÃ VIỆN	NGƯU ĐẦU MÃ D.ỆN.
101	5	vũ khí	vũ khí
102	5	Lê Ký)-	Lê Ký).

Trang *Giờ*

là

Xin sửa lại là

102	13	là do cái Nhân	là do cái Nhân
103	15	dính găng	dính găng
103	21	hoặc nhiều) mặt	hoặc nhiều mặt
104	10	NHẬT	NHẬT
104	11	cửa khác Giữ	cửa khác. Giữ
106	11	THOI NHƠN.	THÔI NHƠN.
106	17	ngưng việc Ý chỉ	ngưng việc. Ý chỉ
106	18	thịnh-vương	thịnh-vượng
106	21	vua nhiều	vua Nghiêu
106	22	ca) NHẬT	ca). NHẬT
107	3	6568-NHIỆM TRỌNG TRI VIÊN	0568-NHIỆM TRỌNG TRI VIÊN.
108	8	6576	0576
109	6	quyết chiến thắng	quyết chiến quyết thắng
109	12	cậy phượng Phò	cậy phượng. Phò
111	26	PHI ĐIỀU	PHI ĐIỀU
112	12	Bá Di Thúc Tề	Bá Di, Thúc Tề
112	15	BẤT THỰC	BẤT THỰC
112	20	PHI XA TÀU THẠCH	PHI SA TÀU THẠCH
113	11	PHONG Y TỨC TRỰC.	PHONG Y TỨC THỰC.
113	17	giannan. Vất vả và gian truân	gian nan. Vất- và gian-truân.
114	16	BAT NGHĨA NHI PHỦ QUỶ	BẤT NGHĨA NHI PHỦ QUỶ
115	17	cây mạn Ý nói	cây mạn. Ý nói
116	5	ruộng dừa	ruộng dừa không
116	7	không sánh vai	không sánh vai
116	11	hơn tội	hơn tội.

117	16	PHÚC TÂM QUÂN CHI	PHÚC TÂM, QUÂN CHI
117	19	(Ly-Lâu-Hạ. Vua	(Ly-Lâu-Hạ). Vua
118	7	SA ĐỀ HOÀNG KIM.	SA ĐỀ HOÀNG KIM.
118	10	SANG ĐÀU KIM TẬN.	SANG ĐÀU KIM TẬN.
119	12	VO KIẾM	VÔ KIẾM
119	19	Bạc chi sĩ	Bạc chi-sĩ
120	16	Chi	Chi
122	11	MƯU	MUU
126	2	Dân Tộc	DÂN-TỘC
126	4	Dân-Quyền	DÂN-QUYỀN
126	21	MÃNH ĐA	MÃNH ĐẢ
126	24	THÀNH SAM	THÀNH SÂM
128	13	o688	o689
130	1	Ý TUC.	Ý TÚC.
130	16	TAM THỰC BẤT VONG.	TÂM THỰC BẤT VONG.
132	12	KHI NGUY.	KHÍ NGUY.
133	10	Trữ cỏ	Trữ cỏ
133	13	Chứa trữ	Chứa trữ
136	7	TIỀN THOẠI	TIỀN THOẠI
139	1	BẤT THÔNG.	BẤT THÔNG.
141	14	DĨ KINH	DĨ KÍNH
142	4	TU NHI	TÚ NHI
142	11	TUC TRÁI	TÚC TRÁI
142	13	như tiền kiếp.	từ tiền kiếp.
143	2	đối-phó.	đối-phó.
143	13	hiền đức, kẻ có	hiền đức và kẻ có
145	5	từ-tồn, đó	từ-tồn : Đó

<i>Trang</i>	<i>Giòng</i>	<i>In sai</i>	<i>Xin sửa lại là</i>
147	5	đề thiên hạ	đề thiên-hạ
148	2	bay liêng	bay liệng
—	3	mới hành động	mới hành động
—	7	âm vào	tâm vào
149	19	Cùng giông	Cùng giọng
150	1	NHÂM CAU	THÂM CAU
155	1	THIÊN HÌNH	THIÊN HÌNH
157	13	làm gương lấy môi	làm gương, lấy môi
158	5	An uống	Ăn uống
159	4	hữu dụng	hữu-dụng
162	4	THUY ĐẦU	THÙY ĐẦU
164	3	cây cung	cây cong
168	14	tin nơ	tin nơi
169	16	TRỪNG TRUNG KHÔ CỐT	TRỪNG TRUNG KHÔ CỐT
170	2	khả năng ma	khả năng mà
170	3	mà cư	mà cứ
174	6	người mù Đi học	người mù. Đi học
176	18	THIÊN SANH NHƠN ĐA DỤC	THIÊN SANH NHƠN ĐA DỤC
177	4	VÔ ĐỘ TẮC THẬT	VÔ ĐỘ TẮC THẤT
181	14	lo mặt	lố mặt

Đón đọc

VIỆT NAM NHÂN CHỨNG

(1945—1975)

Hồi ký của Trần Văn Đôn

Đón đọc **VIỆT NAM NHÂN CHỨNG** để biết:

- *Những bí ẩn về vua Duy Tân với sự ủng hộ của Thủ Tướng Pháp De Gaulle trên đường về Việt Nam, sau Thế Chiến Thứ Hai,*

- *Những bí ẩn về cuộc tiếp xúc giữa ông Ngô Đình Nhu, cố vấn chánh trị của Tổng Thống Ngô Đình Diệm và Phạm Hùng, người lãnh đạo cuộc tấn chiếm miền Nam Việt Nam của Cộng Sản,*

- *Những bí ẩn về cuộc tranh chấp của các Tướng Lãnh sau ngày chánh biến 1-11-1963, chính lý 30-1-1964, và tham vọng của các Tướng Nguyễn Khánh và Trần Thiện Khiêm,*

■ Tất cả đã được kể lại với những bằng chứng cụ thể qua ngòi bút chân thành của ông *Trần Văn Đôn*, nguyên Trung Tướng Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa, nguyên Nghị Sĩ Thượng Viện Quốc Hội Đệ Nhị Cộng Hòa, một người đã từng tham gia và chứng kiến nhiều biến cố lịch sử cận đại từ 1945 đến năm 1975.

■ Đọc **VIỆT NAM NHÂN CHỨNG** để sống lại từng ngày của một giai đoạn lịch sử, để hiểu rõ hơn tại sao lịch sử lại xảy ra như thế, và để rút tỉa bài học lịch sử cho tương lai.

do Nhà Xuất Bản **Xuân Thu** ấn loát và phát hành

VIỆT NAM MÁU LỬA

Nghiêm Kế Tổ



Việt Nam đã là một lò lửa từ 1945. Ở đấy lửa cháy liên tiếp trong những năm dài, thiêu tàn sức sống của muôn vật, ở đấy những con người nối đuôi nhau dài vô tận: chết âm thầm, đau đớn.

Cuộc đổ máu ở Việt Nam đã trường kỳ nhứt, gay go nhất, huyền ảo nhất:

Trường kỳ, bởi vì người Việt Nam đã chống lại chế độ của người ngoại quốc từ thế kỷ nay.

Gay go, bởi vì đã có bao nhiêu anh hùng liệt sĩ Việt Nam phải bỏ mình và đã có ngay bao nhiêu mầm non của đất nước tiếp tục sự nghiệp đấu tranh.

Huyền ảo, bởi vì ở Việt Nam, lòng tin tưởng thường chọi nhau với tù đày, trí cương quyết thường chọi nhau với sức tàn sát, những cánh tay gầy thường chọi nhau với những súng ống tối tân...

Thực ra không phải người Việt Nam chỉ mới chiến đấu từ 1945, không phải chỉ mới nổi dậy từ khi mặt trận Việt Nam độc lập Đồng Minh thành lập. Người Việt Nam đã chiến đấu từ trước năm 1930 khi ở Việt Nam các đảng phái cách mạng thành lập, hơn nữa người Việt Nam đã chiến đấu từ lâu rồi, âm thầm chiến đấu, nối tiếp chiến đấu... Và còn chiến đấu cho đến khi nước nhà độc lập, nước nhà thống nhất, nước nhà tự do trong hòa bình tiến bộ, trong nhân loại thái bình.

XUÂN THU

P.O. Box 97

Los Alamitos CA 90720